

ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ

QUO VADIS, HUMANITAS?

(NHÂN LOẠI, NGƯỜI ĐI ĐÂU?)

SUY TƯ VỀ NHÂN HỌC KITÔ GIÁO TRƯỚC MỘT SỐ VIỄN CẢNH VỀ TƯƠNG LAI CỦA CON NGƯỜI

04.03.2026

Bản dịch của tác giả: TRẦN NGỌC HUYNH SJ, từ nguyên bản tiếng Ý

tại link gốc ([QUO VADIS, HUMANITAS? – NHÂN LOẠI, NGƯỜI ĐI ĐÂU? – Trần Ngọc Huỳnh SJ](#))

Tham khảo thêm bản văn tiếng anh ([tại đây](#))

GHI CHÚ SƠ BỘ.....	2
DẪN NHẬP.....	3
1. PHƯƠNG PHÁP CỦA TÀI LIỆU NHÂN DỊP KỶ NIỆM 60 NĂM HIẾN CHẾ <i>GAUDIUM ET SPES</i>	4
2. CẤU TRÚC CỦA TÀI LIỆU: CÁC PHẠM TRÙ NỀN TẢNG	5
3. TRỌNG TÂM CỦA TÀI LIỆU: ĐỐI CHIẾU VỚI NHỮNG THÁCH THỨC CỦA THUYẾT SIÊU NHÂN HỌC (TRANSMANESIMO) VÀ HẬU NHÂN HỌC (POSTUMANESIMO)	6
4. SỰ PHÂN ĐỊNH VÀ CHIỀU KÍCH KERYGMA (RAO GIẢNG) CỦA THẦN HỌC: ƠN GỌI TOÀN DIỆN CỦA CON NGƯỜI.....	8
CHƯƠNG I - SỰ PHÁT TRIỂN: CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN VÀ HẬU NHÂN BẢN.....	9
1. SỰ PHÂN ĐỊNH CỦA HUÂN QUYỀN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN VÀ CÔNG NGHỆ.....	10
2. MỘT SỐ HỆ QUẢ NHÂN HỌC CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ GẦN ĐÂY	13
2.1. <i>Mối quan hệ với môi trường tự nhiên</i>	14
2.2. <i>Mối quan hệ với tha nhân trong thế giới kỹ thuật số</i>	15
2.3. <i>Sự tự hiểu biết: ý thức và tính thân xác</i>	18
2.4. <i>Mối quan hệ với Thiên Chúa</i>	19
3. TÁC ĐỘNG VĂN HÓA CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ: HƯỚNG TỚI MỘT SỰ PHÂN ĐỊNH MANG TÍNH PHẢN BIỆN	20
CHƯƠNG II - CUỘC SỐNG NHƯ LÀ ƠN GỌI: NGÔI VỊ CON NGƯỜI LÀ TÁC NHÂN TRONG LỊCH SỬ	25
1. CHIỀU KÍCH LỊCH SỬ CỦA KINH NGHIỆM CON NGƯỜI: THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN	25
1.1. <i>Sống thời gian với một ý thức lịch sử lành mạnh</i>	26
1.2. <i>Cư ngụ trong không gian: từ không gian riêng đến những “ngưỡng cửa”</i>	29
2. CÁC MỐI TƯƠNG QUAN VÀ Ý THỨC THUỘC VỀ: TÍNH LIÊN CHỦ THỂ.....	32
3. ƠN GỌI TOÀN DIỆN HƯỚNG TỚI SỰ HIỆN THỰC HÓA TRONG TÌNH YÊU.....	37

CHƯƠNG III - HỒNG ÂN SỰ SỐNG VÀ SỰ HIỆP THÔNG TRƯỚC NHỮNG VIỆN CẢNH VỀ TƯƠNG LAI CỦA CON NGƯỜI	39
1. CĂN TÍNH CÁ NHÂN: MỘT ÂN BAN VÀ MỘT NHIỆM VỤ	39
1.1. <i>Nhiệm vụ trở thành chính mình: ân ban, tình yêu, tự do</i>	40
1.2. <i>Sự phức tạp của căn tính</i>	41
2. HỒNG ÂN SỰ SỐNG VÀ SỰ HIỆP THÔNG TRƯỚC THUYẾT SIÊU NHÂN HỌC VÀ HẬU NHÂN HỌC	43
2.1. <i>Định hình căn tính của bản thân khởi đi từ thân xác được ban tặng</i>	43
2.2. <i>Trở nên một ân ban cho tha nhân</i>	44
2.3. <i>Sự siêu việt của ân ban từ Thiên Chúa mở ra cho chúng ta một chân trời vô tận</i>	45
3. VỊ THẾ ĐỘC ĐÁO CỦA CON NGƯỜI TRONG VŨ TRỤ	46
CHƯƠNG IV - NHÂN LOẠI ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH, ĐƯỢC CỨU ĐỘ VÀ ĐƯỢC NÂNG CAO.....	47
1. NHỮNG “CĂNG THẲNG PHÂN CỰC” CỦA THÂN PHẬN THỤ TẠO	48
2. KINH NGHIỆM CON NGƯỜI TRONG VỞ KỊCH CỦA TỘI LỖI VÀ ÂN SỦNG	51
2.1. <i>Sự rạn nứt các mối tương quan cấu thành căn tính con người</i>	51
2.2. <i>Ơn cứu độ thông qua nhân tính của Chúa Kitô</i>	53
3. NHÂN LOẠI MỚI TRONG THẦN KHÍ CỦA ĐỨC GIÊSU KITÔ, CON THIÊN CHÚA.....	55
KẾT LUẬN - HỒNG ÂN THẦN HÓA NHƯ LÀ SỰ NHÂN HÓA ĐÍCH THỰC	58
1. NGƯỜI MẸ MANG NHÂN TÍNH TRỌN VẸN	60
2. THÁCH THỨC CỦA NGƯỜI NGHÈO.....	61
CHÚ THÍCH	61

Ghi chú sơ bộ

Ủy ban Thần học Quốc tế không chỉ là một nhóm người tụ họp lại để soạn thảo một văn bản, mà đúng hơn là một không gian trao đổi và thảo luận tự do, mang sự phong phú từ góc nhìn của nhiều cá nhân đến từ các bối cảnh rất khác nhau.

Trong nhiệm kỳ 5 năm lần thứ 10, Ủy ban Thần học Quốc tế đã có cơ hội đào sâu nghiên cứu về nhân học Kitô giáo trước những thách thức văn hóa đương đại, được truyền cảm hứng từ dịp kỷ niệm 60 năm ban hành Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes* (Vui mừng và Hy vọng) (1965-2025) của Công đồng Chung Vatican II. Công việc này được thực hiện bởi một Tiểu ban đặc biệt, do Linh mục Javier Prades López làm chủ tịch và bao gồm các thành viên sau: Linh mục Alberto Cozzi, Linh mục Simon Francis Gaine, O.P., Linh mục Carlos Maria Galli, Giáo sư Reinhard Huetter, Linh mục Victor Ronald La Barrera Villarreal, Giáo sư Isabell Naumann, I.S.S.M., Nữ tu Josee Ngalula, R.S.A., Linh mục Bernard Pottier, S.I.

Các cuộc thảo luận chung về chủ đề này đã diễn ra trong các cuộc họp của Tiểu ban cũng như tại các Phiên họp Toàn thể của chính Ủy ban, trong những năm 2022-2025, dưới sự điều phối của Tổng Thư ký, Đức ông Piero Coda. Văn bản này đã được đệ trình để bỏ phiếu và được các thành viên Ủy ban Thần học Quốc tế nhất trí phê chuẩn dưới hình thức cụ thể trong phiên họp toàn thể năm 2025. Sau đó, tài liệu đã được đệ trình để xin sự phê chuẩn của vị Chủ tịch Ủy ban, Đức Hồng y Víctor Manuel Fernández, Tổng trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, người mà sau khi nhận được sự chấp thuận của Đức Thánh Cha Lêô XIV, đã cho phép xuất bản vào ngày 9 tháng 2 năm 2026.

DẪN NHẬP

1. Sự tăng tốc gần đây của phát triển công nghệ và những tiến bộ của khoa học đã làm sống lại sự kinh ngạc trước những tiềm năng to lớn của nhân loại và nhận thức về sự vĩ đại của nó. Tuy nhiên, sự hoang mang trước sự mỏng giòn của nhân loại cũng không hề giảm bớt, khi con người phải chịu cảnh chết chóc và bệnh tật, như đại dịch Covid-19 đã chứng minh, mà còn bị cám dỗ buông xuôi trước cái ác dường như không thể tránh khỏi của chiến tranh và xung đột, của sự bất bình đẳng và sự thờ ơ. Do đó, vẫn luôn tồn tại sự mâu thuẫn giữa sự vĩ đại và sự mỏng giòn, điều không thể chối cãi.

Cần tránh mọi nỗ lực đơn giản hóa sự mâu thuẫn này bằng cách chọn một trong hai thái cực: không thể kiểm duyệt sự mỏng giòn và giới hạn tự nhiên để chỉ tôn vinh sự vĩ đại và sức mạnh, có lẽ bằng cách tin tưởng mù quáng vào kết quả của nghiên cứu công nghệ và khám phá khoa học; nhưng cũng không được cam chịu mọi giới hạn và sự mỏng giòn của cuộc sống mà lãng quên những tiềm năng đã được ghi khắc trong bản tính thông minh và thiêng liêng của chúng ta. Chính nhiệm vụ định hình căn tính của bản thân một cách có trách nhiệm, được giao phó cho mỗi người, đòi hỏi không được đơn giản hóa bản tính con người.

2. Trở thành một ngôi vị con người, với một phẩm giá vô biên, không phải là điều do chúng ta tự kiến tạo hay mua được, mà là hoa trái của một ân ban nhưng không đã có trước chúng ta.[1] Và đó không phải là một món quà chỉ đơn thuần được nhận trong quá khứ, mà là điều tồn tại như một ân ban trong mọi hoàn cảnh hiện sinh của chúng ta, mãi mãi, trở thành một nhiệm vụ không thể chuyển giao. Chiếm hữu món quà này, bằng cách định hình căn tính của mình, là cuộc phiêu lưu của cuộc sống, một nhiệm vụ phải được đảm nhận trong tự do và trong các mối tương quan mà qua đó chúng ta nhận biết chính mình, người khác và thực tại, để rồi chúng ta có thể đóng góp phần độc đáo và duy nhất của mình vào lịch sử nhân loại, đáp lại ơn gọi của mình. Ân ban này được đón nhận bên trong một tiếng “chúng ta”, của một cộng đoàn mà mỗi người thuộc về và lớn lên trong đó.

3. Kinh nghiệm tôn giáo và đặc biệt là đức tin Kitô giáo đề nghị hãy sống trong sự mâu thuẫn giữa sự vĩ đại và giới hạn của con người này mà không hề đơn giản hóa nó, bằng cách đọc hiểu nó dưới ánh sáng của mối tương quan nguyên thủy và nền tảng với Thiên Chúa. Trong Thánh Vịnh 8, hướng về Thiên Chúa trong một cuộc đối thoại chân thành, người cầu nguyện tự hỏi “*con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến, phàm nhân là gì, mà Chúa phải bận tâm*” (Tv 8,5). Tác giả trả lời bằng

cách ghi nhận sự vĩ đại mà Thiên Chúa đã ban cho con người trong công trình sáng tạo của Ngài: *“Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy, ban vinh quang danh dự làm vương miện đội đầu, cho làm chủ công trình tay Chúa sáng tạo, đặt muôn loài muôn sự dưới chân”* (Tv 8, 6-7).[2] Nghịch lý này nhận được ánh sáng dứt khoát từ mầu nhiệm Vượt qua của Đức Giêsu Kitô, nơi giới hạn, sự hữu hạn và sự mau qua, cũng như sự rối loạn do tội lỗi gây ra, bị vượt qua bởi hoạt động của ân sủng với hồng ân làm con Thiên Chúa, điều làm cho chúng ta được thông phần vào sự sống của Đấng Phục Sinh, theo ý định của Chúa Cha và nhờ sự đổi mới mọi sự trong Chúa Thánh Thần.

4. Đức Thánh Cha Phanxicô đã lặp lại câu hỏi của Thánh Vịnh 8, nhấn mạnh câu trả lời của nhân học Kinh Thánh, tập trung vào các yếu tố nền tảng của mối tương quan tự do và có trách nhiệm với thụ tạo, với tha nhân và với Thiên Chúa. Nhưng sau đó ngài nhận thấy rằng *“ngày nay chúng ta nhận ra các nguyên tắc lớn và các khái niệm nền tảng của nhân học không hiếm khi bị đặt thành vấn đề, một phần do nhận thức ngày càng tăng về sự phức tạp của thân phận con người, và đòi hỏi phải đào sâu hơn nữa”*.[3] Đức Thánh Cha Lêô XIV đã biện minh cho việc chọn tước hiệu của ngài bằng cách nhắc lại việc *“ngày nay Giáo hội cung cấp cho mọi người kho tàng giáo lý xã hội của mình để ứng phó với một cuộc cách mạng công nghiệp khác và với những sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, vốn kéo theo những thách thức mới đối với việc bảo vệ phẩm giá con người, công lý và lao động”*.[4]

5. Suy tư về nhân học dưới ánh sáng của Mặc khải được mời gọi để diễn giải những điều kiện phức tạp của một thế giới đang trải qua sự thay đổi sâu sắc đến mức được định nghĩa là mang tính “thời đại”. Sự hiểu biết về con người đã đạt được những kết quả xác định rõ ràng trong lịch sử tư tưởng (đặc biệt là trong truyền thống phương Tây). Do đó, có vẻ như sự suy tư sâu hơn nên tập trung vào việc làm rõ một số khía cạnh cụ thể của hành động con người. Thay vào đó, ngày nay, chúng ta thấy mình lại phải nỗ lực khám phá mầu nhiệm của chính con người, trong căn tính của nó. Những thách thức ngày nay buộc chúng ta phải bước ra khỏi những sự chắc chắn đã đạt được và cũng có thể khơi dậy những nỗi sợ hãi, thường không phải là vô cớ. Suy tư về con người, trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống cá nhân và xã hội, dường như đang đẩy xa hơn khuôn khổ con người, đặt vấn đề về tính đặc thù của chính bản tính con người.

1. Phương pháp của tài liệu nhân dịp kỷ niệm 60 năm Hiến chế *Gaudium et spes*

6. Lý trí được soi sáng bởi đức tin phải thiết lập một sự đối chiếu giữa những chân trời nhân học mới và những đòi hỏi muôn thuở của thân phận con người: *“Sự phân định phải phân biệt cẩn thận giữa những yếu tố tương thích với Tin Mừng và những yếu tố trái nghịch, giữa những đóng góp tích cực và những khía cạnh ý thức hệ, nhưng sự hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới xuất phát từ đó chỉ có thể thúc đẩy hướng tới một sự trân trọng thấu đáo hơn đối với Chúa Kitô và Tin Mừng, vì Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ thế gian”*.[5]

7. Sự phân định này được lấy cảm hứng từ dịp kỷ niệm 60 năm “Hiến chế Mục vụ” *Gaudium et spes* (1965-2025), một dịp kỷ niệm định hướng tài liệu hiện tại này tới một suy tư mới gắn liền với

nhân học cá nhân và xã hội được đề xuất trong Hiến chế và trong Huấn quyền sau đó, vốn đã tiếp nhận và phát triển giáo huấn của Hiến chế. Cần nhấn mạnh bản chất độc đáo của *Gaudium et spes*, một Hiến chế của Công đồng với giá trị Huấn quyền cụ thể, được thể hiện qua cam kết xem xét kỹ lưỡng thân phận của nhân loại trong thế giới ngày nay. Lần đầu tiên trong lịch sử, một tài liệu ở cấp độ này đề xuất một cách có hệ thống một tầm nhìn về con người được soi sáng bởi mầu nhiệm Chúa Kitô. Tiếp nối bước đường đó, ngày nay chúng ta cần tái đề xuất nhân học Kitô giáo trong một cuộc đối thoại cởi mở và phản biện với những yêu cầu mới nhất của các nền văn hóa và kinh nghiệm con người. Chính trong sự tham chiếu đến *Gaudium et spes*, con người được đặt làm trung tâm của tài liệu, con người “toàn diện, trong sự thống nhất giữa hồn và xác, giữa trái tim và lương tâm, giữa trí tuệ và ý chí” [6], nhằm thúc đẩy chủ nghĩa nhân bản toàn diện và liên đới “có khả năng tạo sinh khí cho một trật tự xã hội, kinh tế và chính trị mới, được xây dựng trên phẩm giá và tự do của mọi ngôi vị con người, để được hiện thực hóa trong hòa bình, công lý và tình liên đới”. [7]

2. Cấu trúc của tài liệu: Các phạm trù nền tảng

8. Để thực hiện một cách thỏa đáng cam kết phân định phản biện trước một số viễn cảnh nổi bật nhất về tương lai của con người, tài liệu đề xuất bốn phạm trù nền tảng, trong mỗi chương cấu thành tài liệu. Khởi đi từ việc xem xét khái niệm *sự phát triển*, vốn là nền tảng của nhiều đổi mới công nghệ và xã hội đang diễn ra. Nhu cầu đảm bảo một sự phát triển con người toàn diện sau đó dẫn đến việc suy tư về phạm trù *ơn gọi*, như một chìa khóa hiểu biết nhân học, mà đến lượt nó, lại hướng đến vấn đề *căn tính* con người, ở cả cấp độ cá nhân và xã hội. Cuối cùng, tài liệu đào sâu *tình trạng kịch tính*, tức là mang tính lịch sử và tự do, vốn đặc trưng cho căn tính con người, được hiểu như là ơn gọi, và cuộc đối thoại của nó với những thách thức kỹ thuật – khoa học mới.

9. Suy tư về *sự phát triển*, tài liệu muốn ghi nhận, một mặt, thân phận lịch sử – thời gian của một nhân loại đã phát triển chưa từng có trong lịch sử của mình, với dân số tăng gấp ba lần trong vòng 70 năm. Mặt khác, định hướng này mang lại cơ hội để xem xét phản biện các điều kiện sống cụ thể của các cá nhân và các dân tộc trong sự tiến bộ của thế kỷ XXI này, được đánh dấu bằng sự tăng trưởng theo cấp số nhân của các nguồn lực kỹ thuật – khoa học và tác động của chúng đối với đời sống nhân loại. Sự phát triển hiện tại thực tế đang dao động trong một sự căng thẳng giữa việc nỗ lực cải thiện cụ thể các điều kiện sống của các dân tộc và những giấc mơ thậm chí thực hiện việc thay thế con người.

10. Phạm trù thứ hai là *ơn gọi toàn diện*, được lấy lại từ *Gaudium et spes*, trong đó, khởi đi từ việc phân tích các điều kiện cụ thể về không gian, thời gian và tính liên chủ thể, vốn đặc trưng cho kinh nghiệm chung của con người, nhân học Kitô giáo xuất hiện một cách cấu thành mang tính tương quan và đáp trả, và với tư cách đó là có trách nhiệm.

11. Khái niệm thứ ba, khái niệm về *căn tính*, chưa được đào sâu một cách rõ ràng trong các tài liệu trước đây. [8] Vấn đề căn tính con người trên thực tế tự áp đặt như một dấu chỉ của thời đại

chúng ta chính vì những chiều kích mà tiến bộ kỹ thuật – khoa học đã đảm nhận, điều ngày nay dường như cho phép những sự can thiệp vào bản tính con người mà cho đến gần đây là không thể tưởng tượng được, đến mức khuyến khích sự tự phụ của các cá nhân và xã hội hướng tới một sự tự quyết tuyệt đối.[9]

12. Từ khóa thứ tư của tài liệu hướng đến *tình trạng kịch tính* của quá trình hiện thực hóa căn tính con người. Hành trình khám phá, trưởng thành và viên mãn của nó rất phức tạp: nó đi qua những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, trong đó mỗi cá nhân và mỗi dân tộc phải dần thân một cách tự do và cũng phơi mình trước những rủi ro, vấp ngã và đau khổ. Việc con người tìm kiếm căn tính không phải là một vấn đề đã được định nghĩa trước, để được áp dụng theo cách diễn dịch. Sự Mặc khải của Thiên Chúa Ba Ngôi mở ra chân trời của một tính tương hỗ bất đối xứng trong cuộc gặp gỡ giữa tự do của Thiên Chúa và tự do của con người (theo các phạm trù Kinh Thánh về giao ước và hôn nhân). Trong tính tương hỗ này, tự do và tình yêu của Thiên Chúa là “tuyệt đối” (ab-soluti), vì chúng mang tính nguyên thủy và vô điều kiện; ngược lại, tự do của con người được khơi dậy và mang tính đáp trả, được mời gọi để quyết định vì sự thiện đích thực, phù hợp với thánh ý Thiên Chúa. Mỗi con người, trong việc hiện thực hóa nhân tính được Thiên Chúa ban tặng, đại diện cho một điều gì đó mới mẻ và không thể suy diễn. Do đó, căn tính của mỗi người phải luôn được khám phá (lại) và thực hiện một cách cá vị, nhờ cuộc đối thoại với Thiên Chúa hằng sống, trong bối cảnh những hoàn cảnh khác nhau của một nhân loại được định vị, nơi người ta cảm nghiệm được những căng thẳng mà Đức Thánh Cha Phanxicô đã gọi là “những căng thẳng lưỡng cực” (tensioni bipolari).[10]

3. Trọng tâm của tài liệu: Đối chiếu với những thách thức của thuyết siêu nhân học (transumanesimo) và hậu nhân học (postumanesimo)

13. Tình trạng kịch tính của tiến trình lịch sử nhân hóa – được cứu chuộc và được đưa tới sự viên mãn nhưng không trong Chúa Kitô – diễn ra trong ý thức mà mỗi con người có được về sự hữu hạn của mình trong cuộc gặp gỡ không thể tránh khỏi với Đấng Vô Hạn.[11] Con người là thụ tạo duy nhất biết rằng mình là hữu hạn và do đó phải đối mặt với thực tế này. Có thể xem xét các lựa chọn khác nhau mở ra trước mỗi con người: người ta có thể cố gắng tuyệt đối hóa sự hữu hạn; người ta có thể cố gắng trốn thoát khỏi sự hữu hạn vào một sự vô hạn hư cấu; người ta có thể tìm cách thỏa hiệp với sự hữu hạn; người ta có thể sống trong sự căng thẳng giữa sự hữu hạn và vô hạn, trong niềm hy vọng về một sự viên mãn được nhận như một ân ban.

Bốn khả năng này chứng minh, theo những cách khác nhau, rằng con người không thể tìm thấy sự thỏa mãn trong thân phận hữu hạn, mà được hướng về “cái khác của mọi sự hữu hạn”, về “cái vô điều kiện”. Ít nhất họ phải hình dung ra sự đối lập của cái hữu hạn, ngay cả khi họ bị thuyết phục rằng không có gì thực sự là vô hạn, vô điều kiện, tuyệt đối. Và chính vì nhận thức được sự hữu hạn của mình, con người khao khát cháy bỏng vượt lên trên tất cả những gì là hữu hạn. Tất nhiên, họ cũng có thể tuyệt vọng vì sự hữu hạn không thể vượt qua của chính mình. Tuy nhiên, các hình thức tuyệt

vọng khác nhau, nếu được xem xét kỹ lưỡng, bộc lộ những nỗ lực của con người nhằm vượt qua sự căng thẳng giữa hữu hạn và vô hạn, bằng cách chạy trốn khỏi sự hữu hạn hoặc tuyệt đối hóa nó. Sự phân tích này, một mặt làm cho chúng ta nhận thức được những căng thẳng thuộc về kinh nghiệm con người của mọi thời đại, mặt khác mời gọi chúng ta xem xét những hình thức mới mà chúng đạt được trong một số trào lưu tư tưởng có ảnh hưởng sâu sắc trong xã hội đương đại, chẳng hạn như thuyết siêu nhân học và thuyết hậu nhân học.

14. Thuyết siêu nhân học (Transumanesimo) và hậu nhân học (Postumanesimo), mặc dù có liên quan với nhau và đôi khi được coi là đồng nhất (do các định nghĩa tương ứng của chúng vẫn còn khá lỏng lẻo), đại diện cho các quan điểm khác nhau trong việc hiểu bản tính con người và tương lai của nhân loại.

Thuyết siêu nhân học là một phong trào triết học hoạt động với niềm tin rằng con người có thể và phải sử dụng các nguồn lực của khoa học và công nghệ để vượt qua những giới hạn vật lý và sinh học của thân phận con người, đặc biệt là sự lão hóa và thậm chí là cái chết, từ đó định hình sự tiến hóa của chính mình và tối đa hóa tiềm năng của mình, cho đến mức thiết kế lại con người để làm cho nó phù hợp để hướng xa hơn. Với sự nhấn mạnh mang tính cương lĩnh vào việc gia tăng năng lực của cá nhân con người, nó phát triển một quan điểm lấy con người làm trung tâm một cách rõ rệt, tán thành một tầm nhìn ý thức hệ và ngây thơ thiếu phản biện về tiến bộ khoa học-công nghệ.[12]

Thuyết siêu nhân học tưởng tượng ra một tương lai trong đó con người sẽ hoàn thiện hình thể sinh học hiện tại vốn xác định bản tính con người, để đạt được mục tiêu về sự bất tử cá nhân được hỗ trợ bởi công nghệ. Trong phạm vi không tưởng của việc tìm kiếm một sự bất tử nội tại, thuyết siêu nhân học có thể được diễn giải như một biểu hiện hiện sinh của một sự tự phụ vừa ngây thơ vừa ngạo mạn.

15. Thuyết hậu nhân học hiểu theo nghĩa hẹp chỉ trích chủ nghĩa nhân bản truyền thống, đặt vấn đề về tính đặc thù của con người và sự tồn tại của một “hình thể con người” mà tư cách của nó xứng đáng được gìn giữ vì nó mang một ý nghĩa có giá trị phổ quát. Do đó, nó nhấn mạnh sự “lai tạp” (cyborg – người máy), cho đến mức phá vỡ chủ thể con người, làm cho ranh giới giữa con người và máy móc trở nên hoàn toàn lỏng lẻo,[13] và từ chối chủ nghĩa lấy con người làm trung tâm vốn vẫn là đặc trưng của thuyết siêu nhân học.[14] Cuối cùng, thuyết hậu nhân học theo nghĩa hẹp có thể được hiểu như một biểu hiện hiện sinh của sự trốn chạy khỏi thực tại, bắt nguồn từ một sự hạ thấp triệt để con người.

16. Sự thấu hiểu của đức tin Kitô giáo thúc đẩy việc tìm kiếm một sự tổng hợp của những căng thẳng sâu sắc vốn xác định đặc tính của con người, và dưới một hình thức chưa từng có đầy thách thức đang được thuyết siêu nhân học và hậu nhân học đề xuất lại ngày nay, trong Chúa Kitô Đáng Cứu Chuộc, Đáng đã chết và sống lại: mà không tạo ra những sự thay thế hoặc đối lập giữa chúng hoặc bên trong chúng, như thường xảy ra trong các sự đối lập quay trở lại trong các cuộc tranh

luận hiện tại giữa “căn tính được ban tặng” và “căn tính được kiến tạo”, giữa “tự nhiên” và “văn hóa”, giữa “chiều kích cộng đoàn/xã hội” và “chiều kích cá nhân/ngôi vị”, giữa việc thuộc về một “văn hóa lịch sử cụ thể” và thuộc về “nhân loại phổ quát”. Trong một tầm nhìn chuyên biệt về Kitô giáo và thần học, tình trạng kịch tính của tiến trình lịch sử nhân hóa, khởi đi từ sự phân cực của hữu hạn và vô hạn, trên thực tế đã được cứu độ và đưa đến sự viên mãn trong Đức Giêsu Kitô, và không thể tìm thấy giải pháp trong bất kỳ hình thức thay thế hay xóa bỏ con người nào.

4. Sự phân định và chiều kích kerygma (rao giảng) của thần học: Ôn gọi toàn diện của con người

17. Mục đích của tài liệu không chỉ là đưa ra một sự phân định có khả năng sàng lọc những hệ quả nhân học của các khám phá kỹ thuật – khoa học và những lựa chọn đạo đức tương ứng của con người và xã hội ngày nay. Nó cũng bao hàm một đề xuất mang tính ngôn sứ dưới ánh sáng của Tin Mừng.[15] Bản chất lý thuyết-thực hành của thần học bao hàm việc loan báo đức tin (*kerygma*) và sự giáo dục hướng tới một tầm nhìn về con người, trong sự đối thoại với những tiến bộ của khoa học, trong đó mọi điều thiện hảo có thể được tích hợp (x. 1 Tx 5,21) và vượt qua những gì mang tính hạn chế hoặc trừng phạt đối với sự viên mãn tối hậu của mỗi cá nhân và của toàn thể nhân loại.

18. Do đó, tài liệu định hướng một cách tích cực hướng tới một đề xuất thần học và mục vụ liên quan đến đời sống con người được hiểu như một ơn gọi. Mức độ sâu sắc nhất của mọi kinh nghiệm cá nhân và xã hội là được kêu gọi bởi một Người Khác (A), trong viễn cảnh của một ân ban đi trước và làm cho sự đáp trả trở nên khả thi, theo một động lực đồng trách nhiệm đối với người khác và đối với Thiên Chúa. Đây là sự hiểu biết lý thuyết-thực hành về con người mà cộng đoàn Giáo hội mong muốn trao tặng cho tất cả mọi người.

19. Tóm lại, điều đang bị đe dọa là vấn đề về căn tính con người, cá nhân và tập thể, trong một thế giới đang phát triển, dưới ánh sáng của ơn gọi trong Chúa Kitô, hay nói cách khác là sự tái khẳng định “*ơn gọi toàn diện của con người*”.[16] Ôn gọi này được đặt trong bối cảnh của một “chủ nghĩa nhân tâm định vị” (*antropocentrismo situato*),[17] tức là một thế giới quan mà một mặt duy trì giá trị đặc biệt và trung tâm của con người giữa bản hòa tấu tuyệt vời của mọi hữu thể, và mặt khác nhận ra rằng đời sống con người là không thể hiểu được và không thể duy trì được nếu không có các thụ tạo khác. Trong thế giới này, ơn gọi trong Chúa Kitô là sơ khởi, đi trước và làm nền tảng cho sự đáp trả của Kitô hữu, do đó những ảo tưởng hay sự thất vọng trên đường đi không thể phủ nhận căn tính làm con mà chúng ta được kêu gọi trong Chúa Kitô nhờ ân ban của Chúa Thánh Thần.

20. Phân tích hiện tượng học và đánh giá phản biện nền văn hóa trong các chiều kích khác nhau của nó được soi sáng nhờ niềm hy vọng Kitô giáo, được đặt nền tảng trên sự xác tín của đức tin vào định mệnh tốt đẹp của mỗi người trong Đức Giêsu Kitô, trong sự viên mãn của đời sống phục sinh. Đây là chân trời của mọi sự biến đổi mà con người có thể khao khát cho chính mình và cho người khác trong hành trình lịch sử của gia đình nhân loại. Cái nhìn tích cực này đặc biệt được nâng

đỡ bởi hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria, người mà lời đáp trả trước tiếng gọi của Thiên Chúa phản chiếu tất cả vẻ đẹp của cuộc sống trong Chúa Kitô, không khép kín nơi bản thân và những kế hoạch của riêng mình, mà mở ra với thánh ý trung tín của Chúa tể lịch sử và của muôn loài muôn sự.

Chương I - SỰ PHÁT TRIỂN: CHỦ NGHĨA NHÂN BẢN VÀ HẬU NHÂN BẢN

21. Chúng ta hãy bắt đầu từ việc phân tích khái niệm “sự phát triển”. Đây là một phạm trù hiện diện trong các cuộc tranh luận về những thay đổi đang diễn ra và liên quan đến các vấn đề con người và xã hội rất khác nhau. Chương này nhằm mục đích bối cảnh hóa các tiềm năng của nhiều cách thức khác nhau mà khoa học, kỹ thuật, và văn hóa ngày nay quan niệm về “sự phát triển” của từng cá nhân, xã hội và thế giới toàn cầu. Đây là một phạm trù hướng đến tương lai của nhân loại, điều mà ngày nay nhiều người cảm thấy đang gặp nguy hiểm và để bảo vệ nó, người ta khẩn thiết kêu gọi sự đóng góp từ tất cả các tác nhân xã hội. Chính vì điều này, trong nhiều bối cảnh xã hội, văn hóa và chính trị, một câu hỏi tương tự trỗi dậy mạnh mẽ: chúng ta đang đi về đâu với tư cách là một nhân loại? *Quo vadis, humanitas?* [18]

22. Bất kỳ quan niệm nào về “sự phát triển” đều hàm chứa một sự hiểu biết đặc thù về giá trị học và nhân học, theo đó nó phán đoán điều gì là tiến bộ hay thụt lùi, so với một lý tưởng nhất định. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân định những thách thức này, chúng ta bắt đầu bằng một bản trình bày tóm tắt giáo lý của Huấn quyền về “sự phát triển” từ Công đồng Vaticanô II trở đi. Trong các văn bản của Huấn quyền nổi lên mỗi bận tâm về một “sự phát triển toàn diện” của nhân loại, tôn trọng phẩm giá và căn tính đích thực của nó, cũng như mục đích tối hậu, vốn hướng về một mầu nhiệm hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa Ba Ngôi và giữa chúng ta với nhau. Sự cân bằng này có thể bị tổn hại bởi hai cám dỗ: thứ nhất, giấc mơ thực hiện một bước nhảy vọt tiến hóa thông qua công nghệ nhằm biến đổi con người như chúng ta biết, tăng cường sức mạnh cho nó bằng những điều kỳ diệu của khoa học và kỹ thuật, gần giống như một sự tự sinh, cho phép tự phát minh và “sáng tạo” chính mình vượt ra ngoài các điều kiện và giới hạn của bản tính con người. Thứ hai, những giấc mơ tương tự được xây dựng trên một tầm nhìn cá nhân chủ nghĩa về chủ thể và định mệnh của nó, và chỉ tin tưởng vào những đổi mới khoa học, hy vọng rằng chúng có thể cải thiện hạnh phúc cá nhân, ngay cả khi trên thực tế những tác động mạnh mẽ của các quy luật thị trường và lợi nhuận ảm đạm thường ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại và tương lai của những con người cụ thể. Kết quả là làm tổn hại đến nhân tính chung, những mối dây huynh đệ một mặt, và đồng thời thu hẹp không gian tự do thực sự của những con người có ít hoặc không có cơ hội.

23. Chính sự tăng tốc được kích hoạt bởi các khám phá khoa học và công nghệ, được thúc đẩy bởi các điều kiện kinh tế và bối cảnh chính trị thuận lợi, đòi hỏi phải kiểm chứng ý nghĩa và định hướng của “sự phát triển” này, cả trong việc đối chiếu với các phạm trù khác như “tiến bộ” hoặc “tiến hóa” thay vì “thụt lùi” hoặc “suy tàn”, và đặc biệt là yêu cầu về một sự cải thiện con người, cho đến mức hướng tới việc tìm kiếm một “siêu nhân”. [19] Vẫn còn phải tự hỏi liệu giấc mơ về một sự chuyển

đổi sang một giai đoạn vượt quá con người này có dẫn đến một tình trạng “phi nhân” hay không. Mặc dù phải thừa nhận rằng ước muốn “vượt lên trên” này, vượt qua chính mình và điều kiện hiện tại để làm người cách trọn vẹn, thể hiện một sự căng thẳng cấu thành bản tính con người. Do đó, chúng ta có thể phân biệt giữa một ý nghĩa tích cực của sự “vượt qua”, trong đó nhận ra sự cởi mở với cái vượt ra ngoài của bản tính con người, và một ý nghĩa tiêu cực, nếu ý tưởng vượt qua bao hàm sự thay thế hoặc xóa bỏ con người.

24. Ý nghĩa đúng đắn của việc “vượt lên trên” đặc trưng cho con người này được tìm thấy trong từ “transumanar” (siêu việt nhân tính) được Dante thể hiện trong Khúc ca đầu tiên của phần Thiên Đàng (*Paradiso*),[20] cũng như trong các phương thức khác của kinh nghiệm “thần hóa”, hệ quả của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa nhờ ân sủng hơn là sản phẩm của các kỹ thuật con người ít nhiều tinh vi: “Chỉ nhờ cuộc gặp gỡ này – hay sự tái ngộ – với tình yêu của Thiên Chúa, vốn biến thành một tình bạn hạnh phúc, mà chúng ta được giải thoát khỏi lương tâm cô lập và sự quy ngã của mình. Chúng ta trở thành con người trọn vẹn, khi chúng ta hơn cả con người, khi chúng ta để Thiên Chúa dẫn dắt chúng ta vượt ra khỏi chính mình, để chúng ta đạt tới hữu thể đích thực nhất của mình”.[21] Ở cấp độ diễn ngôn này, người ta có thể đo lường khoảng cách sâu thẳm tồn tại giữa giấc mơ “trở nên như những vị thần” (x. St 3,4) của một thuyết siêu nhân học hoặc hậu nhân học nào đó và hồng ân “thần hóa” được hiểu như là sự thông phần vào sự sống thần linh trong nhân tính được hiển dung của con cái Thiên Chúa trong Chúa Kitô.[22]

1. Sự phân định của Huân quyền về sự phát triển và công nghệ

25. Sự tiến bộ như là sự phát triển lịch sử được giao phó cho nhân loại. Tiếp nhận yêu cầu do Đức Gioan XXIII đặt ra là phải đọc được các “dấu chỉ thời đại”,[23] và nhận thức được tác động toàn cầu của những biến đổi công nghệ ảnh hưởng đến toàn xã hội, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes* của Công đồng Vaticanô II đã đặt sự phát triển của kỹ thuật vào trong động lực tiến bộ mà qua đó nhân loại tự hiện thực hóa chính mình trong lịch sử: “Bằng lao động và trí tuệ của mình, con người luôn cố gắng phát triển đời sống của mình; nhưng ngày nay, đặc biệt với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật, con người đã mở rộng và không ngừng mở rộng quyền thống trị của mình trên hầu như toàn bộ tự nhiên”.[24] Tuy nhiên, cường độ của sự phát triển, nhờ đó con người tự mua sắm cho mình những thứ mà trước đây họ coi là vượt xa khả năng của mình, lại làm nảy sinh một số câu hỏi: “Trước nỗ lực to lớn này, vốn nay đã bao trùm toàn thể nhân loại, nhiều câu hỏi nảy sinh giữa con người với nhau: ý nghĩa và giá trị của hoạt động con người là gì? Những thực tại này phải được sử dụng như thế nào? Những nỗ lực của cả cá nhân và tập thể hướng tới mục đích gì?”.[25]

26. Yêu cầu về một “sự phát triển toàn diện”. Những câu hỏi này được Đức Phaolô VI lặp lại, ngài thừa nhận sự đóng góp quý báu của tiến bộ công nghệ như một điều cần thiết cho tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Đồng thời, ngài cảnh báo trước nguy cơ ngôi vị con người không còn là tác giả của sự tiến bộ nữa: “Chỉ thúc đẩy kỹ thuật thôi thì chưa đủ để trái đất trở nên nhân bản hơn

cho con người cư ngụ. [...] Kinh tế và kỹ thuật không có ý nghĩa gì nếu không liên hệ đến con người mà chúng phải phục vụ. Và con người chỉ thực sự là con người trong chừng mực, với tư cách là người làm chủ các hành động của chính mình và là thẩm phán quyết giá trị của chúng, họ tự trở thành tác giả cho sự tiến bộ của chính mình, phù hợp với bản tính mà Đấng Hóa Công đã ban cho họ và từ đó họ tự do đảm nhận những khả năng và những đòi hỏi của nó”.[26]

Từ mối bận tâm này nảy sinh một tiêu chuẩn căn bản: nếu công nghệ là một phần trong hoạt động đặc trưng của con người đang trên đà hiện thực hóa trong lịch sử, chúng ta phải tỉnh thức để bảo đảm một “sự phát triển toàn diện và liên đới”, tức là sự phát triển “của mỗi con người và của toàn thể con người”, [27] tránh việc tôn vinh kỹ thuật như một hình thức thống trị của cuộc sống, như một cách thức tồn tại hấp thu mọi thứ, mà không hề đặt ra câu hỏi về ý nghĩa của nó một cách thực sự. [28]

27. Phát triển công nghệ và phát triển luân lý: vì một chủ nghĩa nhân bản toàn diện. Đức Gioan Phaolô II, khi làm rõ sự cần thiết phải giữ cho sự phát triển tập trung vào ngôi vị con người và không đánh mất chiều kích luân lý, đã tập hợp một sự lo âu phổ biến trước một sự phát triển công nghệ dường như vượt khỏi tầm kiểm soát: “Con người ngày nay dường như luôn bị đe dọa bởi những gì mình tạo ra, tức là bởi kết quả lao động từ đôi bàn tay của mình và, hơn thế nữa, từ lao động của trí tuệ mình”. [29] Vấn đề thiết yếu nổi lên liên quan đến chất lượng “nhân bản” của sự phát triển đó: “Sự tiến bộ này, mà tác giả và người thúc đẩy là con người, liệu có làm cho đời sống con người trên trái đất, trong mọi khía cạnh của nó, trở nên “nhân bản hơn” không? Nó có làm cho đời sống trở nên “xứng đáng với con người hơn” không?”. [30] Điều bảo đảm cho sự phát triển công nghệ như một động lực tích cực là sự chú ý đến chiều kích đạo đức của sự phát triển và do đó là sự chú ý đến ngôi vị con người, phẩm giá không thể chối cãi và trách nhiệm của họ. Trên thực tế, mục đích của sự phát triển không thể được giao phó cho các quy luật hoặc cơ chế ẩn danh, chỉ được quy chuẩn bởi tiềm năng của các đổi mới khoa học và công nghệ. Sự phát triển phải luôn có một chân trời cá nhân và xã hội, tương xứng với công ích và mục đích tối hậu của ngôi vị. [31]

28. Tiềm năng của kỹ thuật và cám dỗ tự tạo ra chính mình. Đức Biển Đức XVI cảnh báo trước giấc mơ “tự tạo ra chính mình”, mà không tính đến ân ban đã có trước chúng ta: “Sự phát triển của con người bị suy thoái, nếu con người tự cho mình là nhà sản xuất duy nhất của chính mình”. [32] Tương tự như vậy, sự phát triển của các dân tộc sẽ thoái hóa nếu nhân loại tin rằng mình có thể “tái tạo” chính mình, chỉ dựa vào những điều kỳ diệu của công nghệ. Đồng thời, ngài đón nhận giá trị tích cực của những tiến bộ công nghệ, trên thực tế chúng tương ứng với một ơn gọi thực sự đến từ Thiên Chúa. [33] Tuy nhiên, chính từ đây cũng bắt nguồn sự mơ hồ của kỹ thuật: “Sự phát triển công nghệ có thể xúi giục ý tưởng về sự tự túc của chính kỹ thuật khi con người, chỉ tự hỏi về cách thức (come), mà không xem xét vô số những chữ tại sao (perché) đã thúc đẩy họ hành động”. [34] Khi con người nhượng bộ trước một tầm nhìn thuần túy chức năng về kỹ thuật, họ có thể nhìn thấy trong đó công cụ của một sự tự do vô điều kiện, cho phép họ phớt lờ những giới hạn mà sự sống và sự vật mang trong

mình, áp ủ ý tưởng về một sự tự trị tuyệt đối cho phép họ tạo ra hoặc tái tạo chính mình. Trong thực tại, mâu nhiệm sáng tạo cần được tôn trọng không còn vang vọng nữa, mà mọi thứ bị giản lược thành “sự kiện” thuần túy, kết quả của sự tình cờ hoặc một sự tất yếu nào đó, để bị bóc lột dựa trên lợi ích của các thế lực đương quyền.

29. *Sức mạnh của chế độ kỹ trị và tính bền vững sinh thái của sự phát triển.* Đức Phanxicô lên án những tác động tàn phá do các hình thức “kỹ trị” gây ra, trong đó con người “trần trụi và phơi bày trước chính quyền lực của mình vốn tiếp tục tăng lên, mà không có các công cụ để kiểm soát nó”.[35] Điều còn thiếu là một nền đạo đức đủ vững chắc, một nền văn hóa và một nền linh đạo thực sự vạch ra giới hạn cho nó và kìm giữ nó trong một sự tự chủ sáng suốt. Nguồn gốc của tình trạng có vấn đề này là xu hướng thiết lập phương pháp luận và các mục tiêu của kỹ thuật khoa học theo một mô thức quyền lực, định hình đời sống con người và sự vận hành của xã hội. Trong mô thức kỹ trị này, bộc lộ một quan niệm về chủ thể chiếm hữu khách thể theo một logic thống trị và biến đổi nhằm phục vụ mục đích sử dụng và tiêu thụ của riêng mình. Có vẻ như chủ thể đang đối diện với một thực tại vô định hình, hoàn toàn có sẵn cho sự thao túng của mình. Sự can thiệp của con người vào tự nhiên không còn giới hạn ở việc đồng hành và hỗ trợ các khả năng mà bản thân sự vật mang lại: “Giờ đây, điều được quan tâm là khai thác tất cả những gì có thể từ sự vật thông qua sự áp đặt của bàn tay con người, vốn có xu hướng phớt lờ hoặc lãng quên thực tại của những gì trước mặt. Vì lý do này, con người và sự vật đã thôi không còn thân thiện bắt tay nhau, mà thay vào đó trở thành những kẻ đối đầu. Từ đây, người ta dễ dàng chuyển sang ý tưởng về một sự tăng trưởng vô hạn hoặc không giới hạn”.[36] Tuy nhiên, mối quan tâm về những sự sai lệch tiềm tàng này đi kèm với sự kinh ngạc trước vẻ đẹp của những thành tựu do phát triển công nghệ mang lại: “Kỹ thuật khoa học [...] cũng có khả năng tạo ra cái đẹp và làm cho con người, dù chìm đắm trong thế giới vật chất, thực hiện được “bước nhảy vọt” vào cõi nhân mỹ. Ai có thể phủ nhận vẻ đẹp của một chiếc máy bay, hay của một số tòa nhà chọc trời?”.[37]

30. Trong nhiều dịp, Đức Lêô XIV đã bày tỏ lập trường cởi mở mang tính phản biện đối với các tiềm năng của công nghệ, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy một mô hình phát triển công nghệ phục vụ con người và công ích, đồng thời cảnh báo về những hậu quả “độc hại” của một sự tiến bộ không kiểm soát. Ghi nhận thách thức do một “chủ nghĩa nhân bản kỹ thuật số mới” tạo ra, mang tính lan tỏa và không thể đảo ngược, ngài mời gọi chúng ta phải biết sống trong đó một cách đúng đắn: “Khoa học và kỹ thuật ảnh hưởng đến cách chúng ta tồn tại và sống trong thế giới, cho đến mức liên lụy đến cả sự hiểu biết về chính chúng ta, mối quan hệ của chúng ta với người khác và mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Nhưng không có gì đến từ con người và trí tuệ của họ được phép uốn cong để làm nhục phẩm giá của người khác. [...] Trước những thay đổi văn hóa, trong suốt lịch sử, Giáo hội chưa bao giờ thụ động; Giáo hội luôn tìm cách soi sáng mọi thời đại bằng ánh sáng

và niềm hy vọng của Chúa Kitô, phân định điều thiện khỏi điều ác, điều tốt đẹp được sinh ra từ những gì cần được thay đổi, biến đổi, thanh tẩy”.[38]

2. Một số hệ quả nhân học của sự phát triển công nghệ gần đây

31. Sự phân định của Huân quyền về sự phát triển và những sự mơ hồ của nó trước hết nhìn nhận giá trị tích cực của những đổi mới công nghệ, nếu được sử dụng tốt, sẽ tạo thành một nguồn lực to lớn cho nhân loại trong nhiều khía cạnh của nền văn minh và văn hóa. Do đó, đối với nhiều người, dường như chỉ cần phân biệt giữa các ứng dụng tốt, tích cực và các ứng dụng độc hại, nguy hiểm là đủ, dựa trên giả định rằng công nghệ không gì khác hơn là một công cụ trong tay chúng ta. Nhưng, như Đức Giáo hoàng Lêô XIV cảnh báo, sự tăng tốc gần đây của phát triển công nghệ trong một số lĩnh vực cụ thể như truyền thông, quản lý dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và robot, làm cho sự phân định trở nên phức tạp và tinh tế hơn: “Nhân loại đang đứng ở một ngã ba đường trước tiềm năng to lớn do cuộc cách mạng kỹ thuật số được dẫn dắt bởi Trí tuệ Nhân tạo tạo ra. Tác động của cuộc cách mạng này vượt rất xa, biến đổi các lĩnh vực như giáo dục, lao động, nghệ thuật, chăm sóc sức khỏe, hành chính, lĩnh vực quân sự và truyền thông. Sự thay đổi mang tính thời đại này đòi hỏi trách nhiệm và sự phân định để bảo đảm rằng AI được phát triển và sử dụng vì công ích, xây dựng những nhịp cầu đối thoại và thúc đẩy tình huynh đệ, và bảo đảm rằng nó phục vụ lợi ích của toàn thể nhân loại. [...] Do đó, sự phát triển của những tiến bộ công nghệ này phải đi đôi với sự tôn trọng các giá trị nhân bản và xã hội, khả năng phán đoán với lương tâm trong sáng và sự trưởng thành trong trách nhiệm của con người. Không phải ngẫu nhiên mà kỷ nguyên đổi mới sâu sắc này đã thúc đẩy nhiều người suy tư về ý nghĩa của việc làm người và về vai trò của nhân loại trong thế giới”.[39]

32. Mỗi quan hệ với các công cụ công nghệ rất phức tạp, bởi vì mỗi tương quan giữa công cụ công nghệ và chủ thể sử dụng nó thể hiện một tính tuần hoàn bao hàm một sự quy định lẫn nhau. Người sử dụng công cụ công nghệ ở một mức độ nào đó bị quy định bởi các khả năng mà công cụ đó cung cấp và có thể hình dung việc tổ chức cuộc sống của mình theo một cách khác. Ví dụ, việc xây dựng đường cao tốc và các tuyến đường tốc độ cao tạo điều kiện cho sự phân công lao động mở rộng trên những không gian rộng lớn hơn và cho phép di chuyển nhanh chóng, tạo điều kiện cho các cuộc trao đổi, liên lạc, các hoạt động trên những khoảng cách mà trước đây không thể tưởng tượng được. Điều này dẫn đến tính di động cao hơn và một sự tổ chức khác biệt cho đời sống lao động và gia đình. Động lực này trở nên có sức tác động mạnh mẽ hơn đến chủ thể nếu người ta chuyển từ các công cụ công nghệ giúp tăng tốc độ di chuyển (ô tô, tàu hỏa, máy bay) sang các “công nghệ tri thức”, vốn nhằm mục đích nâng cao nhận thức, tức là những gì chúng ta nghĩ và cách chúng ta suy nghĩ (công nghệ kỹ thuật số, phương tiện truyền thông xã hội, trí tuệ nhân tạo).

33. Vì đây là những công cụ gắn kết chặt chẽ hơn với sự tự hiểu biết của chúng ta, được sử dụng để thể hiện bản thân trong các hình thức truyền thông xã hội khác nhau, để định hình các căn tính cá nhân hoặc tập thể, để nuôi dưỡng các mối quan hệ với người khác, nên từ đó dẫn đến một sự

biến đổi sâu xa hơn. Công nghệ kỹ thuật số không chỉ còn là một công cụ, mà cấu thành một môi trường sống thực sự, với cách thức riêng của nó trong việc cấu trúc các hoạt động và các mối quan hệ của con người. Sự phát triển công nghệ này có những tác động mạnh mẽ đến sự tự hiểu biết của chủ thể, được ghi khắc trong những tiềm năng nhận thức và truyền thông mới. Kỷ nguyên số mở ra một chân trời ý nghĩa mới, nơi chúng ta suy nghĩ về bản thân và giao tiếp. Khái niệm về những gì mang tính phổ quát cũng thay đổi, nó ít đề cập đến ý tưởng về một bản tính chung hơn là đề cập đến những gì được chia sẻ trong sự kết nối toàn cầu.[40]

Chúng ta hãy xem xét một số hàm ý nhân học đang nổi lên liên quan đến các hiện tượng mới, bằng cách phân tích chúng dựa trên bốn mối quan hệ nền tảng trong đó ngôi vị con người được thể hiện: với môi trường, với người khác, với chính mình và với Thiên Chúa.[41]

2.1. Mối quan hệ với môi trường tự nhiên

34. Mối quan hệ với môi trường bị thay đổi bởi thực tại tổng hợp hay nói cách khác là tính nhân tạo, vốn lan tràn trong các lĩnh vực sống, từ thực phẩm (bảo quản thực phẩm; sinh vật biến đổi gen) đến việc cư trú trong không gian (đô thị hóa) đến các sự biến đổi cơ thể (công nghệ sinh học). Sự mở rộng của thế giới nhân tạo, với các vật liệu không có trong tự nhiên như nhựa, thép, bê tông, làm cho mối quan hệ với tự nhiên và các quy luật của nó trở nên lỏng lẻo và bất định hơn, và có thể tạo ra ảo tưởng rằng chỉ có tự do của con người, dựa trên sức mạnh biến đổi của kỹ thuật, mới đưa ra một mối quan hệ đúng đắn với thế giới thực.[42] Bằng cách này, chính mối quan hệ giữa tự nhiên và văn hóa bị biến đổi và trở nên phức tạp hơn: không phải tự nhiên với các quy luật và giới hạn của nó điều chỉnh và định hướng sự phát triển, được hiểu như là nỗ lực vượt qua các điều kiện sống bất lợi, mà đúng hơn là các tiềm năng công nghệ, với các nguồn lực “không giới hạn” của chúng. Theo hướng này, một não trạng thường được khẳng định, bị dẫn dắt bởi các logic kinh tế về lợi nhuận tối đa, theo đó tự nhiên phải được sửa chữa, thay đổi và biến đổi nhằm đạt được năng suất ngày càng cao. Do đó, việc khai thác tài nguyên trái đất gia tăng một cách vô độ, chẳng hạn như thúc đẩy các lựa chọn phá rừng trên những vùng đất rộng lớn để thâm canh, hậu quả là làm cạn kiệt đất đai. Từ đó dẫn đến hệ quả bi thảm của “món nợ sinh thái”, đặc biệt là giữa miền Bắc và miền Nam thế giới”.[43] Một logic tương tự dẫn dắt các dự án đô thị hóa hoang dã và trái phép, làm biến dạng toàn bộ các hệ sinh thái, cũng như các chính sách khai thác vật liệu cần thiết cho các sản phẩm công nghệ, làm ô nhiễm toàn bộ các khu vực tự nhiên.[44] Tóm lại, cái nhân tạo tương đối hóa những gì là “tự nhiên” với tư cách là tham chiếu quy chuẩn cho hành động của con người, gây ra, ở những vùng rộng lớn trên trái đất, đặc biệt là ở Nam bán cầu, các hiện tượng suy thoái môi trường tự nhiên bị tàn phá và các tình trạng bản cùng hóa sự tồn tại của toàn bộ các quần thể, tạo ra những tình trạng bất công xã hội nghiêm trọng.[45]

2.2. Mối quan hệ với tha nhân trong thế giới kỹ thuật số

35. Mối quan hệ với tha nhân đã được cách mạng hóa trong kỷ nguyên kỹ thuật số thông qua những biến đổi triệt để của truyền thông (phương tiện thông tin đại chúng) và thông tin (dữ liệu lớn – big data). Chúng đã đạt đến mức độ phổ quát, tính tức thời và sự lôi cuốn chưa từng có, gia tăng nhận thức phổ biến về việc thuộc về một gia đình nhân loại lớn lao duy nhất. Nhưng thường thì một chủ thể “trên mạng” có thể cảm thấy như một điểm vô nghĩa bên trong một luồng thông tin không thể kiểm soát và do đó gây mất ổn định, thúc đẩy họ xây dựng căn tính của mình bên trong các mối liên kết ảo (danh bạ) không có thời gian và không gian. Khối lượng dữ liệu khổng lồ này, nơi chúng ta đang chìm đắm, luôn có thể sửa đổi và do đó mang tính lỏng, làm tăng cường nhận thức về sự phức tạp của thực tại, sinh ra các hiện tượng lo âu, bất an và sợ hãi.

36. Trong bối cảnh phức tạp ngày càng tăng này, chính những tiến bộ của trí tuệ nhân tạo (AI) cung cấp một quy trình quản lý dữ liệu, được tổ chức dựa trên cơ sở thống kê, và phát triển các giải pháp hiệu quả, dựa trên các thuật toán, vốn không phải lúc nào cá nhân cũng có thể kiểm soát được, và đôi khi ngay cả các công ty hoặc Quốc gia cũng không thể kiểm soát (thuật toán của một số hệ thống không được thông báo cho bất kỳ cơ quan công quyền nào). Các mục tiêu của sự phát triển được chính hệ thống tự quản lý. Do đó sức mạnh của trí tuệ nhân tạo nổi lên, với khả năng quản lý một lượng dữ liệu khổng lồ, xác định các mối tương quan và đề xuất các quyết định dựa trên những suy luận ngoài tầm tính toán của con người.

37. AI thực tế chỉ ra một lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng rộng lớn có những ý nghĩa khác nhau đối với cuộc sống con người, cả ở cấp độ công việc cũng như trong đời sống gia đình và xã hội.[46] Không đi sâu vào phân tích các hình thức khác nhau của AI, cần làm rõ sự phân biệt giữa AI theo nghĩa hẹp, với nhiều ứng dụng của nó, và AI tổng quát (IAG).[47] Sự phân biệt này làm nổi bật hai cách quan niệm khác nhau về trí tuệ nhân tạo và tưởng tượng ra ý nghĩa cũng như việc sử dụng nó. AI theo nghĩa hẹp cung cấp quá trình xử lý nhanh chóng một lượng lớn dữ liệu thông qua các thuật toán thực hiện các hoạt động phức tạp về phân tích và tính toán xác suất, bao gồm cả các hệ thống trí tuệ nhân tạo tự động tạo ra dữ liệu đào tạo và hoàn thiện các quy trình nội bộ của chính chúng. Các hình thức sử dụng được phổ biến trong các bối cảnh dân sự (cá nhân và doanh nghiệp) và quân sự ở nhiều nơi trên thế giới.[48]

38. IAG chỉ ra một công nghệ tương lai, có sức lan tỏa, có khả năng thay thế tất cả các khía cạnh tính toán và vận hành của trí tuệ con người nhờ tốc độ tính toán cực cao, được cung cấp bởi sự phát triển trong tương lai của bộ vi xử lý lượng tử. Nơi nào các khía cạnh đặc thù của trí tuệ con người bị cố ý làm suy yếu hoặc bị từ bỏ, IAG có thể tạo ra những hậu quả sâu sắc, có nguy cơ vượt khỏi tầm kiểm soát của lý trí con người. Một số người giả định rằng AI sẽ được yêu cầu quản lý các vấn đề do chính nó tạo ra, theo một động lực sẽ trở nên không thể đảo ngược. Vòng luân quản này được

một số người trình bày như một quá trình gần như tất yếu, giống như trong các quá trình tự nhiên, một định mệnh sẽ đẩy đến những hậu quả cùng cực mà chính con người đã gây ra ngay từ đầu.

39. Trong lĩnh vực nhân học nền tảng, chúng ta phải tự hỏi liệu có thể coi là thấu đáo khi hiểu con người như *homo faber* (con người chế tác) và như *homo technologicus* (con người công nghệ) được hỗ trợ, cả ở cấp độ cá nhân và tập thể, bởi một AI bảo hòa và định đoạt mọi khía cạnh của cuộc sống theo những cách tinh vi. Kết quả là một thế giới “siêu kết nối”, với sự tăng tốc ngày càng tăng của các động lực kinh tế, chính trị, xã hội hoặc quân sự, có nguy cơ trở nên không thể kiểm soát và do đó không thể quản trị. Trong một thế giới như vậy, bản thân hành động của con người trở thành vật liệu để phân tích và định hình dựa trên các mục đích quyền lực hoặc thị trường không phải lúc nào cũng minh bạch. Sự kiểm soát xã hội và nguy cơ thao túng gia tăng.

40. Ở cấp độ ứng dụng, AI theo nghĩa hẹp đặt ra các vấn đề về độ tin cậy của dữ liệu và các tiêu chí mà các lập trình viên xử lý chúng để cung cấp. Không rõ những thành kiến hoặc hệ thống quyền lực nào đang định hướng công việc. Cụ thể, những nghi ngờ nghiêm trọng nảy sinh liên quan đến các quy trình ra quyết định tự động, dựa trên AI, trong những lĩnh vực tế nhị của đời sống con người: khi phải xác định có nên cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế hay không, hoặc cấp các khoản vay hay thế chấp, hoặc bảo đảm bảo hiểm, hoặc thậm chí trong việc điều tra các vụ án hình sự tại tòa án, hay trong việc đánh giá hành vi của tù nhân và khả năng tái phạm để giảm án, hay trong các lựa chọn tấn công quân sự hoặc trong các can thiệp của lực lượng thực thi pháp luật.[49]

41. Đối với IAG, tồn tại một cuộc chạy đua khốc liệt nhằm ngày càng thu hẹp khoảng cách giữa sự tự cải thiện của các hệ thống AI và việc đạt được IAG. Mặc dù mục tiêu vẫn còn xa, nhưng nó đang được theo đuổi với sự quyết tâm rất lớn, nhưng đôi khi không có sự thận trọng nảy sinh từ sự thừa nhận khôn ngoan rằng điều tốt đẹp luôn bao hàm một giới hạn và một sự tương xứng thích hợp. Dù đó là một giấc mơ xa vời hay một sự đổi mới sắp tới, hình thức AI tổng quát này kích thích việc tìm kiếm một sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất của trí tuệ con người, về tính đơn nhất của nó giữa các sinh vật, về tính không thể thay thế của nó, đặc biệt là trong mối liên hệ với trách nhiệm đạo đức và sự cởi mở nội tại của nó đối với sự siêu việt. Một loại tri thức và tính toán loại bỏ trí tuệ được sống trong một thân xác và được định vị, cũng như một loại tri thức mang tính tương quan và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các quá trình giáo dục diễn ra dựa trên căn tính và ý nghĩa được trao cho định mệnh cũng như vai trò của mình trên thế giới, cấu thành một môi đe dọa đối với thiện ích đích thực của nhân loại. Tuy nhiên, chính trên loại tri thức không có thân xác, không có giới hạn, không có sự gắn kết, cũng không có ý thức luân lý này mà những giấc mơ của thuyết siêu nhân học được xây dựng, vốn thậm chí, trong thuyết hậu nhân học, còn tưởng tượng đến một bước nhảy vọt tiến hóa. Sự tưởng tượng này đặt lại một cách mạnh mẽ câu hỏi về mục đích tối hậu của tiến bộ công nghệ.[50]

42. Trong bối cảnh này, người ta hiểu được giao tiếp liên vị đã trải qua những thay đổi sâu sắc như thế nào trong xã hội truyền thông đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, internet, mạng xã hội), đặc biệt là trong thời gian gần đây. Không thiếu những lợi thế trong sự phát triển kỹ thuật khoa học này, ví dụ như tư cách công dân tích cực hoặc một luồng thông tin trực tiếp và có tính tham gia nhiều hơn ở cấp độ xã hội và chính trị. Nhưng thường xuyên, các liên hệ không có sự gắn kết được tạo ra, các mối quan hệ chức năng không có sự liên đới thực sự, trong một thị trường thông tin và dữ liệu cá nhân vô tận, không phải lúc nào cũng có thể kiểm chứng và rất thường xuyên bị thao túng. Không phải lúc nào giao tiếp cũng diễn ra trong sự minh bạch hoàn toàn. Tính lan tỏa của các phương tiện truyền thông xã hội, vốn đã trở nên không thể thiếu đến mức làm cho sự tồn tại của gia đình nhân loại nếu không có chúng sẽ là điều không tưởng, đòi hỏi phải cảnh giác hơn đối với các sự quy định về văn hóa và kinh tế. Đây không phải là những phương tiện trung lập: “Thường thì những quan điểm tương tự, vốn nhấn mạnh bản chất thuần túy kỹ thuật của các phương tiện truyền thông, trên thực tế ủng hộ sự phụ thuộc của chúng vào tính toán kinh tế, vào mục đích thống trị thị trường và, không kém phần quan trọng, vào khao khát áp đặt các thông số văn hóa nhằm phục vụ cho các dự án quyền lực ý thức hệ và chính trị”.[51] Ảnh hưởng của chúng đối với chiều kích đạo đức – văn hóa của toàn cầu hóa đang chất vấn nhân học.[52]

43. Trong nhiều môi trường của không gian thông tin (infosfera), người ta nhận thấy một sự khăng khăng đòi hỏi phải được công nhận, bằng cách thường xuyên chia sẻ những suy nghĩ và cảm xúc trên mạng, vốn phải được “người khác công nhận”. Ngay cả trong nhu cầu chính đáng của con người về sự công nhận, hiện tượng thái quá này là một triệu chứng của sự không chắc chắn về căn tính.[53] Chính vì căn tính này phải được “phát minh” mà không có các yếu tố khách quan bên ngoài (tự nhiên, giá trị văn hóa, vai trò xã hội, phong tục chung), căn tính trở nên yếu ớt hơn: nó kêu gọi sự công nhận nhưng phải thương lượng, thu hút, chinh phục nó, thậm chí bằng cách la hét hoặc làm sai lệch thực tại. Cái “tôi” ngày nay vấp trong hy vọng được ai đó công nhận, thế nhưng nó thường làm như vậy bằng cách khẳng định các quyền cá nhân của mình chống lại người khác, thách thức người khác. Điều này làm gia tăng các xung đột xã hội, vốn thường trở thành các xung đột về căn tính. Cuộc khủng hoảng đang diễn ra của các nền dân chủ phương Tây không thể hiểu được nếu không tính đến sự khó nhọc ngày càng tăng trong việc cùng nhau thừa nhận những gì gắn kết chúng ta lại với tư cách là con người. Bối cảnh này đề ngỏ một con đường cho các nhà lãnh đạo chính trị, những người đưa ra những quyết định quan trọng chỉ dựa trên ý chí của họ.

44. Một lĩnh vực xã hội tinh tế và mang tính triệu chứng về những hệ lụy đạo đức và văn hóa tiềm tàng của mạng xã hội được cấu thành từ thế giới trẻ em và thanh thiếu niên: “Internet và các mạng xã hội đã tạo ra một phương cách giao tiếp và thiết lập mối liên kết mới, và “chúng là một quảng trường nơi những người trẻ tuổi dành nhiều thời gian và gặp gỡ nhau một cách dễ dàng””.[54] Ở mặt tích cực, các phương tiện này mang lại những cơ hội đối thoại mới, thường là nguồn thông tin

độc lập, bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất và tố cáo các vi phạm nhân quyền. Nhưng chúng cũng bộc lộ những hạn chế và rủi ro nghiêm trọng: “Môi trường kỹ thuật số cũng là một lãnh thổ của sự cô đơn, thao túng, bóc lột và bạo lực, cho đến cả trường hợp cực đoan là web chìm (dark web). [...] Những hình thức bạo lực mới lan truyền qua mạng xã hội, ví dụ như bắt nạt trên mạng; web cũng là một kênh phát tán nội dung khiêu dâm và bóc lột con người vì mục đích tình dục hoặc thông qua cờ bạc”.[55]

45. Các hình thức truyền thông xã hội mới có tác động mạnh mẽ đến các cuộc tranh luận chính trị vì, nếu một mặt có thể thử nghiệm các phương thức dân chủ trực tiếp, trong đó mọi công dân đều có thể bày tỏ và làm cho ý kiến của mình được biết đến, thì mặt khác, những sự phân cực mạnh mẽ có thể được tạo ra giữa các nhóm suy nghĩ khác nhau và đối đầu nhau một cách xung đột và bạo lực, đối xử với nhau như kẻ thù chỉ vì họ nghĩ khác nhau. Bản thân sự trao đổi xã hội đang trải qua một quá trình “bộ lạc hóa”, làm chia cắt xã hội thành các nhóm ý kiến được đồng nhất hóa bởi những lượt “thích” (like). Cuộc tranh luận chính trị có nguy cơ không còn dựa trên các lập luận được chia sẻ, mà đúng hơn là trên các phe phái đối lập trong một logic quyền lực bị thúc đẩy bởi các nhóm áp lực. Không hiếm khi thiếu vắng “cuộc đối thoại xã hội” vốn kiên nhẫn xây dựng sự đồng thuận từ dưới lên, bắt đầu từ một thế giới chung và từ những mối liên kết liên đới: “Các mạch khép kín này tạo điều kiện cho việc phát tán thông tin và tin tức giả mạo, xúi giục định kiến và thù hận. Sự bùng nổ của tin giả (fake news) là biểu hiện của một nền văn hóa đã đánh mất ý thức về chân lý và uốn cong các sự thật theo những lợi ích đặc thù”.[56]

2.3. Sự tự hiểu biết: ý thức và tính thân xác

46. Cuộc cách mạng thông tin (“không gian thông tin”) thay đổi cách thức thực thi tri thức: không còn là việc xây dựng các lý thuyết để diễn giải dữ liệu và tìm giải pháp cho các vấn đề, mà đúng hơn là thiết lập mối tương quan giữa các dữ liệu và tính toán tỷ lệ thành công. Nguy cơ là, theo cách này, người ta có xu hướng vượt qua tri thức phản biện, trong khi việc ủy thác một số hoạt động như tính toán, lập luận, dịch thuật có thể làm giảm sự nhạy bén của trí tuệ và sự sáng tạo của cá nhân. Nhưng nguy hiểm lớn nhất là việc thu hẹp chân trời tri thức của con người, giới hạn nó ở những hình thức tri thức tương ứng với những gì AI có thể xử lý, với hậu quả mạnh mẽ đối với môi trường giáo dục (trong các trường học và trường đại học).[57] Những câu hỏi về ý nghĩa và các vấn đề đạo đức, cũng như các vấn đề triết học (bản thể luận) và thần học, có thể bị loại trừ vì coi là không thích hợp. Do đó, trên thực tế, AI có thể quyết định những gì được phép biết, đẩy các vấn đề khác sang lĩnh vực chủ quan hoặc vấn đề sở thích. Bản thân sự tự ý thức có thể được coi theo cách của một chuỗi thông tin cần được chuyển sang các thiết bị lưu trữ kỹ thuật số bền hơn xương thịt con người và được tổ chức dựa trên các thuật toán, trong khi nhận thức giác quan được tăng cường bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số (người máy, khoa học thần kinh, internet), cung cấp hình ảnh, âm thanh và tình huống trực

tiếp, tạo ra những cảm xúc mạnh mẽ trong một hệ thống giao tiếp tức thời và do đó không có các phương tiện trung gian về ý nghĩa cho phép hiểu và lập luận.

47. Với sự phát triển của công nghệ sinh học, khoa học thần kinh và việc lập bản đồ DNA, kết hợp với những tiến bộ trong lĩnh vực dược lý học và robot (cyborg), nhận thức về cơ thể và ý nghĩa của nó cũng thay đổi. Cần phải đánh giá cao những lợi ích rõ ràng đối với sức khỏe và hạnh phúc của nhiều bộ phận dân cư: các chiến dịch phòng ngừa, chẩn đoán sớm, tính toán rủi ro của các liệu pháp khác nhau hoặc tác dụng phụ của thuốc đối với cơ thể đã cải thiện rất nhiều khả năng can thiệp của y học và do đó là sức khỏe cộng đồng. Nhưng không thể làm ngơ trước những xu hướng giản lược cơ thể thành vật liệu sinh học để nâng cấp, biến đổi, nhào nặn lại tùy ý, với giấc mơ đạt được các điều kiện tồn tại có khả năng tránh được đau đớn, lão hóa và cái chết. Đặc biệt ở phương Tây, những tiến bộ của phẫu thuật thẩm mỹ, kết hợp với dược lý học (liệu pháp hormone, các chất tăng cường cảm xúc hoặc sự tập trung) cung cấp các công cụ làm thay đổi rất nhiều mối quan hệ với chính tính thân xác của mình và do đó với thực tại và với người khác. Từ đó dẫn đến một “tín ngưỡng thờ phụng thân xác” phổ biến, có xu hướng điên cuồng tìm kiếm một vóc dáng hoàn hảo, luôn duy trì phong độ, trẻ trung và xinh đẹp. Một khi bị sửa đổi, không hiếm khi với một sự cuồng nhiệt không ngừng, cơ thể trở thành một cơ thể-đồ vật mà trong đó ngôi vị-chủ thể tự soi mình, tạo ra một mối quan hệ mà trong đó ngôi vị không còn là cơ thể của mình nữa mà “sở hữu” một cơ thể, từ đó người ta cố gắng tìm kiếm một căn tính “đi mượn”. Trong động lực này, không còn cần thiết phải chấp nhận cơ thể của chính mình để hiện thực hóa căn tính của mình nữa. Người ta có thể biến đổi nó dựa trên sở thích của khoảnh khắc. Một tình huống kỳ lạ được tạo ra: cơ thể lý tưởng được tôn vinh, tìm kiếm và trau dồi, trong khi cơ thể thực tế không thực sự được yêu thương, vì nó là nguồn gốc của những giới hạn, mệt mỏi, lão hóa. Người ta khao khát một cơ thể hoàn hảo, trong khi mơ ước trốn chạy khỏi cơ thể cụ thể của chính mình và những giới hạn của nó.[58]

2.4. Mối quan hệ với Thiên Chúa

48. Các công nghệ kỹ thuật số mang lại nhiều cơ hội cho các tôn giáo huy động các nguồn lực của truyền thông kỹ thuật số vào việc phục vụ sứ mạng của họ. Mạng lưới ngày nay là một “không gian” nơi người ta có thể tìm thấy nhiều đề xuất tích cực về đời sống tôn giáo và đời sống Kitô hữu, tạo điều kiện cho tri thức và thông tin theo những phương thức không thể tưởng tượng được cho đến cách đây không lâu. Chỉ cần gọi lại mức độ truyền thông tôn giáo đã “bùng nổ” như thế nào trong đại dịch Covid-19 là đủ.[59] Mặt khác, có nguy cơ một lượng lớn các tôn giáo kỹ thuật số lấp đầy mạng lưới như một “thị trường tôn giáo” khổng lồ, cung cấp một sự lựa chọn theo thực đơn (*à la carte*) dựa trên lợi ích cá nhân. Đó là những lời chào mời tôn giáo không có sự gắn kết thực sự cũng không thuộc về một cộng đoàn nào, gần gũi với thị hiếu cảm xúc của các cá nhân hơn là một kinh nghiệm được chia sẻ. Người ta cũng có thể nghi ngờ về đặc tính thuộc về Giáo hội một cách chân thực của một số phương thức truyền thông Kitô giáo trên mạng xã hội, đặc biệt là khi được sử dụng để chiêu mộ cho

các cuộc bút chiến, tạo ra sự chia rẽ và thậm chí phá hủy danh tiếng tốt của người khác. Hơn nữa, một số hoạt động thực hành thiêng liêng trực tuyến mới này cuối cùng tạo ra một sự biến thái trong cách tin, vì công nghệ kỹ thuật số có sự kìm kẹp rất mạnh mẽ đối với trí tưởng tượng tôn giáo. Không hiếm khi, kết quả là một mô thức mới định nghĩa lại các căn tính tôn giáo: bản thân công nghệ cũng đóng vai trò như một người hướng dẫn thiêng liêng và người trung gian của những điều thiêng liêng. Trên thực tế, các tín đồ của nhiều tôn giáo khác nhau và những người tìm kiếm thiêng liêng thường đặt niềm tin mù quáng vào các công cụ tìm kiếm trực tuyến, làm cho các phương tiện trung gian của con người đối với điều thiêng liêng trở nên thừa thãi, được thay thế bởi kỹ thuật số. Các trường hợp cực đoan dẫn đến việc yêu cầu các phép lành và trừ quỷ ảo, thuyết duy linh kỹ thuật số và các “tôn giáo giả” ba chiều.

49. Sự tin tưởng này vào một thế giới được cai trị bởi máy móc, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp các nguồn lực tôn giáo, mà còn cho phép tiếp nhận trực tiếp các đề xuất về ý nghĩa cuộc sống và sự tiếp cận với thần thánh từ phía công nghệ kỹ thuật số, không khác biệt mấy so với logic của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học: tôn giáo kỹ thuật số tự thể hiện như thể nó thậm chí có sức mạnh tạo ra một “Thiên Chúa theo hình ảnh và giống như chính mình” để đề xuất cho một nhân loại đặt niềm tin hoàn toàn vào công nghệ. “Thiên Chúa hằng sống” có thể bị thay thế bởi một “Thiên Chúa ảo” với tham vọng “cứu rỗi” nhân loại dựa trên các màn trình diễn công nghệ được cung cấp cho những khát vọng thiêng liêng của con người.[60]

50. Tóm lại, những biến đổi này ảnh hưởng đến mối quan hệ với Mầu Nhiệm của nguồn gốc và mục đích tối hậu của đời sống con người. Khi con người giản lược bản tính thụ tạo (ngôi vị, vũ trụ) thành vật chất để biến đổi, họ không còn làm vinh danh Đấng Sáng Tạo nữa, mà tự thay thế Người. Điều tương tự cũng xảy ra khi nhiệm vụ mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại và chỉ ra mục đích tối hậu được đồng nhất với việc thực thi các tiềm năng công nghệ. Trong bối cảnh này, các truyền thống tôn giáo và thiêng liêng vẫn còn có những điều thiết yếu và không thể từ bỏ để cống hiến liên quan đến sự khôn ngoan của việc sống trong mối quan hệ với Thiên Chúa.[61]

3. Tác động văn hóa của các cuộc cách mạng công nghệ: hướng tới một sự phân định mang tính phản biện

51. Tác động của sự biến đổi nhân học gắn liền với sự phát triển khoa học và công nghệ đã để lại dấu vết trong trí tưởng tượng xã hội của nền văn hóa đại chúng, nhưng đạt đến biểu hiện mạnh mẽ nhất trong các phong trào của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học. Việc nghiên cứu các huyền thoại do văn hóa đại chúng xây dựng lên liên quan đến tương lai của nhân loại (khoa học viễn tưởng, phản địa đàng/dystopia) và sự phân tích phản biện các nguyên tắc nền tảng của các phong trào siêu nhân học và hậu nhân học làm nổi bật ý nghĩa và tầm quan trọng của những đột biến nhân học đang diễn ra.

52. Trí tưởng tượng xã hội, vốn được thể hiện qua điện ảnh, trong các tác phẩm hư cấu và phim truyền hình dài tập cũng như trong các cuốn tiểu thuyết, trong các sáng tạo nghệ thuật và trong âm nhạc, cho thấy một sự nhận thức nhạy bén về những hy vọng và rủi ro gắn liền với các thế giới tương lai có thể xảy ra. Điện ảnh đã tưởng tượng ra những viễn cảnh có thể xảy ra liên quan đến dịch bệnh và thảm họa hành tinh rất lâu trước khi chúng ta phải trải qua đại dịch Covid-19. Các tác phẩm phản địa đàng (dystopia) đã gợi ý chủ đề cho không ít bộ phim và tiểu thuyết quan trọng nhất ngay từ thế kỷ 20, gây ra ảnh hưởng đáng kể đối với các phương thức văn hóa đại chúng này. Những sáng tạo nghệ thuật này truyền tải nhận thức về tính tất yếu của một quá trình phát triển công nghệ vốn sẽ có những tác động quan trọng đến đời sống con người và định mệnh của nhân loại, trong nhận thức về những rủi ro đi kèm. Do đó, người ta thường biểu lộ nỗi sợ hãi về những ẩn số đi kèm với sự tiến hóa của máy móc hoặc các thiết bị công nghệ không thể kiểm soát và có thể dẫn đến việc cấu thành các chủ thể tự trị, cả trong việc định đoạt tương lai và thống trị hành tinh.

53. Các bộ phim và tiểu thuyết thuộc thể loại khoa học viễn tưởng giúp chúng ta nhận thức được nhiều vấn đề khó khăn liên quan đến căn tính và định mệnh của con người vốn đang bị đe dọa như thế. Người ta tự hỏi giá trị của những tình cảm sẽ ra sao và những mối liên kết nào có thể tồn tại; hoặc những thế lực mạnh mẽ nào sẽ định hướng sự tiến bộ. Người ta tưởng tượng ra những viễn cảnh ảm đạm, trong đó các hình thức bóc lột mới đối với những người yếu thế nhất sẽ được áp đặt, có thể bị biến thành vật liệu con người cho những thử nghiệm nguy hiểm. Ngay cả kiểu cấu trúc xã hội cũng làm dấy lên những lo ngại, để lại sự không chắc chắn liệu nó sẽ mang tính tinh hoa và bất bình đẳng, đồng nhất hóa và thù địch với quyền tự do cá nhân, hay cởi mở và đa nguyên, dân chủ và có tính tham gia; liệu sẽ có một chế độ đầu sỏ kỹ trị thống trị hay một tổ chức chính trị tốt hơn dựa trên phẩm giá con người và công ích. Cuối cùng, người ta nhìn với sự lo ngại về tác động môi trường của sự tiến bộ: mức độ ô nhiễm nào, nguồn năng lượng nào sẽ có sẵn và với cái giá nào? Chất lượng cuộc sống sẽ ra sao? Xuyên qua những câu hỏi này – vốn rất phổ biến – nổi lên một sự mơ hồ mạnh mẽ giữa một bên là niềm tin không thể tranh cãi vào công nghệ và khả năng tự sửa lỗi của nó, và bên kia là sự ngờ vực về việc sử dụng nó một cách đúng đắn, với sự nghi ngờ rằng những lợi ích ẩn giấu của một số nhóm vận động hành lang quyền lực có thể dẫn đến những hậu quả tàn khốc.

54. Ngày nay, chính các phong trào của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học đang cung cấp khuôn khổ khái niệm và tự sự, nơi trí tưởng tượng này về tương lai của nhân loại nổi lên với sức mạnh lớn nhất. Hai hình thức giải thích và thiết kế văn hóa này, ít nhiều mang tính ý thức hệ, đối với các tiềm năng của công nghệ, đã thúc đẩy trí tưởng tượng tập thể với yêu sách về một sự chặt chẽ lý thuyết lớn hơn vốn sẽ cung cấp một dự báo thực tế về tương lai của nhân loại. Xét cho cùng, đây là đề xuất về một tầm nhìn mới đối với thực tại, đòi hỏi một nền nhân học mới. Chúng có thể được coi là các “hệ thống” tư tưởng thúc đẩy một cuộc thập tự chinh ủng hộ khoa học và những tiến bộ của nó, dưới ánh sáng của khẩu hiệu: “tất cả những gì công nghệ có thể làm, phải được thực hiện để cải

thiện tình trạng con người”. Do đó, nó sẽ là việc chuẩn bị cho một giai đoạn mới, chưa từng có, của lịch sử nhân loại.

55. Trong bối cảnh đề xuất của các phong trào này, có thể thoáng thấy sự tiếp nhận, không giới hạn và không có sự thận trọng, của khái niệm *nâng cấp con người* (*human enhancement*): trước hết là một khái niệm y sinh học, hiện diện rất nhiều trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Nó có thể được định nghĩa là tập hợp các công nghệ y sinh, di truyền, dược lý và điều khiển học nhằm cải thiện năng lực thể chất, nhận thức hoặc giác quan của con người, vượt quá các mức được coi là bình thường hoặc trung bình. Các lĩnh vực ứng dụng của nó bao gồm: việc giới thiệu các bộ phận giả tiên tiến để tăng cường hiệu suất thể chất hoặc tinh thần của con người, ngay cả thông qua các thiết bị công nghệ và điện tử được cấy ghép vào cơ thể người; việc sử dụng các kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho người; việc sử dụng các loại thuốc cải thiện khả năng thể chất và nhận thức của con người trong lĩnh vực thể thao, lao động chân tay hoặc trí óc, và hoạt động quân sự. Giờ đây, chính đề xuất nâng cấp con người đã thôi thúc việc bắt đầu một suy tư mang tính phản biện về thuyết siêu nhân học ở chừng mực nó mời gọi đặt ra câu hỏi: “Việc gia tăng các điều kiện sống, cải thiện hiệu suất, vượt qua giới hạn là hợp pháp đến mức nào, khi vẫn duy trì lợi ích của con người làm mục đích?”. Thực vậy, ngay cả trong lĩnh vực nâng cấp con người, tự bản thân nó cũng nảy sinh nhận thức rằng, để thực sự mang tính nhân bản, mọi mong muốn cải thiện tình trạng con người phải duy trì sự cân bằng giữa những gì khả thi về mặt kỹ thuật và những gì có ý nghĩa về mặt nhân bản.

56. Khởi đi từ những suy tư trước đó, chúng ta hiểu được tầm quan trọng của việc đặt vấn đề nhân học làm trung tâm, tự hỏi không phải là làm thế nào để đi “vượt qua những giới hạn của con người”, mà đúng hơn là điều gì làm cho sự tồn tại của chúng ta “thực sự mang tính nhân bản”. Dưới ánh sáng của câu hỏi nhân học căn bản này, chúng ta có thể xây dựng một số tiêu chí cho một sự phân định mang tính phản biện về nền nhân học nằm bên dưới các phong trào triết học và văn hóa này.

57. Yếu tố đầu tiên gây ra vấn đề là sự phán đoán tiêu cực về thân phận con người như nó vốn có, và cuối cùng là về căn tính của nó. Từ đó bắt nguồn giấc mơ tái tạo lại nó, một giấc mơ được thúc đẩy bởi sự bất mãn đối với những gì đang hiện diện trong nó như nó vốn có, với những giới hạn và khiếm khuyết của nó. Tuy nhiên, chúng ta phải tự hỏi liệu sự “oán giận” đối với cuộc sống thực có phải là một điểm khởi đầu tốt cho sự tiến bộ hay không, thay vì chỉ là một cảm dỗ nổi loạn hoặc trốn chạy khỏi thực tại. Ở đây không nói về cuộc đấu tranh chính đáng để thay đổi các điều kiện và cấu trúc bất công, mà là sự chối bỏ bản chất của sự vật và của chính mình. Cụ thể, cần phải cảnh báo về nhận thức cơ bản mang tính tiêu cực đối với tính thân xác, vốn có thể bị coi giống như một trở ngại hơn là một phân tích hợp của căn tính con người.

58. Khía cạnh thứ hai, gắn liền với khía cạnh thứ nhất, là giấc mơ về một chủ nghĩa hoàn hảo mang tính cá nhân chủ nghĩa và tinh hoa. Dường như mỗi con người cụ thể chỉ có thể tồn tại hoặc được chấp nhận với điều kiện “trở nên hoàn hảo hơn”. [62] Đến nỗi người ta phải tự hỏi liệu thân phận

con người hiện tại có còn quyền tồn tại hay không, hay những con người cá biệt đã trở nên “thừa thãi”. Một số lý thuyết siêu công nghệ dường như thách thức nguyên tắc nền tảng được thừa hưởng từ chủ nghĩa nhân bản: “Hãy hành động sao cho tác động của hành động của bạn tương thích với sự trường tồn của một đời sống thực sự mang tính nhân bản trên trái đất. Hãy hành động sao cho tác động của hành động của bạn không phá hủy khả năng tương lai của một đời sống như vậy”.[63] Nguyên tắc này thậm chí có thể bị coi là một hạn chế vô ích và có hại cho tiến bộ công nghệ.

59. Yếu tố thứ ba là tác động xã hội của tầm nhìn về con người này. Thật vậy, nó có thể đi đến việc khẳng định sự tách biệt giữa một hình thái nhân loại thượng đẳng, được trang bị các công cụ tăng cường sức mạnh cho đến mức bất tử, và một nhân loại nguyên thủy, tiền công nghệ và cuối cùng sẽ đi đến chỗ tuyệt chủng. Không rõ dựa trên cơ sở nào mà tình trạng khác biệt mà nhân loại có thể đạt tới sẽ được thiết lập: sự giàu có, văn hóa, di sản, sự không ngần ngại trong việc thử nghiệm hay tự sáng tạo ra chính mình. Người ta cũng không hiểu ai sẽ phải đảm nhận quyền quyết định. Trong viễn cảnh như vậy, các mối liên kết giữa con người cũng như sự gắn bó với một dân tộc và một nền văn hóa làm cơ sở để đánh giá công ích có nguy cơ biến mất. Hơn nữa, nếu coi nhiều cấu trúc xã hội và chính trị nảy sinh từ việc chia sẻ các nhu cầu và từ việc tổ chức các thể chế và các mối quan hệ có khả năng đối mặt với những thách thức này (bệnh viện, trường học, nhà tù và trung tâm giáo dục lại), người ta có thể tưởng tượng được sự khó khăn của những người theo thuyết siêu nhân học và hậu nhân học khi phải nói điều gì sẽ xảy ra với thế giới xã hội và chính trị nơi chúng ta đang sống. Các sự biến đổi không còn bị ràng buộc vào sự công nhận lẫn nhau trong một logic của tình huynh đệ và liên đới, và những hậu quả tiêu cực của điều này trước hết phản ánh lên ý niệm về gia đình. Người ta không còn nói về sự sinh sản như là sự thông truyền sự sống, cũng không cho thấy sự quan tâm đến những ca sinh nở mới. Họ chỉ xử lý nó trong logic của việc lập trình sự sống cho những “đứa trẻ” con người khác, được làm cho hoàn hảo ở cấp độ di truyền. Nhưng các chủ đề như tính sinh sản của tình yêu hôn nhân hoặc sự hỗ trợ tình cảm của các gia đình cuối cùng biến mất khỏi chân trời.

60. Cuối cùng, không được quên cái nhìn chung có tính chất tiêu cực đối với kinh nghiệm tôn giáo. Nó thường được trình bày như một lập trường cam chịu và theo thuyết định mệnh, thần thánh hóa tình trạng con người hiện tại với những giáo điều và giới luật kìm hãm việc nghiên cứu và sự tiến bộ. Những “tầm nhìn thần thánh hóa” vốn nhấn mạnh giá trị của cơ thể hoặc tự nhiên như những biểu hiện của công trình sáng tạo của Thiên Chúa sẽ cản trở việc nghiên cứu tự do. Ý tưởng cho rằng sự sống sinh học là một món quà, cần được đối xử cẩn thận, sẽ bao hàm việc cảm đoán một số thử nghiệm và đột biến cải tiến, ngăn chặn sự tiến bộ. Không còn rõ căn tính cá nhân được hiểu là gì, khi người ta giản lược ngôi vị thành một bó các cảm giác hoặc thành các dự án được tối ưu hóa, thành một loại kinh nghiệm chủ quan được nâng cao và khả năng nhận thức được gia tăng, trong khi tính thân xác bị giản lược thành một vật liệu sinh học không hoàn hảo hoặc dẫu sao cũng cần phải được nâng cấp.

61. Nhân học Kitô giáo có thể xác định trong các xu hướng triết học và văn hóa ngày nay không ít đặc điểm của não trạng mà Đức Phanxicô đã mô tả như một hình thức của “chủ nghĩa tân Ngộ giáo” (*neo-gnosticismo*). Đó là các phương thức tư duy và thái độ cần được hiểu theo một nghĩa tương tự như các hình thức Ngộ giáo cổ xưa. Một cách tiếp cận như vậy, khi xem xét con người và ơn cứu độ của nó, tìm cách giải phóng nó khỏi mọi sự phụ thuộc và giới hạn, tách biệt nó khỏi cơ thể, khỏi vũ trụ, khỏi cộng đoàn và khỏi lịch sử.[64] Nó “đưa ra một sự cứu độ thuần túy nội tâm, khép kín trong chủ nghĩa chủ quan. [...] Do đó, nó tự phụ giải phóng ngôi vị khỏi thể xác và khỏi vũ trụ vật chất, trong đó không còn khám phá ra những dấu vết của bàn tay quan phòng của Đấng Sáng Tạo, mà chỉ thấy một thực tại vô nghĩa, xa lạ với căn tính tối hậu của ngôi vị, và có thể thao túng theo lợi ích của con người”.[65]

62. Não trạng có thể được nhận ra trong các phong trào siêu nhân học và hậu nhân học trên thực tế đã đánh mất đi tính toàn vẹn của con người, và đặc biệt là căn tính và ơn gọi của nó theo kế hoạch của Thiên Chúa, trong khi tôn vinh một số chiều kích mà gây thiệt hại cho các chiều kích khác. Câu hỏi nhân học căn bản do đó được đặt ra một cách rõ ràng: liệu đây là một đề xuất làm biến đổi hay làm biến dạng con người về bản chất của nó? Liệu người ta sẽ đi đến một con người ngoại lệ hay đến các hình thức ngoại lệ đối với con người đích thực? Theo tầm nhìn Kitô giáo, con người được định nghĩa bởi một hình thể (*forma*) đặc thù bảo đảm sự hiệp nhất và toàn vẹn của nó, cả trong việc hướng tới căn tính của nó, cũng như trong hành động nhờ đó nó trở thành chính mình, cũng như liên quan đến mục đích tối hậu nơi nó tìm thấy sự viên mãn. Ở cấp độ cá nhân, linh hồn bất tử là thứ mang lại hình thể, tức là sự thống nhất và tổ chức vật chất thành một cơ thể sống, ban cho con người một sự siêu việt mà thuyết hậu nhân học và siêu nhân học không thể đạt tới cũng không thể vượt qua. Tuy nhiên, điều thống nhất và hướng dẫn sự phát triển cá nhân không chỉ nổi lên từ tự nhiên và vũ trụ, mà còn được hiện thực hóa khởi đi từ các mối quan hệ, trong đó căn tính cá nhân được dự ứng bởi sự kỳ vọng của người khác, và một cách nguyên thủy và nền tảng bởi cuộc đối thoại tự do với Thiên Chúa. Vì lý do này, Thánh Phaolô có thể khuyên nhủ: *“Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần”* (Rm 12,2), *“cho đến khi Chúa Kitô được thành hình nơi anh em”* (Gl 4,19; x. cả Pl 3,10-11 và Pl 2,6-11). Hình thể của con người tìm thấy thước đo và sự viên mãn của nó trong Chúa Kitô, Đấng đã chết và sống lại, và mở ra một chủ nghĩa nhân bản toàn diện, trong đó mỗi người được trao quyền để hiện thực hóa bản thân vượt ra ngoài chính mình, nhờ vào ân ban vô hạn của Chúa Thánh Thần. Bắt đầu từ sự tồn tại trần thế của chúng ta, sự tham gia vào “sự sống đời đời” này trong Chúa Kitô được hoàn tất – như đức tin của Giáo hội tuyên xưng – “trong sự phục sinh của xác phàm và sự sống đời sau”.

Việc Đức Trinh Nữ Maria được hồn xác lên trời là một dấu chỉ cho thấy tất cả chúng ta đều được mời gọi để thông phần với tư cách là những ngôi vị con người trọn vẹn vào vinh quang của Chúa Kitô ngự bên hữu Thiên Chúa Cha.

Chương II - CUỘC SỐNG NHƯ LÀ ƠN GỌI: NGÔI VỊ CON NGƯỜI LÀ TÁC NHÂN TRONG LỊCH SỬ

63. Viễn cảnh về một sự biến đổi nhân học mang dấu ấn của thuyết siêu nhân học cũng như những giấc mơ của thuyết hậu nhân học có thể xuất hiện như một sự phóng đại xa rời tình trạng thực tế của nhân loại, như một khả năng xa xôi. Trên thực tế, đại dịch Covid-19 đã làm giảm bớt rất nhiều niềm tin vào một sự tiến bộ công nghệ vô hạn và người ta đã hiểu rằng nhân loại trước hết cần một tình liên đới quan tâm đến tất cả mọi người và nhờ đó mỗi dân tộc có thể sống trong hòa bình. Tuy nhiên, những đòi hỏi tiến bộ của thuyết siêu nhân học, đặc biệt khi chúng thúc đẩy các khuynh hướng hướng tới thuyết hậu nhân học, khi tạo ra tác động mạnh mẽ đến trí tưởng tượng chung, có nguy cơ hoạt động như một loại phân tâm đám đông khỏi những vấn đề khẩn cấp nhất của nhân loại, làm chuyển hướng các nguồn lực và năng lượng khỏi những cuộc đấu tranh hàng ngày vì lợi ích khả thi của một phần lớn nhân loại đang đau khổ, một mặt, và mặt khác dung túng cho những sự bóp méo trong nhận thức về các điều kiện thực tế của kinh nghiệm.

64. Do đó, cần thiết phải nhắc lại một số chiều kích nền tảng của kinh nghiệm con người, vốn đang bị tổn hại hoặc bị che khuất bởi một ý tưởng nhất định về tiến bộ công nghệ. Trước hết, chúng ta tập trung vào hai chiều kích cấu thành: chiều kích lịch sử của kinh nghiệm con người, đòi hỏi phải biết cách cư ngụ trong thời gian và không gian; và chiều kích liên chủ thể, đưa vào cuộc chơi cảm thức thuộc về một gia đình, một cộng đoàn, một dân tộc và toàn thể nhân loại, nơi chúng ta là “tất cả anh em” (*fratelli tutti*). Chúng ta sẽ kết thúc chương này bằng cách đặt những chiều kích kinh nghiệm con người này vào trong đề xuất tổng thể về cuộc sống như một ơn gọi toàn diện, phù hợp với những chỉ dẫn gần đây của Huấn quyền Công đồng và các Giáo hoàng.

1. Chiều kích lịch sử của kinh nghiệm con người: thời gian và không gian

65. Trước tiên, chúng ta đặt mình vào bối cảnh của chiều kích lịch sử – thời gian mang tính cấu thành của kinh nghiệm con người. Ý thức lịch sử là một yếu tố nền tảng trong việc xây dựng căn tính của cả ngôi vị lẫn một dân tộc, được nắm bắt trong sự khác biệt nhưng cũng trong sự kết nối của chúng. Con người là một chủ thể lịch sử và văn hóa, có khả năng biến đổi tự nhiên, trau dồi nhân tính của mình và mang lại một ý nghĩa cho lịch sử. Khái niệm lịch sử như một quá trình thời gian đang trên đường tiến tới một tương lai được hứa hẹn và hy vọng là một di sản quý giá của Do Thái giáo và Kitô giáo. Dưới ánh sáng của Mặc khải, thần học Kitô giáo đã suy tư về ý nghĩa nhân học và cứu độ của thời gian cá nhân và của lịch sử nhân loại. Ý thức lịch sử là yếu tố cấu thành của đức tin Kitô giáo, vốn gặp gỡ Thiên Chúa Đấng cứu độ trong một hành trình lịch sử của dân Người. Vì lý do này, Mặc khải cũng chỉ ra giá trị mẫu nhiệm và không thể xóa nhòa của hiện tại, được hiểu như là khoảnh khắc ưu tuyển và không thể lặp lại của sự nếm trước cõi vĩnh hằng trong thời gian. Đồng thời nó trở thành một sự phê phán đối với các chủ nghĩa giản lược khác nhau về thời gian, về hiện tại và về ký ức, cũng như về cánh chung học.

66. Các dân tộc là chủ thể của những nền văn hóa và lịch sử riêng biệt, xoay quanh lịch sử thế giới ở những mức độ khác nhau.[66] Do đó, gia đình nhân loại, chủ thể của lịch sử phổ quát, thể hiện như một thể thống nhất đa nguyên trải rộng trong không gian và thời gian. Lịch sử có ý nghĩa riêng của nó vì các biến cố là những dấu chỉ hiện thân cho những ý nghĩa và giá trị mà qua đó con người tự hiện thực hóa và thể hiện chính mình. Cấu trúc biểu tượng hoặc “mang tính bí tích” này của các biến cố lịch sử mời gọi chúng ta tìm kiếm ý nghĩa của chúng không chỉ bằng cách xem xét nguồn gốc hay các nguyên nhân gần của chúng, mà còn là mục đích tối hậu. Vì vậy, lịch sử được hiện thực hóa trong các tiến trình làm biến đổi các điều kiện của kinh nghiệm và trở thành những biến cố công khai với những hiệu ứng tổng quát hơn. Chính các tiến trình lịch sử ngày nay đang trải qua một sự tăng tốc và toàn cầu hóa rõ rệt:[67] tập thể nhân loại đang chạy đua về một số phận chung, trong đó sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng giữa lịch sử quốc gia và lịch sử thế giới đang được hiện thực hóa. Sự đan xen này đòi hỏi phải kết nối tốt giá trị của các nền văn hóa địa phương, với các tiến trình và thời gian của chúng, và ý nghĩa của tình huynh đệ phổ quát.[68]

1.1. Sống thời gian với một ý thức lịch sử lành mạnh

67. Đối với con người, lịch sử là một chiều kích không thể thiếu cho hữu thể và hành động của họ. Họ đảm nhận thời gian thông qua một nội tâm thông minh và thiêng liêng, kết hợp các chiều kích của dòng chảy thời gian trong sự giãn nở của tâm hồn và bằng cách đó đạt đến việc trải nghiệm thực tại.[69] Ký ức, được hiểu như việc phục hồi quá khứ trong hiện tại, cũng như chân trời của niềm hy vọng vĩnh viễn, mở ra tương lai, tạo nên bối cảnh để khám phá ý nghĩa của cuộc sống và tạo đà cho sáng kiến của con người nhằm mở rộng các chân trời của hành động.

68. Tác động đầu tiên của sự phát triển công nghệ gần đây liên quan chính xác đến trải nghiệm về thời gian.[70] Ngày nay chúng ta ghi nhận sự đánh mất ý thức về lịch sử và sự giản lược kinh nghiệm vào một khoảnh khắc thoáng qua, với một sự tập trung đầy mơ hồ vào ngày hôm nay. Văn hóa kỹ thuật số có xu hướng hòa tan “văn hóa hồi nhớ” (anamnesis) của lịch sử và biến đổi nền văn hóa sống động của ký ức và hy vọng thành một nền văn hóa hậu hiện đại của một hiện tại khép kín trong chính nó.

Việc tổ chức thông tin trên mạng lưới (internet) quan tâm đến việc thu thập và tổ chức khối lượng dữ liệu khổng lồ dựa trên tính toán xác suất, hơn là cố gắng để tìm kiếm các giả thuyết nhằm hiểu hoặc giải thích. Ngay cả câu hỏi về nền tảng của kinh nghiệm, về nguyên nhân giải thích hoặc về một ý nghĩa thiết lập nền tảng, hiện nay cũng được coi là một vấn đề đã bị vượt qua bởi việc phân tích các kết nối giữa các dữ liệu. Thay thế cho những ký ức sống động và những truyền thống được hun đúc bởi ký ức là việc xử lý các dữ liệu sẵn có thông qua tin học hóa, những dữ liệu mà sau đó có thể được gọi lại vào bất kỳ thời điểm nào. Nhưng máy tính không nhớ và chỉ giới hạn ở việc lưu trữ dữ liệu. Điều này có thể dẫn đến hệ quả là thủ tiêu ý thức về thời gian và chuyển đổi các thời gian khác nhau vào không gian của một tính đồng thời vô định, dẫn đến điều được mô tả là một “sự không

gian hóa thế giới”. Thông qua công nghệ, người ta có thể tự phụ vượt qua sức mạnh của thời gian (vừa thoát qua vừa mở ra cõi vĩnh hằng) và làm cho mọi thời đại trở nên đồng thời. Nhưng một hiện tại không còn biết đến một quá khứ thì cũng chẳng còn bất kỳ tương lai nào nữa. Và sự thiếu hụt một mục đích, vốn mở ra cõi vĩnh hằng, trở thành một “sự vô hạn tồi tệ” (*cattivo infinito*).

69. Do đó, niềm tin vào khả năng của mỗi người trong việc diễn giải và định hình thế giới bị suy yếu, thế giới thoát khỏi sự hiểu biết thực tiễn và sự kiểm soát xã hội, bỏ mặc nó trong tay những bộ máy quan liêu khổng lồ và quá tải thông tin nhờ vào các hệ thống công nghệ phức tạp phụ thuộc lẫn nhau và không thể quản trị, từ đó cá nhân thường cảm thấy bị bao vây và đe dọa. Sự phụ thuộc hoàn toàn vào những hệ thống phức tạp và tinh vi này, vốn cá nhân không có ảnh hưởng gì, tạo ra cảm giác bất lực và thúc đẩy việc khép mình trong những chân trời ý nghĩa và cuộc sống hạn hẹp và được bảo vệ.[71] Thực tại trở thành một sự kết nối, qua đó người ta bước vào một mạng lưới các liên hệ và gặp gỡ đòi hỏi sự nhanh nhẹn, tốc độ, phản ứng tức thì, hơn là tính phản tỉnh và tinh thần phê phán. Trong viễn cảnh này, các tự sự phổ quát và những câu chuyện dựa trên các lựa chọn lâu dài ít được quan tâm hơn, mà thay vào đó là những sự đồng nhất nhẹ nhàng và đa chiều.

70. Không có gì đáng ngạc nhiên khi văn hóa (hậu) hiện đại có xu hướng vun đắp sự lãng quên đối với hiện thể, lãng quên ký ức và đích đến vĩnh cửu. Trong một bối cảnh như vậy, con người ngày càng ít là ký ức của chính mình và ngày càng nhiều là một thử nghiệm vô hạn của chính mình.[72] Trong số những lý do khác nhau của chúng “mất trí nhớ văn hóa” này, chúng ta có thể liệt kê lý do hiện diện trong trình thuật Kinh Thánh: con người trong sự thịnh vượng quên đi Thiên Chúa của mình và lịch sử đã sống với Người (x. Tl 2,10; Đnl 4,23.30; Lc 12,13-21), phớt lờ giới răn của Thiên Chúa đòi buộc họ phải quan tâm đến những người nghèo khổ và bị gạt ra bên lề xã hội. Phải nói thêm tác động của não trạng chủ nghĩa duy khoa học, vốn tưởng tượng khoa học như là giải pháp có thể cho mọi vấn đề, có khả năng chữa lành những vết thương và do đó giải thoát khỏi nỗi đau của sự hồi tưởng. Một yếu tố thứ ba là sự cam chịu trước sự mỏng giòn hạn hẹp của chính mình, không có những hy vọng lớn lao, trở thành một lời khuyên đơn giản là “tiến tới” không có tiêu chuẩn, như thể điều quan trọng duy nhất là tiến lên, tiếp tục ngay cả khi không có một mục tiêu chính xác: ý thức giải phóng lấy từ quá khứ một ký ức tối thiểu như một sự kích thích để tiến xa hơn, mà không mong muốn một đích đến, dù là nội tại hay dấu sao là siêu việt. Hơn nữa, hình thức mất trí nhớ này nhường chỗ cho những sự tái cấu trúc quá khứ mang tính ý thức hệ hoặc các hình thức xét lại và chủ nghĩa phủ nhận, với mục đích hợp pháp hóa các trò chơi quyền lực hoặc biện minh cho những xung đột đau thương. Trên thực tế, người ta không thể xây dựng một tương lai nếu không có một ký ức vững chắc về lịch sử mà chúng ta xuất phát và lịch sử đó đã sinh ra chúng ta, và cũng không thể không có một niềm hy vọng cho mãi mãi.

71. Những tình huống này cũng là kết quả của một nền kinh tế toàn cầu hóa, vốn ủng hộ một mô hình văn hóa duy nhất được đại chúng hóa, trong đó các thế lực mạnh mẽ tự khẳng định mình,

bảo vệ lợi ích của chính họ bằng cách gây thiệt hại cho các nền văn hóa yếu hơn. Kết quả là sự đánh mất ý nghĩa toàn diện của lịch sử.[73] Do đó, động lực đồng hóa chiếm ưu thế trong những gì chúng ta có thể định nghĩa là nền văn hóa giả tạo của “chủ nghĩa tiêu dùng”, của sự “vứt bỏ”, của những “bức tường”, của sự “cô lập và rút lui” hoặc thậm chí là sự lan rộng của một nền văn hóa “trống rỗng, hướng tới những gì trước mắt và thiếu vắng một dự án chung”.[74] Những nền văn hóa giả tạo này đang hoạt động cả trong các chủ nghĩa dân túy (làm biến dạng thuật ngữ “nhân dân”, giới hạn nó trong một logic khép kín), và trong các “tầm nhìn tự do cá nhân chủ nghĩa”, từ chối chính phạm trù nhân dân và việc đánh giá tích cực các mối liên kết cộng đồng và văn hóa mà nó chứa đựng.[75] Kết quả của các hình thức văn hóa này, trong bối cảnh tính đương thời toàn cầu hóa của thế giới kỹ thuật số, là một sự mất phương hướng hơn nữa. So với những nền văn hóa giả tạo này, Tin Mừng tự thể hiện như một loại phản văn hóa, không phải theo nghĩa nguồn cảm hứng của Tin Mừng áp đặt một nền văn hóa bá quyền duy nhất của riêng mình, mà theo nghĩa nó nâng cao và thúc đẩy mọi nền văn hóa, hoặc các chiều kích của chúng, mang tính nhân bản đích thực.

72. Để đối mặt với kinh nghiệm về sự tăng tốc theo chiều ngang của thời gian lịch sử này, cần phải khôi phục nguồn gốc và mục đích tối hậu của lịch sử, vì chúng có thể được cảm nghiệm trong hiện tại, để hiểu được ý nghĩa đích thực của nó. Sự gặp gỡ giữa thời gian của con người và cõi vĩnh hằng của Thiên Chúa nơi Đức Giêsu Kitô mang lại một ý nghĩa của lịch sử một cách nhưng không, đáp ứng một cách sâu xa những kỳ vọng về kinh nghiệm thời gian của con người, mà không làm mất đi sự giao thoa của ba chiều kích: kinh nghiệm quá khứ, sáng kiến hiện tại và sự chờ đợi tương lai, trong chân trời của cõi vĩnh hằng quy định chúng.

73. Kinh nghiệm Kitô giáo về thời gian cung cấp các tọa độ của một ơn cứu độ xảy ra trong lịch sử, ở chỗ nó đặt sự viên mãn của thời gian vào một bối cảnh lịch sử cụ thể, vào một hiện tại chứa đầy cõi vĩnh hằng, nhờ sự Nhập thể của Con Thiên Chúa (x. Gl 4,4-6). Theo cách đó, nó mở ra các tiến trình lịch sử để chờ đợi một sự hoàn tất đã được hứa, hiện thực hóa các đòi hỏi của trái tim con người thuộc mọi thời đại theo một cách không thể tưởng tượng được (x. Kh 21-22).[76] Nó tương ứng với một đòi hỏi của ý thức lịch sử của các dân tộc là có thể đọc các sự kiện trong một khuôn khổ tổng thể và có ý nghĩa hơn, có khả năng hiểu các sự kiện lịch sử trong sự thống nhất của một quá trình phổ quát được phú cho ý nghĩa, với sự tôn trọng đối với các lịch sử riêng biệt, nắm bắt được sự thống nhất trong sự khác biệt của tính đa dạng. Chính sự hoàn tất mang tính cánh chung được hứa ban trong Đức Giêsu Kitô không theo cách nào làm mất đi giá trị của các biến cố lịch sử cụ thể, trong hiện tại, mà soi sáng ý nghĩa của chúng, tái kích hoạt tính chất đầy hứa hẹn của kinh nghiệm và cùng với nó là sự chờ đợi tích cực về một thế giới mới.[77] Điều này là có thể bởi vì mục đích của lịch sử không trùng khớp với sự chấm dứt của nó, mà hướng đến một đích đến cuối cùng siêu việt các biến cố lịch sử từ bên trong và định hướng chúng tới một sự viên mãn mới, nơi mọi thứ hội tụ.

74. Lịch sử cứu độ không chỉ đơn thuần trình bày như được khép kín trong một lịch sử đặc thù đứng tách biệt, bên cạnh lịch sử phổ quát, vì hành động cứu độ cụ thể của Thiên Chúa trong lịch sử gắn kết với các phong trào văn hóa của các dân tộc trong một thể thống nhất duy trì sự phân biệt: “Sự hiện diện và hoạt động của Chúa Thánh Thần không chỉ chạm đến các cá nhân, mà còn chạm đến xã hội và lịch sử, các dân tộc, các nền văn hóa, các tôn giáo. Quả thực, Chúa Thánh Thần đứng ở nguồn gốc của những lý tưởng cao quý và những sáng kiến tốt đẹp của nhân loại đang trên đường lữ hành: “Với sự quan phòng kỳ diệu, Người hướng dẫn tiến trình của thời gian và đổi mới mặt đất”.”.[78] Mỗi quan hệ giữa Thiên Chúa và dân Người, và cả với nhân loại và toàn thể công trình sáng tạo, được hiện thực hóa qua các ân ban của Thánh Thần và Ngôi Lời, vốn không chỉ đơn giản là rơi từ trên trời xuống, mà nảy mầm từ bên trong con người, Đấng đón nhận chúng và có trách nhiệm sinh lợi cho chúng để chúng sinh hoa trái (x. Is 55,10-11; Mt 25,14-30). Bằng cách này, thần thánh mở ra cho con người không gian của sự hiện thực hóa chính mình, thiết lập lại nền tảng của nó trong một sự hiệp thông mới mẻ và đáng ngạc nhiên, không hủy bỏ cũng không hấp thụ con người, nhưng nâng đỡ nó trong việc hiện thực hóa lịch sử của mình. Sự thống nhất các tiến trình lịch sử trong Chúa Kitô không làm mất đi tính nhất quán của các lịch sử và văn hóa địa phương, cũng không cào bằng sự phong phú khác biệt theo lợi ích của một thiểu số hoặc theo các quy luật của thị trường hoặc của logic truyền thông trong thế giới kỹ thuật số toàn cầu.

75. Đó là trải nghiệm tràn ngập niềm vui mà Mẹ Maria thể hiện trong bài ca *Magnificat* (x. Lc 1,46-55). Lời cầu nguyện này biểu lộ ý thức của Mẹ Maria: nơi Mẹ, với tư cách là Mẹ Chúa Kitô, toàn bộ nhiệm vụ cứu độ hiện diện, trong đó cõi vĩnh hằng được kết hợp với thời gian theo một cách thức mới.[79] Bài ca *Magnificat* làm vang vọng trong kinh nghiệm cá nhân của Mẹ Maria kinh nghiệm của toàn thể dân Thiên Chúa trong lịch sử cứu độ.[80] Chúng ta khám phá ra trong đó một kiểu kinh nghiệm khác về thời gian, được viếng thăm bởi ân sủng của Thiên Chúa, trong đó sự vâng phục của Mẹ Maria trước lời thiên thần truyền tin mở ra sự viên mãn của ân sủng vốn đã mở rộng hiện tại của Mẹ (“Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi biết bao điều trọng đại”) tới một tương lai tích cực (“Từ nay, hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc”), trong sự tưởng nhớ có ý thức về hành động cứu độ của Thiên Chúa và phong cách của Người (“Đời nọ tới đời kia, Chúa hằng thương xót những ai kính sợ Người. Chúa giơ tay biểu dương sức mạnh. [...] Chúa nâng cao mọi kẻ khiêm nhường...”).[81]

1.2. Cư ngụ trong không gian: từ không gian riêng đến những “ngưỡng cửa”

76. Con người cư ngụ trong không gian theo những cách khác nhau: vừa là một “sinh thể gia đình” sống trong một ngôi nhà, vừa là một “sinh thể chính trị” bám rễ và tổ chức trong một thành phố và một tổ quốc, và cuối cùng là một “sinh thể mang tính thế giới” (cosmopolita), được định vị trong thế giới. Chỗ ở của con người bao gồm tam giác này được hình thành bởi ngôi nhà, như là lĩnh vực của gia đình và tự nhiên; bởi thành phố và dân tộc/quốc gia, như là không gian của lịch sử và văn hóa; bởi toàn thể giới, như là chân trời thuộc về bản tính con người. Địa phương và toàn cầu là những

chiều kích cầu thành kinh nghiệm con người, ngày nay bị biến đổi bởi các quá trình toàn cầu hóa, như có thể thấy ví dụ trong các siêu đô thị và trong sự sửa đổi tính di động.[82]

77. Một hiện tượng đáng chú ý là tổ chức không gian đô thị trong các siêu đô thị (megalopoli). Chúng ta sống trong “Thời đại Đô thị” (Urban Age), một thời điểm mới trong lịch sử nhân loại. Sự hình thành các thành phố khổng lồ là một hiện tượng của thời đại chúng ta, bắt đầu từ giữa thế kỷ 20. Kể từ đầu thế kỷ 21, hơn một nửa dân số thế giới sống trong các thành phố, quyết định sự chuyển đổi từ bối cảnh nông thôn sang bối cảnh đô thị, đặc trưng cho văn hóa truyền thông và thông tin hiện tại. Loại hình đời sống trong đó con người tự hiện thực hóa đã thay đổi rất nhiều trong các “vùng đô thị” này, như Đức Phaolô VI gọi chúng, vốn kết nối các trung tâm và vùng ngoại ô thành các khu định cư rộng lớn, với các khu phức hợp ngoại ô lớn thường thiếu các dịch vụ thiết yếu.[83]

78. Sự sửa đổi tính di động ngày nay cũng có tác động đến kinh nghiệm của con người về không gian. Khả năng đã được đề cập về việc rút ngắn khoảng cách với các phương tiện nhanh hơn, tổ chức lại không gian sống (công việc, nhà cửa, bạn bè, trường học) mà còn sự lan rộng và phân phối hàng hóa, với khả năng luôn có sẵn các sản phẩm từ các khu vực khác nhau trên thế giới và từ các quốc gia xa xôi, đã dẫn đến một sự “phi lãnh thổ hóa” đối với căn tính cá nhân và các nền văn hóa. Ngay cả chế độ ăn uống cũng không còn bị ràng buộc vào môi trường tự nhiên gốc và các mùa của nó. Do đó, phong tục, lối sống và các giá trị luôn ở trong trạng thái căng thẳng giữa việc thuộc về một lãnh thổ bị giới hạn và một nền văn minh hành tinh không biên giới. Người ta ngày càng trở thành công dân toàn cầu. Một nền văn hóa toàn cầu nhất định, được tạo thành từ các giá trị, của cải và hàng hóa không có sự phân biệt và mang tính phổ quát, thuộc về mọi người và không thuộc về ai, ngày càng xác định cách ăn mặc, ăn uống, giải trí, tổ chức lễ hội và nghỉ ngơi, theo các cung ứng của ngành công nghiệp thời gian rảnh rỗi. Các không gian gấp gờ và quá cảnh nơi thiết lập các liên hệ ngày càng là “phi không gian” (non luoghi) ẩn danh và đồng nhất (nhà ga, sân bay, các trung tâm thương mại lớn), là biểu hiện của một thế giới nhân tạo hơn là các môi trường nhân bản và văn hóa được xác định bởi một lịch sử và căn tính chính xác.

79. Trong loại hình không gian này, con người có nguy cơ di chuyển như những người du mục lang thang để tìm kiếm những trải nghiệm mới. Qua đó làm mất đi hình bóng của người hành hương, người lên đường rời khỏi nhà và những vật dụng của mình, để tìm kiếm một tổ quốc đích thực để cư ngụ, miền đất hứa mà Thiên Chúa kêu gọi họ đến. Hơn nữa, người hành hương không đánh mất mối liên hệ với vùng đất của chính mình: “Giải pháp không nằm ở một sự cởi mở từ bỏ kho tàng của chính mình. Giống như không có đối thoại với người khác nếu không có căn tính cá nhân, cũng vậy không có sự cởi mở giữa các dân tộc nếu không phải từ tình yêu đối với mảnh đất của mình, đối với những đặc điểm văn hóa của mình”.[84]

80. Việc tổ chức không gian trên toàn cầu tự nó không làm cho con người trở nên hiếu khách hơn và cởi mở hơn với người khác. Ngược lại, nó thường dẫn đến những phản ứng căn tính mạnh mẽ,

có xu hướng khoanh vùng “không gian riêng”, tạo ra những ranh giới không thể vượt qua, thiết lập những sự phân cách rõ ràng giữa “chúng tôi và các người”, thế giới của mình và thế giới của người khác. Đáng suy ngẫm là tác động đầu tiên của các lý thuyết “đa văn hóa” lại liên quan chính xác đến nhận thức về không gian và sự thống nhất của thế giới mà chúng ta đang sống. Người ta hiểu được các ẩn dụ thay thế, gắn liền một cách tích cực với sự khám phá này: “mở rộng không gian”, “nhường chỗ cho người khác”, “nới rộng biên giới”; hoặc, ngược lại, “bảo vệ biên giới của mình”, “dựng lên các rào cản”, “khoanh vùng không gian riêng”. Trí tưởng tượng thống trị nhiều nền văn hóa đương đại là trí tưởng tượng về một cái tôi hoặc một dân tộc đứng ở trung tâm của một “lĩnh vực cái riêng của mình”, mà so với đó người khác hoặc kẻ xa lạ xuất hiện như một sự định đoạt thứ cấp, ở ngoại vi hoặc ở vùng biên giới.

81. Trong việc khám phá ra người khác, người khác biệt và thậm chí là kẻ xa lạ, ngày nay dễ dàng đánh thức nhận thức rằng “không ai là chủ trong chính ngôi nhà của mình”, vì sự khác biệt đi cùng chúng ta ngay từ đầu, ở cùng chúng ta “tại nhà”. Điều này có nghĩa là người khác không phải là phái sinh từ cái riêng của mình, mà là đồng nguyên (co-originario). Thật không may, “những gì là của riêng mình” thường được khoanh vùng thông qua các quá trình loại trừ đối với người khác, nghĩa là bằng cách tạo ra các ranh giới. Điều này đúng với ý thức về cái tôi riêng cũng như của các nền văn hóa. Do đó không được quên rằng ở nguồn gốc có một nhân tính chung là một sự đan xen, một mạng lưới trong đó cái riêng của mình và cái xa lạ, cái tôi và người khác đều liên đới với nhau.[85] Sự khó khăn trong việc chấp nhận sự đan xen nguyên thủy này trong một logic gặp gỡ và hiếu khách phải khiến chúng ta suy ngẫm về sự vận hành của toàn cầu hóa, vốn dường như mở ra những không gian chung để gặp gỡ, nhưng trong thực tế lại để cho những cảm giác “bị xâm lược” lớn lên, tiết lộ nhận thức về người khác như một mối đe dọa.

82. Đức tin Kitô giáo dịch chuyển trực tiếp kinh nghiệm về không gian: “Các Kitô hữu không khác biệt với những người khác về lãnh thổ, hay về cách nói năng, hay về kiểu dáng quần áo của họ. Thật vậy, họ không sống trong những thành phố đặc biệt, họ không sử dụng ngôn ngữ kỳ lạ nào, và không áp dụng một lối sống đặc biệt nào. [...] Họ cư trú ở cả các thành phố của Hy Lạp và của người man di, tùy theo hoàn cảnh, và mặc dù tuân theo phong tục địa phương về cách ăn mặc, ăn uống và phần còn lại của cuộc sống, họ đề xuất một hình thức sống tuyệt vời và, như mọi người đã thừa nhận, không thể tin được. Mỗi người sống trong tổ quốc của mình, nhưng như thể họ là người nước ngoài; họ tôn trọng và hoàn thành mọi nghĩa vụ của công dân, và đảm đương mọi gánh nặng như thể họ là người nước ngoài; mọi khu vực ngoại quốc đều là tổ quốc của họ, vậy mà mọi tổ quốc đối với họ đều là đất khách quê người”.[86] Các Kitô hữu không đòi hỏi một không gian “riêng”, nếu không phải là một chức năng phục vụ cho sứ mạng và cho sự thờ phượng, và dù sao đi nữa không gian của họ đã được cư ngụ bởi một sự khác biệt triệt để – sự khác biệt của Thiên Chúa –, Đáng cũng có thể mặc lấy, trong

Chúa Kitô, hình bóng của người khách lạ đến chất vấn, đặt nghi vấn về những gì được coi là đương nhiên và yên ổn.

83. Việc suy xét lại “không gian riêng” bao hàm sự tái định nghĩa các ranh giới như những “ngưỡng cửa” (*soglie*), tức là những khu vực tạo sự tiếp xúc, những không gian chuyển tiếp. Những ai vượt qua ngưỡng cửa của một kinh nghiệm con người khác không chỉ đơn giản là đến một nơi khác, mà được kêu gọi “trở thành một người khác”. Không ai có thể thống trị sự khác biệt này và làm trung gian giữa các nền văn hóa từ một lập trường trung lập. Do đó thách thức bao gồm việc nói rộng các biên giới để phơi mình trước lời kêu gọi của người khác. Theo nghĩa này, dụ ngôn người Samari nhân hậu (x. Lc 10,1-15) mang đến một mô hình vô song về nền văn hóa “trở thành người thân cận” và của cuộc gặp gỡ.[87]

84. Sự hiện diện của Đức Giêsu Kitô, nơi quy tụ khởi nguyên, trung tâm và cứu cánh của lịch sử (x. Kh 22,13) mở ra không gian sống của các dân tộc và của con người, giữ cho không gian đó rộng mở như một nơi hiếu khách đón nhận những sự khác biệt, không có những bức tường hay sự khép kín, thậm chí tái sinh thời gian, vốn sống trong một hiện tại đầy ý nghĩa cứu độ (*kairòs*), dù vẫn đang trên đường lữ hành, mở ra một sự hoàn tất siêu việt trong tương lai, sẽ hiện thực hóa lời hứa được ghi khắc nơi nguồn cội.

2. Các mối tương quan và ý thức thuộc về: tính liên chủ thể

85. Tính liên chủ thể (*intersoggettività*) được đặt trong bối cảnh không-thời gian này, có nghĩa là việc thuộc về một gia đình, một dân tộc và một truyền thống. Những sự thuộc về này, nơi căn tính cá nhân bắt đầu và được định hình trong lịch sử, tạo thành một loại bờ bao chống lại sự lan tràn của một toàn cầu hóa đồng nhất hóa, vốn không phải lúc nào cũng giúp định hình những mối liên kết đích thực: “Xã hội ngày càng toàn cầu hóa làm cho chúng ta gần gũi hơn, nhưng không làm cho chúng ta trở thành anh em”.[88] Nói đến tính liên chủ thể là nhấn mạnh cách thức đời sống con người ngay từ đầu đã bao hàm một chân trời cộng đồng: đời sống của mỗi cá nhân phải được đặt trong khuôn khổ của các mối quan hệ hình thành nên một cộng đồng. Những mối quan hệ như vậy, cấu thành nên căn tính cá nhân, được cấu trúc trong gia đình, trong một dân tộc, với các truyền thống của nó, và trong sự thuộc về rộng lớn hơn vào nhân tính chung.

86. Gia đình là không gian nguyên thủy của tính liên chủ thể chính vì nó là nơi trao tặng và đón nhận phép lạ của sự sống, vốn được hiện thực hóa trong mỗi một sự sinh hạ mới. Tính liên chủ thể này sinh chính xác ở nơi sự sống được trao ban, chứ không phải được sản xuất và càng không phải do tự sản xuất. Tại nguồn gốc của mỗi sự sống có một ân ban bất ngờ, trong một kinh nghiệm về sự thụ động nguyên thủy, qua đó chúng ta nhận thấy mình ở trong sự tồn tại, được đi trước và được đón nhận bởi khát vọng của những người khác. Nền văn hóa thống trị hiện nay không quan tâm đủ đến sự thật rằng “người ta được sinh ra”, và thuyết siêu nhân học, và còn hơn thế nữa là thuyết hậu nhân học, quên rằng con người trước hết là một người con và do đó là một đứa trẻ, phát hiện ra mình

được sinh ra và được trao ban cho chính mình trong cuộc phiêu lưu tuyệt vời của việc tồn tại và trưởng thành.

87. Gia đình với tư cách là cộng đoàn nguyên thủy thực sự tìm thấy nơi đứa trẻ, và chính xác trong việc đứa trẻ lãnh nhận chính mình và đạt đến ý thức về bản thân trong món quà mỉm cười của cha mẹ, một sự hiện thực hóa đặc biệt có ý nghĩa của sự tồn tại con người mà không có một thuyết siêu nhân học hay hậu nhân học nào có thể lãng quên. Sự sống như là sự viên mãn của hữu thể và là lời hứa tìm thấy điểm hiện thực hóa của nó nơi đứa trẻ với tư cách là con cái.[89] Trên thực tế, sự ăn khớp của tính nhân bản trong tình yêu giữa người nam và người nữ, và trên hết là việc trở nên một của người nam và người nữ trong khả năng sinh sản của đứa con, cho thấy sự minh bạch của hữu thể như là ân ban của Thiên Chúa. Nơi người con-đứa trẻ biểu lộ một phản chiếu của nguồn cội, với sự trang bị của sự ngạc nhiên và sự viên mãn, niềm tin và mối phúc, ân ban và sự biết ơn. Chính mạng lưới các mối liên kết và tình cảm này tạo thành sự đan xen của điểm khởi đầu, tấm gương của nguồn cội nơi cất giữ sự thật về tình phụ tử/mẫu tử. Con người với tư cách là con cái là tương quan nhân học của hữu thể như là ân ban và tình yêu, là minh chứng tuyệt vời của nó. Chính sự viên mãn này của hữu thể trong sự đơn sơ của cái nhìn của đứa trẻ là bí mật về năng lực trực giác, cũng như lý trí, của nó nhằm thống nhất thực tại trong các chiều kích về tính tất yếu và tự do, về tinh thần và tự nhiên, trong vòng tay của tình yêu.

88. Đứa trẻ là dấu chỉ của tính nhân bản mang tính con cái được hiểu như việc cư ngụ trong một sự viên mãn: chính vì đứa trẻ không bị ném vào sự tồn tại, mà được đón nhận và bao bọc bởi sự chăm sóc của cha mẹ, đứa trẻ không phải tự chinh phục chính mình trong một nỗ lực phát triển liên tục, mà lãnh nhận chính mình trong thái độ biết ơn. Đứa trẻ không phải là một khoảng trống để lấp đầy, mà là một sự viên mãn được ban tặng và hứa hẹn, để được đồng hành trong cuộc phiêu lưu định hình sự tồn tại trong các trải nghiệm của cuộc sống. Căn tính làm con là đối tượng của sự công nhận được trung gian qua sự chăm sóc của gia đình trong mái nhà: trong không gian sống này, sự thụ động của nguồn gốc là điều kiện của tự do hành động, và sự phụ thuộc vào tình yêu là điều kiện của sự tự chủ. Vì lý do này, lý trí phát triển ở đứa trẻ trên bối cảnh của một sự thống nhất nguyên thủy của thực tại, như là sự kết nối của hữu thể, điều thiện và cái đẹp. Tư duy có một gốc rễ tình cảm trong nguồn gốc của nó. Tình trạng này cần được tìm lại, chứ không phải để vượt qua, trong một cuộc trao đổi mà ở đó đứa trẻ nhận được chính mình từ tình yêu của cha mẹ và họ tái khám phá cùng với nó hữu thể làm con của chính họ.

89. Do đó, khát vọng nâng cấp con người sẽ phải tập trung ít hơn vào việc lập trình một siêu nhân vượt qua việc là (những trạng thái) trẻ thơ, để thay vào đó tìm cách bảo đảm cho mỗi gia đình các điều kiện kinh tế và xã hội nhằm đón nhận và đồng hành với phép lạ này của khởi đầu, trong một bối cảnh sống thuận lợi cho sự sinh ra và phát triển của con cái.

90. Thứ hai, cần phải làm rõ giá trị nhân bản của việc thuộc về một dân tộc, cùng với truyền thống của nó, và cả giá trị thần học của việc thuộc về Dân Thiên Chúa trong lịch sử. Phạm trù “dân tộc” trong ý nghĩa kép mang tính thể tục và tôn giáo của nó mang một sức nặng đáng kể với tư cách là chủ thể của một sự phát triển mang tính nhân bản trọn vẹn. “Dân tộc” là một phạm trù lịch sử, xác định một chủ thể cộng đồng trong một vùng lãnh thổ nhất định, được hình thành theo thời gian thông qua các quá trình hội nhập và với sự quy chiếu về một nền văn hóa.[90] Việc thuộc về một dân tộc là một thực tại nhân bản phức tạp, được tạo thành từ sự chia sẻ hiện sinh và tình cảm.[91] Nó được hiện thực hóa trong việc chia sẻ một nền văn hóa, tức là một tập hợp các giá trị, thực hành, phong tục và tập quán, cho phép mọi người nhận ra nhau, sinh sống bình thường trong một môi trường thậm chí mang tính địa lý chung, với một ngôn ngữ và một lịch sử đặc thù. Trở thành một phần của một dân tộc có nghĩa là cùng nhau cư ngụ trong không gian như một lĩnh vực của các mối quan hệ. Mỗi người được hiện thực hóa trong một tập hợp các mối quan hệ bên trong một hoàn cảnh được định vị, nhào nặn não trạng và cách nhìn nhận bản thân. Không có căn tính nếu không có sự thuộc về – ngay cả khi được trải nghiệm một cách phản biện – một dân tộc.

91. Theo cách đó, chúng ta cũng tìm lại được giá trị của mảnh đất được hiểu như là không gian biểu tượng của một nền văn hóa và của một căn tính dân tộc. Trải nghiệm này đối lập với tầm nhìn của chủ nghĩa toàn cầu hóa, vốn hủy bỏ những sự khác biệt và các căn tính gắn liền với một bối cảnh cụ thể. Mối liên kết với địa điểm tự đề xuất như một cơ hội để thực hiện cuộc gặp gỡ giữa con người với nhau, trong đó tình bạn xã hội được xây dựng, không bắt đầu từ những ý tưởng trừu tượng, mà từ các không gian sống và các giá trị được chia sẻ trên lãnh thổ (nhà cửa, công việc, lễ hội). Chính cuộc sống này của một dân tộc với một căn tính được định vị phát hiện ra mình đang tiếp xúc với các dân tộc khác, được kêu gọi trao đổi, trong sự sáng tạo, với các nền văn hóa khác nhau và trong một quá trình năng động, thường cũng có những xung đột cần được đảm nhận và biến đổi thành một sự trao đổi quà tặng lẫn nhau. Không có sự cởi mở giữa các dân tộc nếu không phải trong tình yêu đối với mảnh đất của mình, đối với người dân của mình và văn hóa của mình.[92]

92. Trong việc thuộc về một dân tộc, cần tránh nguy cơ kép là chỉ tìm kiếm các yếu tố thống nhất trong sắc tộc, ngôn ngữ hoặc trong việc bảo vệ lãnh thổ, được hiểu như một không gian khép kín và loại trừ, hoặc là hòa tan căn tính của dân tộc vào một nền văn hóa mang tính thế giới (cosmopolita) անտանալի và toàn cầu hóa, phơi bày nó trước các quy luật của thị trường và tài chính, mà không quan tâm đến việc bảo vệ công ích của xã hội. Mối liên kết nền tảng được đại diện bởi văn hóa, tức là bởi một lối sống nhất định, bao hàm sự tham chiếu đến các giá trị được chia sẻ và do đó định hướng tới một sự thống nhất trong đa dạng, cho phép vượt qua các xung đột và làm cho chúng ta bước đi về phía những mối liên kết huynh đệ cởi mở với tất cả mọi người.

93. Trong động lực tìm kiếm sự thống nhất của mỗi dân tộc trong cuộc đối thoại với các dân tộc khác này, có sự hiện diện của hành trình lịch sử của Dân Thiên Chúa là Giáo hội, Dân Thiên Chúa

mà trong đó Nhiệm Thể Chúa Kitô được thể hiện một cách lịch sử.[93] Vì vậy, dân Thiên Chúa không được đặt nền tảng trên các động lực lãnh thổ, xã hội học hay thể chế, mà dựa trên đức tin được hiểu như cội nguồn của ý nghĩa tôn giáo, hiện sinh và văn hóa. Do đó, nó thúc đẩy nền văn hóa gặp gỡ, vì Giáo hội không thể tách rời khỏi hành trình của nhân loại. Giáo hội đồng hành với lịch sử của các dân tộc trong khi duy trì sự căng thẳng hướng tới sự hiệp thông phổ quát trong Chúa Kitô, đáng trung gian của một sự sống mới, mạnh mẽ hơn sự ác và cái chết, mà còn mạnh hơn cả những xung đột và sự chia rẽ. Sự căng thẳng hướng tới hiệp thông này không làm mất đi những sự khác biệt, mà giữ cho chúng mở ra một dự án thống nhất lớn lao hơn. Đây là những gì đã xảy ra trong biến cố Hiện Xuống (x. Cv 2,1-13), nơi sự ngự xuống của Chúa Thánh Thần làm cho các Tông đồ trở thành một sự thống nhất đa nguyên, có khả năng nói mọi ngôn ngữ, một “Dân tộc của các dân tộc” (x. Cv 15,14-18). Thần Khí Thiên Chúa hoạt động trong các nền văn hóa và lịch sử khác nhau của các dân tộc với một công trình mang tính phổ quát hóa nhưng không đồng nhất hóa: “Vì Ngài đã bị giết và đã lấy máu mình mà chuộc về cho Thiên Chúa những người thuộc mọi chi tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia” (Kh 5,9; x. cả 7,9; 11,9; 13,7; 14,6).

94. Việc đưa dân Thiên Chúa vào trong những hành trình lịch sử của các dân tộc khác nhau làm sáng tỏ thách thức để kết hợp các lịch sử cụ thể của các dân tộc và sự phát triển toàn cầu của nhân loại. Nổi lên một nhận thức rằng, một mặt, công ích của các dân tộc riêng lẻ không thể được bảo vệ chỉ bằng các chiến lược chính trị địa phương, có lẽ bị chi phối bởi logic cô lập và khép kín. Đúng hơn, sự hội tụ và hài hòa của các dự án địa phương với các động lực toàn cầu, vượt ra ngoài biên giới của các quốc gia riêng lẻ, là điều cần thiết. Nhưng sự kết hợp như vậy cũng đòi hỏi sự trung gian của các thể chế quốc tế đủ thẩm quyền và công bằng, và do đó có khả năng kết hợp lợi ích của từng dân tộc và công ích của toàn nhân loại, để bảo vệ hiệu quả những gì ngày nay được gọi là “tài sản chung” (đất, nước và không khí). Chính trong cuộc khủng hoảng liên quan đến đại dịch Covid-19, chúng ta đã trải nghiệm được ý nghĩa của việc “tất cả cùng chung một con thuyền”, dấn thân vào một cuộc đấu tranh chung vì lợi ích của tất cả mọi người.

95. Cần phải có một công việc thường xuyên để phân định mang tính phản biện các lựa chọn lịch sử-chính trị liên quan đến gia đình nhân loại, từ quan điểm của trách nhiệm đối với tất cả mọi người được đảm nhận bởi các cơ quan khác nhau của các tổ chức quốc tế cũng như bởi Giáo hội với giáo lý xã hội của mình, nhằm làm rõ vấn đề về các chủ thể được trao quyền để quyết định công ích và định mệnh của tất cả mọi người.[94] Cụ thể, hệ thống kinh tế và hệ thống tiền tệ toàn cầu đòi hỏi, một mặt, trách nhiệm từ phía các tổ chức tài chính, vốn phải quan tâm đến nền kinh tế thực hơn là đến logic lợi nhuận, và mặt khác, không được đánh mất một cách tiếp cận đạo đức, nhạy bén với phẩm giá con người, với công ích trong một chế độ liên đới và hạnh phúc của các xã hội, đặc biệt là những xã hội mỏng giòn nhất.[95]

96. Điều không thể thiếu là phải đề cao sự hiệp nhất của “gia đình nhân loại”, đang trên đường lữ hành trong lịch sử, trong sự quy chiếu ở hiện tại và mang tính cánh chung tới Chúa Kitô toàn thể (Cristo totale), nơi Người trước hết mục đích và hướng đi của hành trình được mạc khải trọn vẹn: sự hiệp thông của tình yêu Ba Ngôi, sự hoàn tất công trình cứu chuộc của gia đình nhân loại. Đây là một hành trình được hiện thực hóa trong nhịp độ của mầu nhiệm Vượt Qua, trong đó biểu lộ, dưới chân Thập Giá, những gì có trong trái tim con người, trong khi nó được giải thoát khỏi tất cả những gì cản trở sự hiệp thông với Thiên Chúa, với thụ tạo và với anh chị em. Chính trong sự quy chiếu đến Chúa Kitô chịu đóng đinh và phục sinh, người ta có thể hiểu được ân sủng của thời gian được ban cho chúng ta là gì, cách thức đúng đắn nhất để cư ngụ trong không gian và sống chất lượng của các mối quan hệ nơi người ta trở thành chính mình, và sự thuộc về nơi tìm thấy ý nghĩa đích thực của cuộc sống.

97. Ngược lại với mọi chủ nghĩa chiến thắng mang dấu ấn siêu nhân học hay chủ nghĩa bi quan triệt để của thuyết hậu nhân học, việc tham chiếu đến mầu nhiệm Thập giá thu hút sự chú ý của chúng ta đến lịch sử từ quan điểm của các nạn nhân. Khổ não (pathos) thực sự của lịch sử không chỉ bao gồm những cuộc chinh phục vĩ đại của nhân loại, mà còn bao gồm những đau khổ thầm lặng của biết bao người trong sự kế tiếp của các thế hệ và ở khắp nơi trên thế giới. Lịch sử được tạo nên bởi hành động và bởi sự đau khổ (passione) và sự chú ý đến chiều kích đau khổ này làm cho tầm nhìn Kitô giáo về lịch sử trở nên cụ thể, vốn không thể giản lược thành một quá trình phát triển ảm đạm và không thể đảo ngược, căng thẳng hướng tới một sự tiến bộ nội tại, có nguy cơ giẫm đạp lên xác chết của những kẻ chiến bại và bỏ rơi những người yếu đuối. Không thể có một sự hoàn tất lịch sử mang tính nhân bản nếu không có công lý cho các nạn nhân, cũng không có ý nghĩa của tiến trình lịch sử mà không tính đến các đòi hỏi của những người yếu thế nhất. Đó là vấn đề về ý nghĩa thực sự và mang tính quyết định của công lý. Trong Chúa Kitô, chúng ta được phép nhìn với niềm hy vọng vào định mệnh đang chờ đợi chúng ta, mà không quên đi các nạn nhân của lịch sử, thậm chí còn thu nhận tiếng kêu than của họ.

98. Nơi Đức Giêsu chịu đóng đinh, Thiên Chúa đảm nhận mọi gánh nặng và sự khiêu khích của nỗi đau vô tội trong sự quy chiếu của nó tới niềm hy vọng vào một công lý trọn vẹn, gắn liền với đức tin vào sự sống đời đời.[96] Đức tin vào Chúa Kitô cung cấp một niềm hy vọng được chứng thực ngay từ bây giờ trong cuộc sống, bằng cách biến đổi nó, và đối mặt với cái chết, bằng cách siêu việt nó. Giáo hội, như một sự hiệp thông của các thánh, vốn hiệp nhất những người đã ở trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa và những người vẫn còn là khách lữ hành trên trái đất này, là một cộng đoàn siêu việt cái chết mà không từ bỏ lịch sử và mang lại một niềm hy vọng phổ quát đáp ứng con khát công lý trọn vẹn và sự sống đời đời.

3. Ôn gọi toàn diện hướng tới sự hiện thực hóa trong tình yêu

99. Sự tồn tại của cá nhân được đặt trong một lịch sử, một thời gian và một không gian chính xác, và thức tỉnh để ý thức về bản thân bên trong các mối quan hệ nói lên một sự thuộc về đi trước và làm nền tảng cho nó. Theo cách đó, nó tìm lại được ý nghĩa nguyên thủy của mình như là một tiếng gọi bước vào sự sống: “Điều này đưa chúng ta trở lại với một sự thật sơ đẳng và nền tảng, mà ngày nay chúng ta cần tái khám phá trong tất cả vẻ đẹp của nó: đời sống của con người là một ơn gọi. Chúng ta đừng quên điều này: chiều kích nhân học, làm nền tảng cho mọi tiếng gọi trong phạm vi cộng đoàn, liên quan đến một đặc tính cốt yếu của con người với tư cách là con người: tức là bản thân con người là ơn gọi”.[97]

100. Sự tồn tại của mỗi con người được hiểu một cách thỏa đáng khi nó được nhận ra như là kết quả của tình yêu sáng tạo của Chúa Cha, theo động lực của một tiếng gọi bước vào sự sống và hạnh phúc. Mọi con người bước vào cuộc sống vì họ được Thiên Chúa nghĩ đến và khao khát, Đấng đã yêu thương họ ngay cả trước khi hình thành họ trong lòng mẹ (x. Gr 1,5; Is 49,1.5; Gl 1,15). Ôn gọi thần linh này giải thích tận gốc rễ mâu thuẫn của sự sống con người, vì nó là một mâu thuẫn của sự tuyển chọn và sự nhưng không tuyệt đối. Do đó, con người, dù là hữu hạn, không thể bị giam cầm trong chiều kích thụ tạo đơn thuần và không có định nghĩa nào có thể nắm bắt và vắt kiệt họ một cách trọn vẹn.[98] Tình yêu vĩnh cửu của Chúa Cha loại trừ việc sự tồn tại của con người là kết quả của tính tất yếu hoặc ngẫu nhiên: mỗi sự tồn tại của con người đều có giá trị vô hạn nơi chính nó. Người ta hiểu ra trong viễn cảnh này rằng con người không thể bị khuất phục trước bất kỳ thước đo nào mang tính độc quyền về trật tự chính trị, kinh tế hoặc xã hội vốn làm giảm đi phẩm giá vô biên của họ.[99]

101. Nhận thức rằng sự sống là một ân ban của Thiên Chúa khơi dậy một thái độ biết ơn nơi con người, những người đáp lại tiếng gọi bằng cách đón nhận “lời mời gọi trở thành một phần của một câu chuyện tình yêu”.[100] Tình yêu thần linh, Đấng đã tạo dựng nên con người, làm cho không ai cảm thấy mình bị “thừa thãi” trên thế giới, vì được mời gọi đáp trả theo một kế hoạch mà Thiên Chúa đã nghĩ ra cho họ. Cuộc sống như là một ơn gọi, được hiểu theo nghĩa rộng, là nét đặc trưng của mỗi con người, và xuất phát từ thực tế đơn giản là tồn tại như những người con. Là biểu hiện của tư tưởng quan phòng của Đấng Sáng Tạo, kế hoạch thần linh được hướng tới mọi sinh vật theo những cách hiện thực hóa khác nhau.[101] Kitô hữu nhận ra rằng mình được mời gọi “để phục vụ truyền giáo cho người khác”[102] đến mức có thể nói về chính mình: “Tôi là một sứ mạng”.[103] Con người, chính vì được kêu gọi, là một người đối thoại thực sự của Thiên Chúa; họ không giới hạn bản thân trong việc đón nhận ân ban một cách thụ động mà, nhờ sức mạnh của ân ban, trở thành tác nhân tự do, có khả năng mang lại sự gia tăng điều thiện không chỉ cho những con người khác mà còn cho chính nhiệm cục của Thiên Chúa.

102. Đời sống được hiểu như một ơn gọi được bộc lộ một cách hiện sinh trong cầu nguyện. Thánh Âutinh nhận thức rất rõ mức độ ơn gọi bao hàm lời kêu gọi đi trước con người, chất vấn họ và mang lại cho họ một tương lai: “Bây giờ xin dừng phớt lờ lời kêu cầu của con. Chúa đã đi trước con trước khi con kêu cầu Chúa, kiên trì với những tiếng gọi ngày càng tăng và muôn hình vạn trạng để con lắng nghe Chúa từ xa và quay trở lại, được Chúa gọi để con kêu cầu Chúa (*vocantem me invocarem te*)”.[104] Cầu nguyện là một thái độ phẩm định tính nhân bản. Trong các hình thức ngợi khen, chuyển cầu, nhìn nhận điều thiện và tạ ơn khác nhau, cầu nguyện bám rễ vào một cử chỉ sâu sắc của sự thỉnh cầu đầy tin tưởng và liên lụy đến Thiên Chúa, Đấng làm cho chúng ta tồn tại và đồng hành cũng như hướng dẫn chúng ta trên hành trình cuộc sống. Đặc biệt trong các tôn giáo theo truyền thống Abraham, nó thể hiện mối quan hệ cá vị với Thiên Chúa, Đấng được hướng đến như một “Ngôi Hai” (Tu): “lời cầu nguyện phổ biến nhất, hướng thẳng như một mũi tên vào Thánh Tâm Chúa Kitô, chỉ đơn giản nói: “Lạy Chúa, con tín thác vào Chúa””.[105] Trong lời cầu nguyện Kitô giáo, mối quan hệ này được hiện thực hóa như là sự thông phần vào mối quan hệ của Chúa Con Giêsu với Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần. Đây là biểu hiện của một thái độ con người phó thác vượt ra ngoài chính mình mà không cần phải tan biến hay tự thiết kế chính mình. Không phải ngẫu nhiên mà người ta không dễ dàng tìm thấy một sự ám chỉ nào về cầu nguyện trong các tuyên ngôn khác nhau của thuyết siêu nhân học, và càng không có trong thuyết hậu nhân học.

103. Ngày nay, đặc biệt ở phương Tây, một “nền văn hóa phi ơn gọi” thường được dung túng, mà thực chất nó cũng nằm bên dưới những thách thức nhân học đương đại. Cụ thể, liên quan đến việc giáo dục giới trẻ, không khó để nhận thấy việc hiểu biết về cuộc sống của họ thường thiếu sự cởi mở với một ý nghĩa tối hậu như thế nào, cả về định hướng cũng như các mối quan hệ cấu thành. Họ không biết và không nhận ra rằng mình đang được kêu gọi. Việc lập kế hoạch cho tương lai bị giới hạn trong một logic mà, trong trường hợp tốt nhất, giản lược tương lai vào việc lựa chọn một nghề nghiệp, sự ổn định kinh tế hoặc sự thỏa mãn một số nhu cầu: “Đó là những lựa chọn không hề có bất kỳ sự cởi mở nào với mâu nhiệm và sự siêu việt, và có lẽ cũng với rất ít trách nhiệm đối với sự sống, của chính mình và của người khác, sự sống được nhận như một món quà và để sinh ra trong người khác”.[106] Mô hình nhân học thịnh hành dường như là mô hình của “con người không có ơn gọi”, mà tác động của nó đối với nhận thức về cuộc sống là cảm thấy lạc lối trong vở kịch của một sự tồn tại không tìm thấy ý nghĩa và không có hy vọng về tương lai. Chính lời mời gọi hướng tới một “cuộc sống như là ơn gọi” có thể mở ra một chân trời vượt qua sự tự phụ về việc tìm kiếm một “dự án cuộc sống” phù du hoàn toàn tự thiết lập nền tảng và được cá nhân lập trình, vốn một cách nghịch lý phản ánh sự đồng hóa với náo trạng thống trị.

104. Việc đề xuất cuộc sống như là ơn gọi có thể và phải khơi dậy một cách tích cực một “nền văn hóa ơn gọi” như là sự hiểu biết thỏa đáng về quá trình trưởng thành căn tính của các cá nhân và các dân tộc. Chính đối với những người trẻ nhất, nền văn hóa ơn gọi mở ra khả năng thực tế, bởi vì

nó đâm rẽ vào tiếng gọi của Thiên Chúa, để đi theo một con đường “được làm bằng tự do, sự hăng say, sáng tạo, những chân trời mới, nhưng đồng thời nuôi dưỡng những gốc rễ nuôi sống và nâng đỡ”.[107] Trong các bối cảnh thuận lợi cho giáo dục ơn gọi, thái độ xúc động trước những ân ban nhận được dễ dàng bộc lộ lại hơn, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và sự trao ban chính mình một cách nhưng không vì lợi ích của tha nhân, đặc biệt là những người thiếu thốn nhất.

105. Chúng ta tìm thấy trong những suy nghĩ này thái độ nội tâm của Mẹ Maria: biết ơn vì ánh mắt của Thiên Chúa đã đoái nhìn đến Mẹ, trao phó trong đức tin những nỗi sợ hãi và lo âu, can đảm ôm lấy tiếng gọi, Mẹ đã biến cuộc đời mình thành một bài ca chúc tụng triền miên dâng lên Chúa.[108] Nơi hình tượng Mẹ Maria, người ta có một sự hiện thực hóa lỗi lạc về cuộc sống như là ơn gọi, được hiểu như một quá trình, đặc trưng của những ngôi vị duy nhất và tự do, được sống trong sự biết ơn và sự phó thác hơn là một dự án tự khẳng định bản thân. Mẹ Maria đã đích thân hoàn thành quá trình này, đối mặt với những câu hỏi và khó khăn của Mẹ khi Mẹ còn rất trẻ. Mẹ biết cách nhìn bằng trái tim và đối thoại với những trải nghiệm được cất giữ, suy đi nghĩ lại chúng trong suốt thời gian.[109]

Chương III - HỒNG ÂN SỰ SỐNG VÀ SỰ HIỆP THÔNG

TRƯỚC NHỮNG VIỆN CẢNH VỀ TƯƠNG LAI CỦA CON NGƯỜI

106. Khám phá lại cuộc sống như là ơn gọi có nghĩa là đáp lại một ân ban mời gọi chúng ta định hình căn tính của chính mình, đảm nhận nhiệm vụ trở thành chính mình và biến đổi xã hội cũng như thế giới theo kế hoạch của Thiên Chúa. Đó không chỉ đơn giản là lập dự án, lên kế hoạch cho tương lai, tìm một công việc để kiếm sống và cải thiện thế giới. Vấn đề nghiêm túc trong cuộc sống, được hiểu như là ơn gọi, là hiện thực hóa căn tính cá nhân của mình như một ân ban dành cho tha nhân.

107. Bây giờ chúng ta tập trung vào phạm trù “căn tính” (identità) con người. Nó đã được định nghĩa theo cách cổ điển thông qua các phạm trù “bản thể/bản tính” (sostanza/natura) và “ngôi vị” (persona), để chỉ ra những gì tồn tại đồng nhất với chính nó qua thời gian và bảo đảm nền tảng cho phẩm giá bản thể luận và luân lý của mọi con người.[110] Trên cơ sở này, chúng ta sẽ được dẫn dắt một cách cụ thể hơn bởi mối bận tâm về việc đưa ra một sự phân định đối với các hiện tượng đang diễn ra hiện nay và tác động của chúng đến tương lai của nhân loại. Làm thế nào người ta có thể thành công trong giai đoạn văn hóa và xã hội này để phân định một “căn tính con người đích thực”? Các tiêu chí cho sự phân định này là gì? Chúng tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh đặc điểm kép của căn tính con người, vì nó bao hàm một ân ban và đồng thời là một nhiệm vụ, đòi hỏi phải giữ các chiều kích khác nhau lại với nhau, để làm nổi bật vị trí độc đáo của con người trong vũ trụ.

1. Căn tính cá nhân: một ân ban và một nhiệm vụ

108. Những thách thức nảy sinh từ tiến bộ của công nghệ sinh học, robot học và trí tuệ nhân tạo, cũng như từ trí tưởng tượng văn hóa lan rộng, đặt thành vấn đề kinh nghiệm sơ đẳng mà con

người cảm nhận về chính mình một cách cụ thể, tức là kinh nghiệm trong đó con người định hình căn tính của mình.[111] Tuy nhiên, câu trả lời cho những câu hỏi như: “tôi là ai và chúng ta là ai? Tôi muốn trở thành ai và chúng ta muốn trở thành ai? Tôi muốn làm gì với bản thân mình và chúng ta muốn làm gì với tư cách là gia đình nhân loại?” là cấu thành kinh nghiệm của mỗi người, những người thấy mình dấn thân vào việc ban cho mình một căn tính trong một lịch sử năng động, đơn nhất và cụ thể, và trong một tập hợp các mối tương quan cấu thành để đáp lại.

1.1. Nhiệm vụ trở thành chính mình: ân ban, tình yêu, tự do

109. Nguồn gốc của hành trình này là một ân ban thấp lên trong trái tim cuộc tìm kiếm hạnh phúc, nghĩa là cuộc sống viên mãn. Ân ban được nhận biết và đón nhận trở thành nhiệm vụ trong đó mỗi người khám phá ra mình được giao phó cho chính mình. Không có con người nào có thể hạnh phúc nếu họ không biết mình là ai. Không ai có thể muốn điều gì, kể cả hạnh phúc, nếu họ không khám phá ra rằng mình được phép muốn chính bản thân mình một cách vô điều kiện nhờ vào một sự công nhận được trao ban: “Phẩm giá của chúng ta được ban cho chúng ta, nó không phải là sự đòi hỏi cũng không phải là công trạng. Mọi con người đều được Thiên Chúa yêu thương và khao khát vì chính họ và do đó họ là bất khả xâm phạm trong phẩm giá của mình”.[112] Do đó, ngôi vị con người, khi tìm cách định hình căn tính của mình, phải có ý thức về “phẩm giá cao cả [...] trỗi vượt trên vạn vật và có những quyền lợi cũng như bổn phận mang tính phổ quát và bất khả xâm phạm”.[113] Phẩm giá này được đặt nền tảng trên việc được tạo dựng theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa, mà xét cho cùng là theo hình ảnh của Chúa Con, Đấng trong sự nhập thể của Người đã chia sẻ bản tính của chúng ta và nâng nó lên sự kết hợp với sự sống thần linh, và trong sự phục sinh của Người, đã đưa bản tính của chúng ta vào một định mệnh của sự sống đời đời trong sự hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi.[114]

110. Bầu khí thích hợp nhất để làm cho căn tính của mình trưởng thành là bầu khí của tình yêu, bắt đầu từ gia đình, vốn là nguồn gốc của sự tồn tại của chúng ta. Thật vậy, biết bao sự nghèo đói, kể cả vật chất, nảy sinh tận gốc rễ từ “sự cô lập, từ việc không được yêu thương hay từ khó khăn trong việc yêu thương”.[115] Theo động lực của sự tương hỗ bất đối xứng giữa sự trao ban và sự đáp trả vốn định hình căn tính của chúng ta, việc đảm nhận cuộc sống của chính mình có nghĩa là nhận ra rằng mình được giao phó cho chính mình (tự sở hữu – auto-possesso) bởi một ân ban không do yêu cầu và phải được nhận biết, chấp nhận và mong muốn như một điều thiện ích cho bản thân (sự ưng thuận – assenso). Sự thừa nhận ân ban đi trước này không chỉ là vấn đề của lý trí thuần túy. Nó bao hàm một động lực tình cảm: người ta yêu thương bản thân, bởi vì người ta được khao khát và được yêu thương và người ta cảm thấy được khao khát và được yêu thương. Quá trình này có thể thực hiện được khi người ta thấy mình được đặt trong một mối tương quan với một thực tại có ý nghĩa và đầy hứa hẹn, chứa đầy những ý nghĩa tích cực để khám phá trong sự ngạc nhiên. Đây là sự thừa nhận, rất cần thiết cũng như thường được tìm kiếm qua các con đường khác trong không gian thông tin

(infosfera). Thế giới không phải là một tập hợp các sự vật để bóc lột và các đối tượng để thao túng, mà là một nơi ở để cư ngụ, trong đó người ta có thể tìm thấy chỗ đứng của mình.[116] Không hiếm khi, ngay cả việc khước từ tình yêu của Thiên Chúa, được xác định bởi nhiều yếu tố khác nhau (tâm lý, tương quan, văn hóa) gây khó khăn cho việc cảm nhận ân ban nguyên thủy, cũng làm tổn hại đến các quá trình đồng hóa cá nhân. Tình yêu được lãnh nhận và đón nhận là lực đẩy của bất kỳ quá trình chấp nhận bản thân và trưởng thành nào, và tìm thấy nguồn gốc của nó nơi chính Thiên Chúa, tình yêu vĩnh cửu.[117]

111. Việc hiện thực hóa căn tính này, trong tính nhất quán bản thể luận của nó, được giao phó cho tự do: “Mặc dù mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá nội tại và không thể tước đoạt ngay từ khoảnh khắc bắt đầu sự tồn tại của mình như một ân ban không thể thu hồi, nhưng việc thể hiện và biểu lộ nó một cách trọn vẹn hay làm mờ mịt nó lại phụ thuộc vào quyết định tự do và có trách nhiệm của họ. [...] Hình ảnh của Thiên Chúa được giao phó cho tự do của con người”.[118] Một người từ bỏ việc tìm kiếm chân lý và sự thiện có thể đi đến chỗ nghĩ rằng họ không có một căn tính nào để gìn giữ và kiến tạo thông qua những lựa chọn thực sự tự do và có ý thức. Nếu sau đó người ta xem xét mọi chiều kích cá nhân và xã hội của con người được đặt trong lịch sử, thì kết quả là “việc thực thi đúng đắn tự do cá nhân đòi hỏi những điều kiện chính xác thuộc trật tự kinh tế, xã hội, pháp lý, chính trị và văn hóa. [...] Tự do thực tế và lịch sử luôn cần được “giải phóng””.[119] Giáo huấn của Thánh Phaolô chất vấn chúng ta về điều này: *“Chính để chúng ta được tự do mà Đức Kitô đã giải thoát chúng ta! Vậy anh em hãy đứng vững, đừng mang lấy ách nô lệ một lần nữa [...] Quả thế, thưa anh em, anh em đã được gọi để hưởng tự do”* (Gl 5, 1. 13).

1.2. Sự phức tạp của căn tính

112. Tuy nhiên, đây không phải là một hành trình đơn giản. Căn tính rất phức tạp, được cấu thành từ nhiều chiều kích khác nhau. Con người nhận thức được rằng căn tính của họ, nếu một mặt là mang tính cá nhân và không thể chuyển nhượng, thì mặt khác lại mang tính tương quan, được định hình bởi các cộng đồng mà họ thuộc về và bởi những hoàn cảnh của cuộc sống.[120] Vì vậy, căn tính luôn là điều gì đó được lãnh nhận và đồng thời là điều gì đó được hiện tại hóa và phát triển bởi mỗi người. Không một thụ tạo nhân loại nào bước vào sự tồn tại mà đã được xác định và hoàn hảo: chúng ta phải học biết mình là ai và là gì, cả khi là trẻ em lẫn khi trưởng thành. Chúng ta học cách đón nhận ân ban là chính bản thân mình, đặc biệt bằng cách đảm nhận nhiệm vụ hình thành căn tính của mình, vốn được bao hàm trong ân ban này, và tái khám phá nó trong mỗi giai đoạn mới của cuộc sống.

113. Quá trình đồng hóa (identificazione) diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau, cả về tự nhiên lẫn văn hóa, vì vậy, một xã hội càng phức tạp, xét về giai cấp, nghề nghiệp, lợi ích chung hay tôn giáo, thì việc hình thành căn tính khởi đi từ sự chòng chéo của nhiều nguồn đồng hóa khác nhau sẽ càng phức tạp. Trong lịch sử, con người đã phát triển và gia tăng căn tính của họ bằng cách thiết lập các mối tương quan mới, đặc biệt là kết hôn (x. St 2, 24), hình thành các gia đình mới, thông qua việc di

cư từ quê hương đến những nơi khác, học các ngôn ngữ và phương thức biểu đạt mới, hoặc áp dụng các phong tục và lối sống mới. Bản tính của chúng ta, chính vì là bản tính con người, đưa chúng ta vào tình trạng có thể hiện thực hóa nhiều cách thức tư duy, cảm nhận, sống và nhận diện chính mình rất đa dạng. Nhưng điều này cũng ngụ ý khả năng phạm sai lầm, theo cách mà khả năng tự ban cho mình một căn tính hoặc tưởng tượng lại căn tính của chúng ta không phải là không thể sai lầm, mà đúng hơn vẫn luôn phơi bày trước nguy cơ nhầm lẫn trong việc xác định thực tại của chính mình.

114. Các yếu tố khác nhau cấu thành nên căn tính phải được xem xét trong sự thống nhất của chúng. Việc tìm kiếm căn tính luôn đi kèm với nhu cầu về sự thống nhất, tính toàn thể và sự tổng hợp nhằm hài hòa các yếu tố, tránh sự phân tán và phân mảnh. Theo nghĩa này, việc tìm kiếm căn tính của mình diễn ra trong “trái tim”, tức là ở trung tâm đó của ngôi vị vốn biết cách nối kết các mảnh vỡ. Từ “trái tim” không thể được giải thích một cách thấu đáo bởi sinh học, tâm lý học, nhân học hay các khoa học khác. Đó là một trong những từ ngữ mang tính nguyên thủy, chỉ ra thực tại thuộc về toàn thể con người, như một ngôi vị có xác thể và tinh thần. Ở chỗ nó dẫn chúng ta đến tâm điểm sâu thẳm của ngôi vị mình, trái tim cho phép chúng ta nhận ra chính mình trong tính toàn vẹn và không chỉ trong một số khía cạnh bị cô lập. Do đó, nó cũng có khả năng thống nhất và hài hòa câu chuyện cá nhân của chính mình, vốn có vẻ như bị phân mảnh thành hàng ngàn mảnh, nhưng nơi mà mọi thứ đều có thể có một ý nghĩa. Trong trái tim, người ta tìm thấy mối tương quan đúng đắn với thế giới và vì lý do này, người ta nói rằng khi người ta nắm bắt một thực tại bằng trái tim, người ta có thể biết nó tốt hơn và trọn vẹn hơn. Cuối cùng, trái tim làm cho việc xây dựng những mối liên kết đích thực trở nên khả thi, bởi vì một mối tương quan không được sống bằng trái tim thì không có khả năng vượt qua sự phân mảnh của chủ nghĩa cá nhân. Nếu các mối tương quan không liên lụy đến trái tim, người ta sẽ đi đến sự “đánh mất khát vọng”, bởi vì tha nhân biến mất khỏi chân trời và người ta khép kín trong cái tôi của mình với những nhu cầu của nó, không có khả năng cho những mối quan hệ lành mạnh. Hậu quả là, chúng ta cũng trở nên không có khả năng đón nhận Thiên Chúa.[121]

115. Đối với các Kitô hữu chúng ta, trong số nhiều yếu tố cấu thành nên căn tính con người, có một yếu tố nổi bật như một nguyên lý mô thể (*principio formale*) đích thực, có khả năng sắp xếp các khía cạnh khác. Đó là ân ban không chỉ làm thụ tạo hay tội tớ của Thiên Chúa, mà còn được mời gọi làm con cái của Chúa Cha, để ngợi khen vinh quang Người và vì lợi ích của toàn thể công trình sáng tạo (x. Rm 8, 20-23). Điều này được chứng thực bởi Thần Khí của Thiên Chúa đang kêu lên trong chúng ta “Áp-ba/Lạy Cha” (x. Gl 4, 6; Rm 8, 15) và uốn nắn chúng ta nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, để chúng ta được chia sẻ căn tính thần linh của Người là Con Đức Chúa Cha (x. 2 Pr 1, 4).[122] Căn tính làm con là sự quyết định tối hậu và triệt để đối với căn tính của chúng ta và ai được Chúa Thánh Thần ghi dấu trong trái tim mình sẽ tìm thấy nơi căn tính làm con này điểm quy chiếu cho mọi khía cạnh khác trong căn tính của họ.[123] Căn tính này, được giao phó cho tự do của chúng ta, xuất hiện như một hành động mang tính toàn diện hóa, đi sâu vào cõi lòng, để ngôi vị đạt

đến ý thức dứt khoát về tính độc nhất của mình trong sự phân biệt với mọi người khác. Nó cũng là một hành động mang tính hội nhập, có khả năng hài hòa các chiều kích khác nhau trong sự trao ban chính mình. Sự đáp trả lại lời mời gọi của Thiên Chúa xuất hiện một cách độc đáo, không thể thay thế, mang tính cá vị và do đó luôn luôn mới mẻ.[124] Dưới ánh sáng này, chúng ta hãy xem xét một số chiều kích cấu thành căn tính.

2. Hồng ân sự sống và sự hiệp thông trước thuyết siêu nhân học và hậu nhân học

116. Tính phức tạp của các quá trình hình thành căn tính của bản thân làm cho những sự hiểu lầm trở nên khả dĩ, trong đó những giấc mơ và ảo tưởng của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học sinh sôi nảy nở. Quả thực, hành trình hướng tới căn tính của mỗi người không được hiện thực hóa theo cách thức của một cơ chế được bảo đảm hay như một sự tiến hóa tự nhiên. Ngôi vị khám phá ra mình được kêu gọi để chịu trách nhiệm về bản thân và các hành động của mình, trong đó thể hiện họ là ai và muốn trở thành ai. Ngôi vị tự hiện thực hóa mình trong một lịch sử đơn nhất và không thể suy diễn, không thể hòa tan trong một khối ẩn danh, không có tính nguyên bản. Việc tìm kiếm và hình thành căn tính của bản thân luôn mang đến một điều gì đó mới mẻ, cả về các điều kiện tự nhiên lẫn về nền văn hóa nơi người ta đang sống. Căn tính này không thể diễn ra trong một sự khẳng định bản thân một cách độc đoán, tuyệt đối, không có di sản để chiếm hữu hoặc không có các điều kiện tự nhiên để diễn giải; nhưng nó cũng không thể bị giản lược thành việc đáp ứng những mong đợi của người khác, theo các hình thái văn hóa và các vai trò xã hội đã được thiết lập sẵn. Vấn đề không phải là mặc một bộ đồng phục may sẵn, mà là may một bộ quần áo đo ni đóng giày, thể hiện tính độc đáo của mình và cái tên duy nhất mà Thiên Chúa biết và đã trao phó cho chúng ta, bởi vì mỗi người chúng ta là một hữu thể nguyên bản và không thể lặp lại, được kêu gọi để thể hiện một sự đóng góp duy nhất.[125]

2.1. Định hình căn tính của bản thân khởi đi từ thân xác được ban tặng

117. Khởi đầu là mối tương quan với thân xác của chính mình: cần phải nhận ra rằng “thân xác của con người tham dự vào phẩm giá “hình ảnh của Thiên Chúa” [...] Thật vậy, chính trong thân xác mà mọi ngôi vị nhận ra mình được sinh ra bởi những người khác”.[126] Người ta hiểu được tính cấp bách của lời cảnh báo phải tôn trọng trật tự của kinh nghiệm con người sơ đẳng: “Chúng ta được mời gọi để gìn giữ nhân tính của chúng ta, và điều này trước hết có nghĩa là chấp nhận nó và tôn trọng nó như nó đã được tạo thành”.[127] Đây là một sự lựa chọn “sinh thái” thực sự: “Học cách đón nhận thân xác của mình, chăm sóc nó và tôn trọng những ý nghĩa của nó là điều thiết yếu đối với một nền sinh thái nhân bản đích thực”.[128] Cụ thể ngày nay, một trong những thách thức lớn nhất của văn hóa, ở cấp độ căn tính cá nhân, là việc chấp nhận thân xác có giới tính của mình, được xem như một ân ban chứ không phải như một nhà tù ngăn cản chúng ta thực sự là chính mình, hay như một vật liệu sinh học để sửa đổi.[129]

118. Trong bối cảnh này, suy tư thần học về sự khuyết tật (disabilità) cũng có thể đảm nhận một giá trị quan trọng trong việc bảo vệ phẩm giá vô biên của mọi ngôi vị, ôm ấp lấy hoàn cảnh đặc biệt của họ. Tiếng nói của người khuyết tật là một sự phản kháng triệt để đối với “nền văn hóa vứt bỏ” vốn vang vọng trong một số lập luận của thuyết siêu nhân học hay hậu nhân học. Chúng ta đang ở trên một mảnh đất rất tế nhị, thế nhưng lại đầy ý nghĩa đối với vấn đề căn tính sinh học-tự nhiên, điều xứng đáng được xem xét sâu xa hơn nhiều. Về nguyên tắc, cần phải nhắc lại ý nghĩa quyết định của sự phụ thuộc và sự tổn thương như là những yếu tố cấu thành của mọi kinh nghiệm con người.[130] Vẫn giữ nguyên việc những khuyết tật bẩm sinh không phải do Thiên Chúa trực tiếp muốn, thì sự khuyết tật cần được khám phá – với tất cả các đặc thù riêng biệt của nó – như một sự biểu lộ của những chiều kích hữu hạn và ngẫu nhiên đó, vốn phải được nhìn nhận và sống không chỉ như những điều tiêu cực liên quan đến việc hình thành căn tính. Trên thực tế, tình trạng khuyết tật giữ cho căn tính cá nhân bám chặt vào thực tại thân xác-tinh thần đã được ban tặng, đến mức xuất hiện như một yếu tố không thể trốn tránh trong căn tính của người khuyết tật. Trong bối cảnh của toàn thể ngôi vị và lịch sử của họ, ngay cả sự khuyết tật cũng có thể là cơ hội của điều thiện, của sự khôn ngoan và vẻ đẹp. Chúng ta đang ở rất xa những giấc mơ của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học nhằm trốn chạy khỏi cơ sở tự nhiên của sự tồn tại, và đặc biệt là khỏi những giới hạn của thân xác mình, để đạt tới căn tính của mình.

2.2. Trở nên một ân ban cho tha nhân

119. Căn tính được khẳng định trong sự hiến thân (trao ban chính mình) là trung tâm của các mối tương quan liên vị trong đó ngôi vị được hiện thực hóa: “Thụ tạo nhân loại, với tư cách là mang bản tính tinh thần, tự hiện thực hóa mình trong các mối tương quan liên vị. Càng sống các mối tương quan đó một cách đích thực, căn tính cá nhân của họ càng trưởng thành. Con người không đề cao giá trị bản thân bằng cách tự cô lập mình, mà bằng cách đặt mình trong mối tương quan với tha nhân và với Thiên Chúa”.[131] Những mối tương quan này trở nên có ý nghĩa đối với căn tính nếu chúng không được sống trong một logic ích kỷ và khép kín, từ lúc con người đạt đến bản thân mình cùng với người khác và trong mối tương quan với những người khác.

120. Thật vậy, mầu nhiệm của ngôi vị con người bao hàm ơn gọi tiến tới sự hiệp thông xã hội. *Gaudium et spes* đã tái khẳng định rằng “con người, là thụ tạo duy nhất trên trái đất mà Thiên Chúa đã muốn vì chính nó (*Deus propter seipsam voluerit*), không thể tìm lại được chính mình một cách trọn vẹn (*plene seipsum invenire non posse*) nếu không thông qua việc hiến thân cách chân thành (*nisi per sincerum sui ipsius donum*)”.[132] Huấn quyền của Đức Giáo hoàng nhấn mạnh tầm quan trọng đối với ngôi vị trong việc tự hiện thực hóa mình trong một động lực siêu việt, một dạng “ngất trí” (xuất thần/estasi) trong sự hiến thân: “Một con người [...] không đi đến chỗ nhận ra sự thật của chính mình một cách sâu sắc nếu không gặp gỡ những người khác [...]. Điều này giải thích tại sao không ai có thể trải nghiệm giá trị của cuộc sống nếu không có những khuôn mặt cụ thể để yêu thương”.[133]

Không một người nào có thể đạt đến sự viên mãn của mình bằng cách tự cô lập, mà chỉ trong tình yêu vốn được hiện thực hóa trong sự cởi mở, trong khả năng đón nhận người khác, thiết lập những mối liên kết vững chắc.[134]

121. Căn tính đích thực đòi hỏi một kinh nghiệm thực sự về tính tha thể (sự khác biệt của tha nhân/alterità). Theo hướng này, cần phải xây dựng những mối liên kết vững chắc thông qua đối thoại xã hội, được hiểu như khả năng lắng nghe người khác với tư cách là người khác, tức là vì những lý do làm cho họ không thể bị giản lược và khác biệt: “Điều này bao hàm khả năng thường xuyên công nhận quyền của người khác được là chính mình và được khác biệt. Khởi đi từ sự công nhận đã trở thành văn hóa đó, người ta có thể mang lại sức sống cho một khế ước xã hội. Nếu không có sự công nhận này, những cách thức tinh vi sẽ xuất hiện để làm cho người khác mất đi mọi ý nghĩa, trở nên không liên quan, để người ta không công nhận bất kỳ giá trị nào của họ trong xã hội”.[135] Chính trong bối cảnh của cuộc đối thoại này mà một căn tính không loại trừ, mà nhất quán và có khả năng công nhận cũng như đề xuất cho tất cả mọi người kinh nghiệm con người sơ đẳng, được hiện thực hóa.

2.3. Sự siêu việt của ân ban từ Thiên Chúa mở ra cho chúng ta một chân trời vô tận

122. Tôn giáo, được hiểu như mối tương quan với cái thiêng liêng và, trên hết, với Mầu Nhiệm của Thiên Chúa, gợi nhắc đến sự siêu việt của ân ban sự sống bằng cách trước hết giữ cho chân trời của mầu nhiệm về nguồn gốc và cùng đích luôn rộng mở và cho phép vượt qua cám dỗ lập trình con người dựa trên thước đo và tiêu chí của chúng ta: “Thiên Chúa là Đấng bảo đảm cho sự phát triển đích thực của con người, vì ở chỗ, đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Người, Người cũng thiết lập phẩm giá siêu việt của con người và nuôi dưỡng khát vọng cầu thành để “trở thành nhiều hơn”. Con người không phải là một nguyên tử bị lạc lõng trong một vũ trụ ngẫu nhiên, mà là một thụ tạo của Thiên Chúa, Đấng mà Người đã muốn ban cho một linh hồn bất tử và là người mà Người luôn yêu thương”.[136] Chỉ mình Người mới có thể quyết định ai sinh ra và ai chết đi. Cái nhìn về nguồn gốc này mở ra một chân trời vô tận về định mệnh của ngôi vị, được tạo dựng theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa, được định sẵn để thông phần vào chính sự sống viên mãn của Người. Cần có một tầm nhìn siêu việt về ngôi vị và định mệnh của nó để duy trì, với những động lực đúng đắn, toàn bộ giá trị của mỗi cuộc sống con người trong động lực tổng thể của nó.[137]

123. Đức tin vào Đức Giêsu Kitô mang lại một cái nhìn mở rộng viễn cảnh về những sự kiện ngẫu nhiên của lịch sử, với một câu hỏi cụ thể về nguồn gốc của vạn vật và về mục đích tối hậu: “Chính vì Thiên Chúa đã thốt lên tiếng “Xin Vâng” vĩ đại nhất đối với con người, nên con người không thể không cởi mở với ơn gọi thần linh để hiện thực hóa sự phát triển của chính mình. Sự thật của sự phát triển hệ tại ở tính toàn diện của nó: nếu nó không thuộc về toàn thể con người và của mọi con người, thì sự phát triển không phải là sự phát triển đích thực”.[138] Trước tiếng “Xin Vâng”

mạnh mẽ này của Chúa là Đấng Sáng Tạo, ai có thể tự phụ dành cho mình quyền nói “không” với một sự sống con người và định chỉ câu chuyện cá nhân đã được mở ra này?

124. Chúng ta tìm thấy một cách diễn hình sự tương ứng giữa tiếng “Xin Vâng” của Thiên Chúa và sự hợp tác của thụ tạo nhân loại trong biến cố Truyền Tin cho Đức Maria (x. Lc 1, 26-38). Trong trình thuật Tin Mừng, một mối tương quan cá vị và thân mật hiện lên, trong đó Thiên Chúa và Mẹ Maria (đại diện cho mọi thụ tạo) là những người đối thoại tự do. Trong lời đáp trả của mình với Thiên Chúa, Mẹ Maria tỏ ra là một “ngôi vị thần học” trong một cuộc đối thoại nguyên thủy với Thiên Chúa. Mẹ đáp lại lời Thiên Chúa ngõ với Mẹ bằng một tiếng “Xin Vâng” cũng hoàn toàn và không dè dặt, trong đó Mẹ tước bỏ chính mình vì Thiên Chúa, và như thế Mẹ thực hiện sự sở hữu đích thực đối với bản thân.[139] Do đó, nơi Mẹ Maria đã biểu lộ một cách mẫu mực sự cởi mở với sự hoàn tất siêu việt được Thiên Chúa ban tặng trong Đức Giêsu Kitô và là điều mà chính phẩm giá của ngôi vị hướng tới.[140] Định mệnh này không phải là một ân ban từ bên ngoài đối với kinh nghiệm con người. Ngược lại, nó tương ứng một cách vượt trội với động lực được ghi khắc trong sự phát triển của con người và của vũ trụ và do đó hoàn thiện chính thực tại tự nhiên mà chúng ta đang sống.[141]

3. Vị thế độc đáo của con người trong vũ trụ

125. Căn tính cá nhân của con người cũng bao hàm vị thế độc đáo của nó trong vũ trụ, so với tất cả các thụ tạo khác: “Quả thực, con người không làm khi tự nhận mình cao trọng hơn các vật thể và coi mình không chỉ là một hạt tử của tự nhiên hay một phần tử ẩn danh của thành đô trần thế. Thật vậy, trong sự nội tâm của mình, con người siêu việt vũ trụ của sự vật: con người trở về với những chiều sâu thăm đó, khi họ quay trở lại với chính mình, nơi Thiên Chúa Đấng thấu suốt cõi lòng đang chờ đợi họ”.[142] Và lại, những nỗ lực gần đây nhằm thu hẹp kích thước bản tính con người, với những sự giản lược mang tính duy vật hoặc được truyền cảm hứng bởi chủ nghĩa tự nhiên sinh học, dù sao đi nữa vẫn luôn là một hành vi của con người một cách nghịch lý: ngay cả khi mơ ước vượt qua bản tính con người của mình, hay hạ mình xuống ngang hàng với động vật, thì con người chắc chắn vẫn hành động như một con người. Ngôi vị con người, với tư cách là có tính thiêng liêng, được kêu gọi để có một mối tương quan trực tiếp và tức thời với Thiên Chúa, không bao giờ có thể bị hạ thấp xuống phạm trù của đồ vật một cách hợp pháp, và họ càng không thể hạ thấp những người khác thành những đồ vật để sở hữu.[143] Điều cơ bản trong hành trình hướng tới căn tính của chính mình là mỗi người nhận ra vị thế độc đáo này trong vũ trụ và trong gia đình nhân loại.

126. Điều này không ngụ ý rằng các sinh vật khác phải bị coi là những đối tượng đơn thuần của sự thống trị hay bóc lột, bởi vì một logic có những hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội sẽ kéo theo sau đó: củng cố việc sùng bái những kẻ mạnh nhất và tạo ra những bất bình đẳng, bất công và bạo lực cho toàn thể nhân loại và hành tinh.[144] Theo Kinh Thánh, các thụ tạo khác xứng đáng được hưởng một cái nhìn tích cực, đáng được gìn giữ và tôn trọng, đặc biệt là động vật vì chúng là những sinh vật sống và có tri giác. Con người, mặc dù ở trung tâm của công trình sáng tạo, không thể hiểu

được chính mình nếu không khám phá ra mình được đặt trong bối cảnh của các thụ tạo khác và hợp nhất với chúng.[145] Tuy nhiên, cần phải tránh những sự thái quá của một số xã hội tiên tiến, đặc biệt là ở phương Tây, vốn có xu hướng coi một số loài động vật, đặc biệt là vật nuôi, gần như là con người.[146] Chúng ta phải tránh những cảm dỗ tương hồ là “nhân hóa động vật” và “hạ thấp con người xuống thành động vật”.

127. Trong viễn cảnh thần học, giáo lý về sự sáng tạo như là hành động của một Thiên Chúa vị ngã và siêu việt cùng với sự hiểu biết về con người như là hình ảnh của Thiên Chúa dạy cho chúng ta rằng vũ trụ hiện tại là “nhà hát của một biến cố mang tính vị ngã triệt để”, trong đó Đấng Sáng Tạo hành động. Do đó, chúng ta được mời gọi để nhận ra “đặc tính thiêng liêng của công trình sáng tạo hữu hình”,[147] nơi con người đảm nhận vai trò của những người quản lý có trách nhiệm đối với vũ trụ vật lý. Họ là một phần của thực tại được sáng tạo và có khả năng ban cho một hình thức mới cho trật tự tự nhiên, trở thành các tác nhân trong sự tiến hóa của chính vũ trụ, nhưng luôn luôn trong sự tôn trọng các quy luật riêng của nó.[148] Về việc quản lý thế giới này, được đón nhận như một ân ban, họ phải trả lễ với Đấng đã giao phó nó cho họ.

Chương IV - NHÂN LOẠI ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH, ĐƯỢC CỨU ĐỘ VÀ ĐƯỢC NÂNG CAO

128. Điều mà gia đình nhân loại cần đến, và trong đó mọi người đang tìm kiếm căn tính đích thực của mình, không phải là một bước nhảy vọt tiến hóa vượt qua điều kiện hiện tại, mà đúng hơn là một mối tương quan cứu độ, làm cho cuộc phiêu lưu hiện thực hóa chính mình trong sự viên mãn trở nên có ý nghĩa và tốt đẹp. Theo nghĩa này, chúng ta nói về nhân loại được cứu độ, nghĩa là được tôn trọng như một ân ban của Thiên Chúa chứ không phải bị thay thế. Ôn cứu độ trong Chúa Kitô là một “sự vượt qua trọn vẹn”, theo nghĩa là nó thực hiện quá trình đảm nhận, thanh tẩy và tái tạo lại con người. Do đó, vấn đề trước tiên không phải là đẩy nhanh sự phát triển hướng tới những hình thức sống mới, mà đúng hơn là nâng đỡ hành trình của các dân tộc và con người, bằng cách đưa ra một mục đích và một ý nghĩa cho phép tất cả mọi người và mỗi người hiện thực hóa ơn gọi của mình, định hình căn tính của những người con trai và con gái của Thiên Chúa trong một tình huynh đệ phổ quát. Những giấc mơ của thuyết siêu nhân học và thuyết hậu nhân học tự phụ đơn giản hóa những căng thẳng đi ngang qua kinh nghiệm con người. Nhưng dự án này, nếu nhìn kỹ, sẽ bộc lộ ra tính chất phi nhân hóa.

129. Cuộc phiêu lưu của căn tính con người cá nhân và xã hội có một đặc tính “kịch tính” không thể loại bỏ. Với phạm trù này, chúng tôi muốn tái khẳng định bản chất tự do của quá trình trở thành chính mình, trải qua những hoàn cảnh lịch sử cụ thể – với tất cả những đau khổ, tội lỗi và thất bại –, không bao giờ hoàn tất một cách dứt khoát trong lịch sử, cho đến tận lúc cánh chung. Động lực học này, tự bản chất là tích cực, được nhận ra trước hết trong một số “căng thẳng” hay “đối lập phân cực” (theo cách diễn đạt của Romano Guardini), vốn là đặc trưng của thân phận thụ tạo nhưng, vì tội

tổ tông, cũng được cảm nghiệm một cách hỗn loạn và cần được cứu chuộc. Lời loan báo ơn cứu độ của Kitô giáo đề xuất một cách thức mang tính nhân bản toàn diện, nhờ ân sủng, để sống những sự phân cực này, theo cả chiều kích chữa lành và nâng cao. Đó là vấn đề sống chúng như là nơi gặp gỡ với biến cố Chúa Kitô đã chết và phục sinh, và từ đó kiểm chứng tính khả tín về mặt nhân học của lời loan báo Kitô giáo về một thụ tạo mới.

1. Những “căng thẳng phân cực” của thân phận thụ tạo

130. Thân phận con người dường như bị đánh dấu bởi những căng thẳng hoặc phân cực không thể giản lược, mà trong đó mỗi người và toàn thể nhân loại được kêu gọi khám phá ra ý nghĩa của chúng, để kết hợp chúng thành một sự hài hòa giúp cho sự sống phát triển trong mọi tiềm năng của nó.[149] Những “căng thẳng phân cực” (*tensioni polari*) là cấu thành của kinh nghiệm chung của con người, và trong đó ngôi vị khám phá ra hữu thể của mình là một mẫu nhiệm mở ra với Mẫu Nhiệm của Thiên Chúa. Nếu chúng ta muốn hiểu các nguồn lực và những khó khăn của hành trình để trở thành chính mình, chúng ta cần phải nhận thức được những sự phân cực đặc trưng này của thân phận thụ tạo.

131. Những sự đối lập phân cực là hình thức của đời sống cụ thể nơi mỗi con người và trong cộng đoàn. Chính đời sống con người được cấu trúc dưới hình thức đối lập.[150] Những căng thẳng như vậy đi ngang qua tất cả các cấp độ của thực tại và giả định những biểu hiện khác nhau, để tìm kiếm sự thống nhất trong đời sống cụ thể. Trong sự phân cực, sự đối lập hướng tới một bình diện cao hơn, nơi duy trì sự căng thẳng. Các giới hạn được hội nhập, chứ không bị phủ nhận. Những sự đối lập giúp chúng ta hiểu rằng chỉ trong cái cụ thể, cái thực toàn vẹn mới được hiện thực hóa, vốn tạo ra sự tổng hợp trong khi phát triển, kết nối và hiện thực hóa sự hài hòa giữa những yếu tố xác định đối lập.

132. Những phân cực này không được diễn giải theo logic nhị nguyên, mà như là “sự thống nhất của cả hai” (*unità dei due*), chúng cũng không thể bị đơn giản hóa bằng cách giản lược một thuật ngữ, trong một logic nhất nguyên về sự đồng nhất hoặc trong một logic nhị nguyên của biện chứng giữa các mặt đối lập. Do đó, các sự phân cực vượt qua cả chủ nghĩa nhị nguyên và chủ nghĩa nhất nguyên, vốn tự phụ nắm bắt được mẫu nhiệm của con người, và cho thấy giá trị đúng đắn và không thể từ bỏ của sự khác biệt. Các cực đối lập không bị hủy bỏ, không có chuyện một cực tiêu diệt cực kia. Không phải sự mâu thuẫn cũng không phải sự đồng nhất tuyệt đối thống trị. Để sống tốt với chúng cần một logic khác, cho phép nắm bắt nhịp điệu nội tâm của thực tại trong một hình thức bám sát dữ kiện hơn và hài hòa hơn. Xét cho cùng, chúng ta được đưa trở lại với chính nhịp điệu của sự sống Ba Ngôi, vốn được phản chiếu trong tạo thành, mà nhờ đó mối tương quan giữa hai bên không khép kín trong chính nó, cũng không tái hấp thu tính tha thể vào trong một, mà mở ra để hoàn tất trong điều thứ ba, luôn luôn vượt trội và không bao giờ cạn kiệt.

133. Xuyên qua những đối lập phân cực, ân ban nguyên thủy đi trước và làm nền tảng vẫn còn nguyên vẹn. Do đó, chúng phải được đảm nhận dưới ánh sáng của đặc tính đầy hứa hẹn nảy sinh từ chính ân ban. Thay vì như là những “dữ kiện”, các phân cực phải được hiểu như là những “ân ban”. Chính trong Chúa Kitô, sự đảm nhận trọn vẹn các phân cực được hiện thực hóa trong một sự thống nhất duy trì những sự khác biệt và hài hòa chúng trong một sự tổng hợp cao hơn. Khả năng hội nhập thống nhất này, vốn tôn trọng thực tại trong tính cụ thể của nó và do đó trong các đối lập phân cực của nó, là đặc trưng cho nỗ lực tư duy của nguyên lý “và/và” (“et/et”) đặc thù của não trạng Công giáo (*forma mentis cattolica*). Và đây là những gì xảy ra trong Giáo hội: trong Giáo hội, con người nhờ ân sủng mà đạt được ý thức về thực tại toàn vẹn, vì trong đó chân trời kinh nghiệm của ngôi vị và của mầu nhiệm ngôi vị đó được mở rộng. Vậy chúng ta hãy xem xét, trong một sự tổng hợp nhanh chóng, những phân cực thụ tạo này theo một trình tự đi từ kinh nghiệm con người trực tiếp nhất đến gốc rễ sâu thẳm nhất, đồng thời làm rõ rằng tồn tại giữa chúng một “sự tiến triển vòng tròn”, hơn là một sự nối tiếp đơn giản. [151]

134. a) Về sự căng thẳng giữa *vật chất* và *tinh thần*, cần nhớ rằng con người, được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, là những hữu thể vật lý chia sẻ thế giới với các sinh vật khác. Điều này trước hết ngụ ý rằng tính thân xác là bản chất đối với căn tính của ngôi vị, nhưng nó cũng có nghĩa là thế giới vật chất tạo ra các điều kiện cho sự cam kết của con người với nhau và do đó tích hợp các mối tương quan liên vị: trong gia đình, trong các dân tộc và trong nhân loại. Nhân học Kinh Thánh loại trừ thuyết nhị nguyên tâm trí-cơ thể, tránh cả sự giản lược về tinh thần lẫn về vật chất đối với con người: ngôi vị là “sự thống nhất của hồn và xác”. [152] Sự thống nhất này, không loại bỏ sự phân cực mà thống nhất nó ở một cấp độ cao hơn, có thể được nắm bắt trong biểu tượng của “trái tim”, như đã được chỉ ra: “Cốt lõi của mọi con người, trung tâm thẳm sâu nhất của họ, không phải là cốt lõi của linh hồn mà là của toàn thể ngôi vị trong căn tính duy nhất của nó, bao gồm cả hồn và xác. Mọi sự đều được thống nhất trong trái tim, vốn có thể là ngai tòa của tình yêu với mọi thành phần thiêng liêng, tâm lý và cả thể lý của nó”. [153]

135. Về mối tương quan giữa bản tính thiêng liêng của con người và vật chất đang tiến hóa, điều quan trọng là phải nhấn mạnh rằng ngôi vị con người không thể chỉ được giải thích như là kết quả của sự tiến hóa vật chất: “Mỗi người chúng ta đều có trong mình một căn tính cá nhân có khả năng bước vào cuộc đối thoại với những người khác và với chính Thiên Chúa. [...] Sự mới mẻ về chất lượng được bao hàm bởi sự xuất hiện của một hữu thể có tính vị ngã bên trong vũ trụ vật chất giả định một hành động trực tiếp của Thiên Chúa, một tiếng gọi đặc biệt vào sự sống và vào mối tương quan của một Ngôi Hai (Tu) với một ngôi hai khác (tu)”. [154] Do đó, chúng tôi nhắc lại rằng con người “không được phép bị lệ thuộc như một phương tiện thuần túy hay như một công cụ đơn thuần, dù là đối với loài hay đối với xã hội”. [155] Là được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, con người có khả năng đan dệt các mối tương quan hiệp thông với Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi

cùng với các ngôi vị con người khác, nhưng cũng có khả năng thực thi qua lao động của mình một sự phục vụ đối với vũ trụ được tạo dựng.[156]

136. b) Chúng ta chuyển sang xem xét sự căng thẳng giữa *nam* và *nữ*. Hoa trái đẹp đẽ nhất của sự khác biệt giới tính là sự nhìn nhận người khác và sự phản chiếu trong tính tương hỗ, nảy sinh từ cuộc gặp gỡ giữa người nam và người nữ trong Adam và Evà, với sự ngạc nhiên bất nguồn từ đó: “Khi Thiên Chúa cuối cùng giới thiệu người nữ, người nam vui mừng nhận ra rằng thụ tạo đó, và chỉ thụ tạo đó, là một phần của mình: “phen này đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi” (St 2,23). Cuối cùng cũng có một sự phản chiếu, một sự tương hỗ. [...] Người nam đã như thế, ông thiếu một cái gì đó để đạt đến sự viên mãn của mình, ông thiếu đi tính tương hỗ”.[157] Trong việc tìm cách định hình căn tính của chính mình, người này bằng cách nào đó được đưa hướng về người kia và ngược lại: “Sự khác biệt giữa người nam và người nữ không phải là để đối lập, hay phụ thuộc, mà là để hiệp thông và sinh sản. [...] Để hiểu rõ bản thân và phát triển một cách hài hòa, con người cần đến sự tương hỗ giữa người nam và người nữ”.[158] Căn tính của người nam và người nữ không phải là một biến số ngẫu nhiên có thể được định hình một cách độc lập hoặc thậm chí trái ngược với ý nghĩa nguyên thủy và vĩnh viễn của nó; nó không phải là một tài sản để quản lý theo một nhận thức chủ quan, mà là một ân ban được nhận lãnh như một phúc lành từ một Thiên Chúa là tình yêu (x. 1 Ga 4, 8), trong một động lực không khép kín trong chính nó, mà mở ra một chiều kích của “sự thống nhất của cả hai” (theo giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II).[159] Đây là thách thức của việc “có khả năng sinh sản”, tức là có khả năng trao ban chính mình cho người khác, mở ra cho người thứ ba và do đó là một cuộc sống mới. Xu hướng hiện nay là phủ nhận hoặc muốn bỏ qua sự khác biệt tự nhiên này, được nhận như một món quà, và thay thế nó bằng bất kỳ khả năng nào mà tâm trí con người có thể tưởng tượng ra, trở thành một cách nguy hiểm để xóa bỏ căn tính thân xác thực sự và khép kín trong chính mình trong một sự tự chiêm ngưỡng nội hôn (endogamica).

137. c) Hơn nữa, không được quên sự căng thẳng giữa *cá nhân* và *cộng đồng*. Mỗi con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa là một ngôi vị, có khả năng nhận thức và yêu thương, thể hiện bản thân vừa với tư cách cá nhân vừa với tư cách là một thành viên của cộng đồng. Con người mang tính tương quan và xã hội, được bao gồm trong gia đình nhân loại. Do đó, con người được kêu gọi để hiện thực hóa chiều kích xã hội của mình bên trong các nhóm gia đình, tôn giáo, dân sự, nghề nghiệp và các loại hình khác, mà cùng nhau tạo thành xã hội nơi mỗi người thuộc về. [160] Đặc tính cơ bản mang tính xã hội của sự tồn tại con người phải được kết hợp với sự công nhận giá trị không thể chuyển nhượng của ngôi vị, với tính cá nhân và sự nguyên bản của họ, cũng như tầm quan trọng của các quyền cá nhân và sự đa dạng văn hóa.

138. d) Cuối cùng, cần nhắc lại sự căng thẳng giữa *hữu hạn* và *vô hạn*. Ngôi vị cảm thấy được kêu gọi để khẳng định căn tính của mình trong sự căng thẳng hướng tới một sự viên mãn (vô hạn) bị đặt nghi vấn bởi tính ngẫu nhiên và bởi giới hạn (hữu hạn). Không một ai có thể sống mà không có

một sự cởi mở nào đó đối với toàn thể thực tại và ý nghĩa của nó, cho dù là trong phương thức khước từ.[161] Nhờ vào bản tính thiêng liêng (hữu thể xác) của mình, mỗi người là *capax omnia* (có khả năng đón nhận mọi sự), cởi mở theo một cách nào đó để được ở với mọi sự, và cũng là *capax Dei* (có khả năng đón nhận Thiên Chúa). Việc quy hướng này không được coi là một mục tiêu vô tận phải đạt tới bằng cách khởi đi từ các kinh nghiệm cá biệt về thực tại hữu hạn và có giới hạn hay từ sự tích lũy các kinh nghiệm khác nhau. Thay vào đó, sự khôn ngoan của Israel dạy chúng ta rằng sự cởi mở với tính toàn thể là chân trời kịch tính cần thiết mà từ đó cái hữu hạn có thể được nắm bắt như thế (x. Gv 3, 9-11; Hc 43, 26-28). Do đó, trong hành trình lịch sử tìm kiếm và phát triển căn tính của mình, ngôi vị được kêu gọi chèn ý nghĩa của mảnh vỡ vào cái toàn thể và nắm bắt sự thống nhất của ý nghĩa trong các sự kết nối của nó. Thực tại không được nắm bắt một cách tách biệt với tư cách là hữu hạn hay vô hạn, mà như là sự thống nhất của tính đồng nhất-khác biệt giữa hữu hạn-vô hạn. Đây là sự căng thẳng được phản chiếu trong lời kêu lên nổi tiếng của thánh Âutinh: “Chúa đã tạo dựng chúng con cho Chúa, và tâm hồn chúng con luôn khắc khoải cho đến khi được nghỉ ngơi trong Chúa”,[162] điều sẽ được lặp lại trong nền văn hóa thời Trung Cổ, đạt đến một sự tổng hợp văn học tuyệt vời giữa *cor inquietum* (trái tim khắc khoải) của Thánh Âutinh và cuộc phiêu lưu thao thức của Ulysses trong tác phẩm Thần Khúc (*Divina Commedia*). Quả thực, chính vì nhu cầu đối với sự toàn vẹn trong việc nhận thức và trong việc sống này mà Ulysses của Dante đã thúc giục những người bạn đồng hành của mình: “Hãy xem xét hạt giống của các người, / Các người không được tạo ra để sống như những con thú vô tri, / Mà là để theo đuổi đức hạnh và tri thức”.[163]

2. Kinh nghiệm con người trong vở kịch của tội lỗi và ân sủng

139. Bây giờ chúng ta hướng tới một điểm hội tụ chuyên biệt về Kitô giáo và thần học. Những “căng thẳng phân cực” chúng tỏ mình là sự kích thích đối với sự phát triển năng động của con người. Tuy nhiên, tự do của con người, vốn luôn được đặt trong một lịch sử tạo nên bởi những cuộc gặp gỡ và va chạm với các tự do khác, lại bị đánh dấu bởi tội tổ tông, được xác nhận trong các tội cá nhân, và do đó được cảm nghiệm như một tình trạng sa ngã và như một sự tự do bị tổn thương, phơi bày trước một sự hiện thực hóa cục bộ và rối loạn. Mặt khác, trong lịch sử, có minh chứng về kinh nghiệm của một khả năng luôn luôn sống lại thân phận con người theo cách mới mẻ được cứu chuộc, được nâng đỡ và được nâng cao bởi ân sủng.[164] Từ quan điểm này, phạm trù “kịch tính” bao hàm cả rủi ro mà tự do phải phơi bày trong hành trình hiện thực hóa cá nhân của nó, bởi vì nó có thể mâu thuẫn với tình trạng ban đầu của nó trong tội lỗi, cũng như khía cạnh kịch tính của ơn cứu chuộc vì nó được hiện thực hóa thông qua cuộc gặp gỡ giữa tự do của Con Thiên Chúa và tự do của mỗi ngôi vị được đặt trong lịch sử.

2.1. Sự rạn nứt các mối tương quan cấu thành căn tính con người

140. Chúng ta hãy dừng lại một chút ở bản văn Sáng Thế, nơi có thể tìm thấy một sự mô tả mang tính thần thoại-biểu tượng về một thực tại cụ thể đã làm tổn thương sự tồn tại của con người.

Ở gốc rễ của tình trạng sa ngã, vốn khiến chúng ta hiểu lầm ý nghĩa đích thực của những phân cực và làm mất đi đặc tính đầy hứa hẹn của sự khác biệt hay của giới hạn, là một sự gián đoạn của các mối tương quan cấu thành căn tính đích thực (x. St 3-11): “Bởi vì qua tội lỗi con người từ chối phục tùng Thiên Chúa, sự cân bằng nội tâm của nó cũng bị phá vỡ và chính bên trong nó bùng nổ những mâu thuẫn và xung đột. Bị xâu xé như thế, con người gần như tất yếu tạo ra một sự rạn nứt trong kết cấu các mối quan hệ của nó với những con người khác và với thể giới thụ tạo”.[165] Đây là sự từ chối ân ban của Thiên Chúa và do đó là từ chối mối tương quan với Đấng Sáng Tạo: “Đây là “mối tương quan” đầu tiên và nền tảng, nó mang lại giá trị cho cả sự thật rằng con người được làm bằng “bụi đất”, cũng như việc họ là sinh vật sống nhờ “hơi thở” thần linh”.[166] Trong sự chuyển tiếp từ ân ban sang mệnh lệnh, vốn xác định và đề xuất một nhiệm vụ, sự nghi ngờ thâm nhập (x. St 3), do con rắn truyền đạt, nó thay đổi cái nhìn về Thiên Chúa và về thực tại, dẫn đến sự vi phạm, làm tổn hại đến mối tương quan với Đấng Sáng Tạo.[167]

141. Hậu quả đầu tiên của sự rạn nứt này là sự rối loạn, ngay bên trong chính con người, giữa chiều kích vật chất/thân xác và chiều kích thiêng liêng.[168] Sự rối loạn này bao hàm việc đánh mất sự hài hòa giữa hai chiều kích và đòi hỏi một sự tỉnh thức đặc biệt để nhận ra nơi mình linh hồn thiêng liêng và bất tử, không để mình bị “ảo tưởng bởi một sự tạo tác tưởng tượng vốn chỉ có thể giải thích được bằng các điều kiện vật lý và xã hội”, làm mất đi khả năng đi tới “chạm đến tận chiều sâu bản chất thực sự của sự vật”.[169] Sự rối loạn trong mối tương quan với vật chất cũng liên quan đến chính tính thân xác, nơi trải nghiệm về giới hạn và sự mỏng giòn, như có thể được nhận ra trong sự “trần trụi” khi nó đánh mất đi sự ngây thơ và nguyên vẹn thuở ban đầu và do đó trở thành con tin của người khác. Một cách rộng lớn hơn, chính việc đánh mất giá trị biểu tượng của vạn vật, bị giản lược thành vật liệu để thao túng một cách tùy tiện chỉ vì mục đích lợi nhuận, thay vì nhìn chúng như những dấu chỉ của một mầu nhiệm lớn lao hơn, là gốc rễ của cuộc khủng hoảng sinh thái hiện nay.[170]

142. Các mối tương quan liên vị cũng bị tổn hại theo. Trước hết là mối tương quan giữa người nam và người nữ, sau đó là giữa anh em cho đến các mối tương quan giữa các dân tộc. Chúng ta chứng kiến sự mở rộng của các xung đột giữa con người: “Sự rạn nứt với Giavê đồng thời bẻ gãy sợi dây tình bạn đã liên kết gia đình nhân loại, đến nỗi những trang tiếp theo của Sáng Thế Ký cho chúng ta thấy người nam và người nữ dường như chỉ ngón tay buộc tội lẫn nhau; rồi người anh, vì thù địch với người em, cuối cùng đã tước đoạt mạng sống của em mình. [...] Hậu quả của tội lỗi là sự tan vỡ của gia đình nhân loại, vốn đã bắt đầu bằng tội lỗi đầu tiên và giờ đây đã đạt đến cực độ trong hình thức xã hội của nó”.[171] Tình huynh đệ phổ quát, được ghi khắc nơi nguồn cội chung, không được nhận biết một cách thỏa đáng, ngược lại, nó liên tục bị xúc phạm do sự biểu lộ của quá nhiều đặc thù và sự khác biệt xã hội, vốn cung cấp lý do cho sự kiêu ngạo cư ngụ trong trái tim con người và được củng cố trong việc khẳng định căn tính của mình trong sự đối lập gây tranh cãi đối với những người khác. Do đó, lịch sử, ngay từ thuở sơ khai, sẽ bị đánh dấu bởi sự kình địch và chiến tranh, và các dân

tộc sẽ luôn phải bước ra từ đồng đồ nát, cố gắng hàn gắn những sự rạn nứt và vẽ lại những đường nét của hòa bình và liên đới.[172]

2.2. Ôn cứu độ thông qua nhân tính của Chúa Kitô

143. Sáng kiến tự do của Thiên Chúa, Đấng cứu giúp mỗi con người và mỗi dân tộc trong hành trình hình thành căn tính của họ, tìm thấy hình thức hiện thực hóa mang tính nhưng không và cụ thể của nó trong lịch sử cứu độ. Trong đó, Thiên Chúa đã mạc khải chính mình cho con người bằng cách tự đồng hóa trong mối tương quan với họ. Người đã mạc khải căn tính của Người cho Môsê với tư cách là Thiên Chúa của Ápraham, Isaac và Giacóp (x. Xh 3 và 6). Đức Giêsu mạc khải cho chúng ta trọn vẹn mầu nhiệm về Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thần và là Đấng ban cho chúng ta trở thành những người con trong Chúa Con, những người anh em, có khả năng gọi Thiên Chúa là Cha và là Cha của chúng ta. Trong các mầu nhiệm về cuộc đời của Chúa Kitô, biểu lộ sự quyết tâm của tư cách làm con đối với tự do của Đức Giêsu theo thước đo của mối tương quan tương hỗ với Chúa Cha, mà Người sống trong Chúa Thánh Thần. Dưới ánh sáng của lời cầu nguyện mà Đức Giêsu dâng lên Chúa Cha (x. Mt 11, 27), chúng ta khám phá ra những yếu tố nền tảng để hiểu một cách toàn diện mối tương quan với Thiên Chúa. Trước hết là sáng kiến của Thiên Chúa, được biết đến và nhận biết là Người Cha ban tất cả chính mình cho Chúa Con. Thứ hai, Đức Giêsu dạy rằng chỉ có Chúa Con mới biết Chúa Cha (x. Ga 10, 15): chỉ Đấng nhận biết mình là Chúa Con, mới biết và nhận biết Chúa Cha là Cha. Yếu tố thứ ba là sự tương hỗ năng động giữa Chúa Cha và Chúa Con, nơi sự bất đối xứng của nguồn gốc (chỉ Chúa Cha là nguyên lý không có nguyên lý) được ban tặng trong sự đối xứng của tính nhưng không và tính toàn thể của ân ban tương hỗ. Tình yêu tương hỗ này giữa Chúa Cha và Chúa Con được mở ra và trao ban cho các môn đệ trong sự tuôn đổ của Chúa Thánh Thần như là ngôi vị-ân ban (*persona-dono*). Người cũng làm cho các môn đệ có thể kêu lên từ tận đáy lòng: “Áp-ba Lạy Cha!” (x. Rm 8, 15; Gl 4, 6).[173] Do đó, Thiên Chúa, Đấng mạc khải chính mình là Cha, Con và Thánh Thần, tự mạc khải Người là Cha “của chúng ta” (x. Mt 6, 9-13), là Cha của mọi thụ tạo nhân loại đắm chìm trong thời gian và không gian. Mỗi con người được kêu gọi để nhận biết và đón nhận ân ban về căn tính thụ tạo của mình bên trong gia đình rộng lớn hơn của công trình sáng tạo.[174] Nhưng sự mạc khải trọn vẹn về việc chúng ta là ai và chúng ta được kêu gọi trở thành ai được trao ban cho chúng ta nhờ sự nhập thể của Đấng là Hình Ảnh của Chúa Cha, Đấng mà theo hình ảnh và giống như Người, chúng ta đã được tạo dựng và được thần hóa (x. Cl 1, 15) và là Đấng đã cứu chuộc chúng ta khỏi tội lỗi.[175]

144. Đức Giêsu Kitô đồng hóa chính mình với mọi khía cạnh của những gì mang ý nghĩa là làm người thực sự. Và Người làm điều đó bằng cách hội nhập vào một dân tộc cụ thể, với một lịch sử và truyền thống của dân tộc đó, đó là dân tộc Do Thái, được Thiên Chúa tuyển chọn và kêu gọi để trở thành phúc lành cho mọi dân tộc; Người làm điều đó bằng cách nhận lấy sự tồn tại trần thế từ Đức Maria, hiền thê của Thánh Giuse, thuộc chi tộc Giuđa và bằng cách học nghề mộc của gia đình. Người

nhận được sự viên mãn của ân ban Chúa Thánh Thần kể từ lúc thụ thai và trong phép Rửa tại sông Giođan, Người được sai đi để hoàn thành sứ mạng được giao phó. Chính Chúa Thánh Thần, từ lúc thụ thai, đã thẩm nhuần và định hình nhân tính của Người phù hợp với căn tính làm con của Người, do Chúa Cha ban tặng. Bằng cách này, Chúa Con hiện thực hóa căn tính cá nhân và tương quan vĩnh cửu của Người, mà Người nhận được từ Chúa Cha, trong nhân tính đích thực của chúng ta và như vậy mạc khải trọn vẹn con người cho chính nó.[176] Trong một lịch sử cụ thể và với tư cách là một thành viên của gia đình nhân loại, Người trở thành anh em của chúng ta, mở ra cho chúng ta con đường để lãnh nhận một căn tính mới và nuôi dưỡng căn tính này trong chúng ta như là những anh chị em của Người.

145. Việc Người hiến thân trọn vẹn vì chúng ta được tỏ hiện nơi thân thể bị đâm thấu của Người và Máu Người đổ ra trên thập giá để cứu độ chúng ta, và trở nên thuộc về “chúng ta” hơn nữa trong sự phục sinh của Người vì chúng ta. Chúa Kitô Đấng cứu độ chúng ta trên thập giá đã hiện diện trước chúng ta như Đấng phục sinh, tràn đầy sự sống, và từ trái tim bị thương tích và được hiến dâng của Người, ân ban Chúa Thánh Thần tuôn đổ đến chúng ta. Mầu nhiệm Vượt Qua này đã mở ra cho chúng ta khả năng thực sự để đạt đến sự viên mãn nhân loại, mà chúng ta bắt đầu nếm trải trong đời sống hằng ngày. Như Đức Giáo hoàng Lêô XIV khẳng định: “Chúa Kitô đã phục sinh. Người đã thực sự phục sinh! [...] Đó là một ân ban cần phải cầu xin, là ân ban biết nhìn thấy sự chắc chắn của mầu nhiệm Vượt Qua trong mọi lao nhọc của cuộc sống”.[177] Mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô chạm đến cuộc sống con người của chúng ta trong mọi chiều kích của nó, trong mọi giai đoạn và trong mọi khoảnh khắc của nó. Chúng ta cần ý thức về sự cần thiết của ơn cứu độ: Chúa Kitô cứu độ chúng ta ngày hôm nay!

146. Cuộc gặp gỡ với nhân tính của Đức Giêsu Kitô soi sáng nhân tính của chúng ta và mạc khải chúng ta cho chính mình. Trước hết, nó trả lại cho chúng ta ý nghĩa về tự do của chúng ta trước tiếng gọi của Đấng Sáng Tạo, ngay trong khi nó hiện thực hóa ơn gọi của chúng ta là thông phần vào sự viên mãn cánh chung của sự sống phục sinh của Người. Sự hiện thực hóa này đối với sự viên mãn của thân phận con người (x. Ep 4, 13) và “sự hoàn hảo Kitô học của con người đặt thành vấn đề về sự tự trị tuyệt đối mà tội nhân đã chọn cho chính mình. Do đó, việc loan báo Tin Mừng không thể tách rời khỏi việc loan báo về sự phán xét và lời mời gọi hoán cải”. [178] Việc bước theo Chúa Kitô bao gồm sự bước qua Thập giá, một hành trình không tiêu diệt hữu thể của ngôi vị, mà loại bỏ nhiều hình thức tha hóa và soi sáng phán đoán phê phán đó về hành vi của con người, vốn theo thước đo của Chúa Kitô, mang lại một sự phục vụ cho phẩm giá con người và công ích trong xã hội, đưa công lý đến chỗ hoàn thiện cùng với đức ái.

147. “Mầu nhiệm đức ái” của Đức Giêsu Kitô mang lại một tầm nhìn toàn cầu về thực tại vốn mới mẻ và, “mặc dù [...] đặt khát vọng của con người ngày nay dưới sự kiểm chứng mang tính phản biện, nhưng dù sao nó vẫn khẳng định tầm quan trọng của khát vọng đó, thanh tẩy nó và vượt qua

nó”.[179] Khát vọng này, cũng có thể được thoáng thấy trong những giấc mơ được thể hiện qua các hình thức khác nhau của thuyết siêu nhân học và hậu nhân học, được soi sáng dưới ánh sáng của sự hoàn tất trong Chúa Kitô: “Những gì tất cả mọi người tìm kiếm, khát khao và hy vọng, ít nhất là một cách mặc nhiên, đều mang tính siêu việt, vô hạn đến mức chỉ có thể tìm thấy trong Thiên Chúa. Sự nhân hóa đích thực của con người đạt đến đỉnh cao trong sự thần hóa nhưng không của nó, tức là trong tình bạn và sự hiệp thông với Thiên Chúa. [...] Ân sủng của Đức Giêsu Kitô thỏa mãn đòi hỏi những khát vọng sâu xa của con người, kể cả những khát vọng vượt quá giới hạn sức lực của con người”.[180] Việc con người được hoàn tất trong Thiên Chúa không hấp thụ cũng không làm suy giảm con người, giống như việc nó không làm nghèo đi tính thần linh đang tự thông truyền. Quả thực, đó là một cuộc gặp gỡ của tự do, nơi Thiên Chúa thần hóa đồng thời khi con người nhân hóa.

3. Nhân loại mới trong Thần Khí của Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa

148. “Thực ra mầu nhiệm về con người chỉ thực sự được soi sáng trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể”.[181] Trong biến cố Đức Giêsu Kitô, “kế hoạch được định trước” của Chúa Cha trên các thụ tạo, và đặc biệt là trên con người, đã được tỏ hiện (x. Cv 2, 22-23; Ep 1, 1-14).[182] Nhân học Kitô giáo được soi sáng trọn vẹn khi nhận ra rằng chúng ta được Chúa Cha khao khát và tạo dựng để trở thành “những người con trong Chúa Con” và để tham dự, nhờ ân ban của Thần Khí, vào sự hiệp thông của tình yêu nội tại trong Thiên Chúa (intradivino).[183] Điều mà người Kitô hữu chúng ta gọi là “ân sủng” trước hết chính là Thiên Chúa trao ban chính Người cho chúng ta nơi Chúa Kitô như là tình yêu nâng đỡ chúng ta, thanh tẩy chúng ta, biến đổi chúng ta và đưa cuộc sống chúng ta đến sự viên mãn. Ân sủng trước hết là chính Người Đáng cứu độ chúng ta trên thập giá, chính là Người, đang sống, ban tặng Chúa Thánh Thần cho chúng ta, và hậu quả là khơi dậy một động lực cứu độ mới, một sự đổi mới trong hữu thể và trong đời sống của mỗi người.

149. Việc thực hiện kế hoạch thần linh này, được mạc khải trong Giao Ước, đã bắt đầu từ công trình sáng tạo, và sự viên mãn của nó chính là biến cố Kitô học vốn sẽ đạt đến đỉnh cao khi vạn vật được quy tụ nơi Chúa Cha và Thiên Chúa sẽ là tất cả trong mọi sự (x. 1 Cr 15, 20-28).[184] Chúa Kitô là Adam thứ hai mà theo hình ảnh đó Adam thứ nhất đã được nhào nặn nên (x. Rm 5, 14). Do đó, nhân học Kitô giáo, như được *Gaudium et spes* đề xuất, nhận ra những nét hoàn thiện của con người dưới ánh sáng của nhân tính của Đức Giêsu Nadarét. Không chỉ vì Người là mẫu mực vô song của nhân tính đó, mà bởi vì thông qua sự đồng hình đồng dạng của câu chuyện cá nhân của mỗi con người với câu chuyện đơn nhất của Người, nhờ ân ban của Chúa Thánh Thần, mà người ta trở thành những con trai và con gái của Chúa Cha, làm trọn vẹn ơn gọi của con người: “Qua sự Nhập thể, Con Thiên Chúa đã kết hợp với mọi người theo một cách nào đó”.[185]

150. Thông qua các mầu nhiệm về cuộc đời của Đức Giêsu, sự hoàn tất và biến hình của thế giới và của lịch sử được hiện thực hóa. Chúng ta không đi xa hơn Đức Giêsu Kitô, mà tìm cách đạt đến Người, bằng cách đi sâu hơn vào mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Trong Chúa Kitô, các tín hữu

được “biến đổi nên giống cùng một hình ảnh đó, từ vinh quang đến vinh quang, như bởi Thần Khí của Chúa” (2 Cr 3, 18). Quả vậy, Chúa Kitô đã mang đến toàn bộ sự mới mẻ khi mang chính mình đến và Chúa Thánh Thần dẫn đưa vào sự mới mẻ này của Chúa Kitô.[186] Không thể có bất kỳ cái “siêu/trans” hoặc “hậu/post” nào mà sự mới mẻ của Chúa Kitô chưa tích hợp trước đó. Chúa Kitô là lời cuối cùng của Thiên Chúa trong tất cả sự mới mẻ vô song của Người.

151. Cuộc sống của tín hữu, được thể hiện như sự đáp lại một tiếng gọi (x. Ga 15,16), không chỉ được thực hiện trong một khoảnh khắc của thời gian, mà được kéo dài trong việc tháp nhập người Kitô hữu vào Chúa Kitô, trong Chúa Thánh Thần, để dâng hiến mọi sự cho Chúa Cha. Đời sống Kitô hữu như là ơn gọi được chuyển dịch thành sự tham gia của sự tồn tại cá nhân vào sự tồn tại của Chúa Kitô “cho đến khi Chúa Kitô được thành hình nơi anh em” (Gl 4, 19). Đây là nguyên lý thống nhất tối hậu của con người. Đó là một sự đồng hóa tiệm tiến với Chúa Kitô, cho đến khi có cùng một tâm tình như Người (x. Pl 2, 5), cùng một tư tưởng như Người (x. 1 Cr 2, 16). Khi trở nên giống như Chúa Con, nhờ ân ban Thần Khí của Người, sự tồn tại theo ơn gọi trên hết được chuyển dịch thành một tình yêu không giữ lại gì mà dâng hiến tất cả cho Chúa Cha trong sự vâng phục của người con (x. Ga 10, 17-18; Dt 10, 8-10), vì sự cứu rỗi và hạnh phúc của anh chị em.

152. Tính toàn thể của sự tồn tại luôn là một mâu nhiệm, dẫu vậy nó không còn là một câu đố xa lạ, mà trở thành một không gian trong đó người ta bắt đầu hiểu và trải nghiệm được phần nào đó về Mâu Nhiệm tình yêu của Thiên Chúa, trong chừng mực người ta tự do gắn bó với nó (x. 1 Ga 2, 3-6). Bên trong sự tồn tại “trong Chúa Kitô” này, các sự phân cực nhân học thực sự đạt được sự hoàn tất nhưng không của chúng. Sự căng thẳng hữu hạn/vô hạn được giải quyết trong việc nhận ra chúng ta được yêu thương trong sự tồn tại có giới hạn của mình, nhưng đồng thời được hướng tới, trong niềm hy vọng, một sự viên mãn mà chúng ta thậm chí không thể tưởng tượng nổi.

153. Sự căng thẳng vật chất/tinh thần (hồn/xác) tìm thấy ý nghĩa trọn vẹn của nó trong sự phục sinh từ cõi chết. Nhờ đó, con người được cứu rỗi cho đến cùng, ở chỗ thân xác phục sinh, theo một nghĩa nào đó, trở thành dấu chỉ hữu hình trong suốt của toàn thể con người, là chiều kích mạc khải bản chất thiêng liêng của nó, vốn vẫn là đỉnh cao thống nhất của cái tôi và chứng thực sự khác biệt của nó so với các loài động vật khác.

154. Sự căng thẳng nam/nữ tìm thấy viễn cảnh thích hợp của nó trong lời loan báo của Kitô giáo về người nam và người nữ với tư cách là những ngôi vị được tạo dựng theo hình ảnh của một Thiên Chúa vị ngã trong ơn gọi tiến tới sự thống nhất của cả hai (x. St 1, 27) với phẩm giá ngang nhau. Do đó, người ta có thể nhận ra tính nguyên thủy của sự khác biệt giới tính, như là biểu hiện của mâu nhiệm Thiên Chúa: nhờ sức mạnh của sự thống nhất yêu thương giữa hai người, của đích đến sinh sản của nó và của sự cởi mở của nó đối với sự hiệp thông liên vị và với Thiên Chúa.[187] Sự phân cực này không bị bãi bỏ trong sự phục sinh của Chúa Kitô và trong sự hiện dung của con người xuất phát từ đó: “Gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà trỗi dậy là thân thể có thần khí. Nếu có thân

thể có sinh khí (*psykikôn*), thì cũng có thân thể có thần khí (*pneumatikôn*)” (1 Cr 15, 44-45). Kinh Thánh dạy rằng trong sự phục sinh, con người sẽ giống như các thiên thần và sẽ không lấy vợ lấy chồng (x. Mt 22, 30), thế nhưng thân thể phục sinh vẫn duy trì bản sắc giới tính của thân thể vật lý. Đức Giêsu trong thân xác phục sinh của Người vẫn là một người nam và Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa, trong thân xác được vinh thăng của Mẹ, vẫn là một người nữ. Điều đúng với Đức Giêsu và Mẹ Maria thì cũng đúng với nhân loại.

155. Cuối cùng, sự căng thẳng cá nhân/cộng đồng, vốn cũng bao hàm sự căng thẳng giữa các nền văn hóa, gặp được điểm hội tụ của nó trong sự hiệp thông Thánh Thể và Giáo hội cho đến sự hoàn tất của nó là sự hiệp thông của các thánh. Kinh nghiệm Kitô giáo được thể hiện như sự thuộc về dân Thiên Chúa, những người cùng bước đi trong lịch sử hướng về định mệnh của mình. Sự thuộc về này không lấy đi bất cứ điều gì từ căn tính cá nhân, mà đúng hơn là làm cho nó trở nên khả thi và thúc đẩy nó: “Về mặt này, lý trí tìm thấy nguồn cảm hứng và sự định hướng trong mạc khải Kitô giáo, theo đó cộng đồng con người không hấp thụ ngôi vị vào trong nó làm tiêu diệt sự tự chủ của họ, như xảy ra trong các hình thức khác nhau của chủ nghĩa toàn trị, mà càng làm tăng giá trị cho họ, bởi vì mối tương quan giữa ngôi vị và cộng đồng là mối tương quan của một cái toàn thể này hướng tới một cái toàn thể khác”.[188] Đó là một sự thuộc về không bao giờ loại trừ và khép kín trong chính nó, không thiết lập một “chúng ta” chống lại một “các người”. Thay vào đó, nó là một sự thuộc về mang tính bao hàm và dẫn thân vào việc khẳng định tình huynh đệ phổ quát, trong sự đồng điệu có thể có với các kinh nghiệm tôn giáo khác.[189] Nếu trong trật tự thụ tạo sẽ luôn có một sự căng thẳng nhất định giữa một cá nhân và những đòi hỏi của sự tồn tại xã hội, thì trong đời sống ân sủng, người ta được tham dự theo cách thức của sự hài hòa trọn hảo giữa các Ngôi Vị Ba Ngôi chia sẻ sự hiệp thông của một sự sống thần linh duy nhất.[190]

156. Việc tháp nhập vào Chúa Kitô diễn ra thông qua dòng chảy sự sống cụ thể phát xuất từ Người, trong dấu chỉ của sự hiệp nhất của các Kitô hữu đang loan báo Lời Chúa và cử hành các bí tích. Giáo hội làm cho ân ban thần linh trở nên hữu hình để tất cả mọi người có thể cảm nghiệm một cách hiệu quả việc loan báo ơn cứu độ và tham gia vào đời sống mới trong Chúa Kitô.[191]

Sự biểu lộ tốt đẹp trong Giáo hội và trong lịch sử của thực tại sự sống con người mới mẻ được ban tặng trong Chúa Kitô chính là Bí Tích Thánh Thể. Thông qua sự hiệp thông với Mình và Máu Đức Giêsu, mà bởi chính sự kiện đó, là sự hiệp thông với Thiên Chúa, các môn đệ trở thành dân của Thiên Chúa. Sự hiệp thông như vậy là không thể giải thích được theo phương thức thuần túy xã hội học, bởi vì nó nảy sinh từ Chúa Thánh Thần (x. 2 Cr 13, 13).[192] Việc cử hành Thánh Thể đảm nhận và tái sinh các mối tương quan nhân loại và mở chúng ra với sự hiệp thông của Chúa Ba Ngôi. Cần nhấn mạnh rằng trong sự hiệp thông của Giáo hội tìm thấy sự hiện thực hóa, dấu vẫn còn bất toàn, cái nhu cầu sâu sắc về sự thống nhất của cá nhân và nhân loại, điều đã dẫn dắt biết bao xã hội không tương và các cuộc cách mạng trong lịch sử mà chưa bao giờ đạt được. Quả thực, trong sự hiệp

thông Thánh Thể, ngôi vị và cộng đồng không bị đặt đối lập để làm hại lẫn nhau, mà được mời gọi lẫn nhau theo một sự luân chuyển vốn chỉ tìm thấy sự biểu lộ thỏa đáng từ bên trong Mầu nhiệm Ba Ngôi. Bí tích Thánh Thể không chỉ soi sáng đời sống xã hội và lịch sử, mà còn cả mối tương quan với công trình sáng tạo, theo lời hứa của Chúa: “Chúng ta [...] mong đợi trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị” (2 Pr 3, 13; x. Kh 21, 1).[193] Nhịp điệu sự sống của công trình sáng tạo, trong các mùa khác nhau của nó, được đảm nhận bởi các cử hành bí tích và mở ra để thông truyền ân sủng của Thiên Chúa, chèn nó vào mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô. Cụ thể, việc cử hành Thánh Thể ngày Chúa nhật mang một ý nghĩa vũ trụ.[194]

157. Sự tha thứ và lòng thương xót cũng đóng góp một cách quyết định vào việc hiện thực hóa các mối liên kết hiệp thông, vốn thực hiện sự hòa giải có khả năng phá hủy các bức tường ngăn cách giữa con người và giữa các dân tộc (x. Ep 2, 13-14; Cl 1, 20). Trong bí tích hòa giải, Thiên Chúa tái sinh những trái tim bị tổn thương bởi sự ác và tội lỗi của chúng ta cũng như các mối quan hệ huynh đệ, cho phép chúng ta bắt đầu lại không phải từ kinh nghiệm về điều ác đã làm hoặc phải gánh chịu, mà là từ sự viên mãn của tình yêu Thiên Chúa.[195] Do đó, các quá trình hòa giải cũng được ủng hộ ở cấp độ xã hội.

158. Suy tư thần học về kinh nghiệm con người và về quá trình trưởng thành căn tính của bản thân mà chúng tôi đã cố gắng mô tả được đặt nền tảng trên nhiệm vụ cứu độ mang tính bí tích (*economia sacramentale della salvezza*). Đề (tái) xây dựng và đề xuất một nền văn hóa mang tính nhân bản trọn vẹn, có khả năng hướng tới tương lai và đối mặt với cả những thách thức cũng như những hiểu lầm cơ bản được truyền tải về vấn đề này bởi thuyết siêu nhân học và hậu nhân học, suy tư thần học phải được song hành bởi sự đóng góp của các ngành khoa học và nghệ thuật khác. Vì lý do này, thật thích hợp khi mời gọi các cá nhân và các tổ chức liên quan trong lĩnh vực kinh tế – xã hội, học thuật, nghệ thuật, văn hóa và chính trị hợp tác vì mục đích này. Mục tiêu là phát triển, khởi đi từ những cuộc trao đổi đang diễn ra, những cách thức tư duy và hành động mới, theo hình thức liên ngành và xuyên ngành. Bằng cách này, nhân học thần học có thể được chuyển dịch thành những trải nghiệm sống động và cụ thể, cả ở cấp độ cá nhân và xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và văn hóa. Hôm nay hơn bao giờ hết, trước những thách thức của một nhân loại đang nhìn về tương lai với niềm hy vọng và sự bất trắc, cuộc đối thoại và sự hợp tác liên ngành và xuyên ngành là cần thiết. Sự hợp tác này phải biết cách chuyển dịch sự phong phú vô tận của kinh nghiệm con người theo kế hoạch tốt đẹp của Thiên Chúa là Cha.

Kết luận - HỒNG ÂN THẦN HÓA NHƯ LÀ SỰ NHÂN HÓA ĐÍCH THỰC

159. Khởi đầu hành trình của chúng ta đã vang lên một câu hỏi, được chia sẻ với các anh chị em trong nhân loại: *Quo vadis, humanitas?* Trong giai đoạn này của thế kỷ XXI, gia đình nhân loại nhận thấy mình đang phải đối mặt với những câu hỏi triệt để đến mức chúng thậm chí đe dọa đến sự tồn tại của gia đình này như chúng ta từng biết cho đến nay. Sự bùng nổ của một sự phát triển khoa

học và kỹ thuật chưa từng có trong lịch sử của hành tinh phải được song hành bởi một sự gia tăng tương ứng về trách nhiệm nhằm định hướng tiến bộ hướng tới lợi ích của con người, bởi vì con người ngày nay đang phơi bày trước những rủi ro chưa từng tưởng tượng ra trước đây. Tác động của sự phát triển kỹ thuật – khoa học, đặc biệt là của cuộc cách mạng kỹ thuật số đối với kinh nghiệm con người là rất sâu sắc, cả ở cấp độ mối tương quan với môi trường, lẫn mối tương quan với người khác trong xã hội, với chính mình và với Thiên Chúa. Thông qua các công nghệ mới, một kỷ nguyên thay đổi thực sự của thân phận con người có thể được định hình, điều này được phản chiếu trong những nỗi sợ hãi của trí tưởng tượng xã hội trong nền văn hóa đại chúng và trong sự lạc quan hoặc bi quan đáng lo ngại của các phong trào siêu nhân học và hậu nhân học. Đề xuất về nhân học và văn hóa của Kitô giáo, ngày nay hơn bao giờ hết, gọi lại một quan niệm về cuộc sống như là ơn gọi, vốn làm cho một phương cách nhân bản để cư ngụ trong thời gian và không gian cũng như quan niệm về các mối tương quan liên chủ thể trở nên khả thi, điều này cũng trở thành sự phán đoán mang tính ngôn sứ về những khía cạnh đáng lo ngại nhất mà chúng ta không thể không nhận ra trong thuyết siêu nhân học và hậu nhân học.

160. Quan niệm về cuộc sống như là ơn gọi là viễn cảnh trong đó người ta có thể/phải đặt quá trình quyết định và phức tạp của căn tính ở cấp độ cá nhân và xã hội. Tầm nhìn Kitô giáo về cuộc sống kết nối căn tính với sự nhận biết một ân ban nhưng không nguyên thủy đi trước và sự đón nhận một nhiệm vụ kéo theo sau đó, được giao phó bởi tình yêu của Thiên Chúa cho tự do của các cá nhân và các dân tộc. Mỗi con người được kêu gọi để đón nhận chính mình như một ân ban, để chia sẻ ân ban của sự khác biệt, để trở thành ân ban cho tha nhân, để nhận ra sự siêu việt của ân ban này như là thần linh. Quá trình tác động đến căn tính cá nhân và xã hội này không bao giờ tĩnh tại hay được xác định một lần cho tất cả, mà có một chiều kích kịch tính nội tại, được tỏ bày trong những “căng thẳng phân cực” đặc trưng của kinh nghiệm con người trong lịch sử, vốn trở nên quyết liệt trước thách thức của sự ác vì nó muốn làm thay đổi ý nghĩa ban đầu của chúng. Do đó, cuộc đối thoại giữa tự do của con người và tự do của Thiên Chúa, trong việc đón nhận hay khước từ ân ban thần hóa nhờ ân sủng, không thể không mang một đặc tính kịch tính: “Anh em hãy xem Chúa Cha yêu chúng ta dường nào: Người yêu đến nỗi cho chúng ta được gọi là con Thiên Chúa – mà thực sự chúng ta là con Thiên Chúa. Sở dĩ thế gian không nhận biết chúng ta, là vì thế gian đã không biết Người. Anh em thân mến, hiện giờ chúng ta là con Thiên Chúa; nhưng chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được tỏ rạng. Chúng ta biết rằng khi Đức Kitô xuất hiện, chúng ta sẽ nên giống như Người, vì Người thế nào, chúng ta sẽ thấy Người như vậy” (1 Ga 3, 1-2).

161. Trong các xã hội của chúng ta, bị thúc đẩy bởi những giấc mơ cấp bách về sự nâng cấp vô hạn nếu không nói là thay thế hoàn toàn con người, đức tin Kitô giáo công hiến đề xuất thần học, mục vụ và văn hóa của mình. Đó là một sự hiểu biết lý thuyết – thực hành về con người mà cộng đoàn Giáo hội luôn muốn tái đề xuất cho các thành viên của mình, và mong muốn trình bày cho tất

cả mọi người. Lời loan báo Kitô giáo xác định phương thức thỏa đáng để đi xa hơn (siêu/trans) những giới hạn của kinh nghiệm con người, bằng sự thần hóa (theiosis) vốn chỉ có thể xảy ra nơi Thiên Chúa,[196] đó là điều hoàn toàn trái ngược với sự tự phong thần mang dấu ấn siêu nhân học. Nó được hiện thực hóa một cách cụ thể như một ơn gọi trong Chúa Kitô (x. Rm 8, 1; 2 Cr 5, 17; Gl 3, 26-28; 2 Tm 3, 12). Con Người là Đấng mà trong Người các sự căng thẳng cấu thành nên con người tìm thấy được sự cân bằng năng động. Nhờ ân ban của Chúa Thánh Thần, những người đã chịu phép Rửa được thông phần vào sự viên mãn đó, dù chưa được hoàn hảo trong hành trình lịch sử, để chờ đợi sự quy tụ dứt khoát, khi Thiên Chúa là tất cả trong mọi sự (x. 1 Cr 15, 28). Như vậy, trước những sự giản lược khác nhau mà chúng tôi đã mô tả, nơi một số khía cạnh của con người bị làm tổn thương, nỗi trạng Công giáo dự định tìm kiếm một sự tổng hợp năng động, trong đó không có chiều kích nào của kinh nghiệm chung bị mất đi, bằng cách tôn trọng những căng thẳng cấu thành của nó.

162. Chúng ta còn phải nhấn mạnh một thực tế là những căng thẳng có thể tìm thấy sự hội tụ trong đức tin không có nghĩa là một loại loại bỏ sự kịch tính của cuộc sống một cách báo trước. Ân ban của Thần Khí Đấng Phục Sinh được ban tặng một cách tự do cho tự do của con người, vốn hợp tác với ân sủng thần linh. Trong đời sống Kitô hữu, vở kịch thụ tạo không bị loại bỏ cũng không bị bỏ qua. Ở một ý nghĩa nào đó, những căng thẳng tự nhiên được sống với một sự triệt để lớn hơn, do sự bùng nổ của một nhận thức mới: các Kitô hữu nhận biết trong Chúa Kitô thân phận của họ như là những hữu thể mắc nợ mọi sự từ sáng kiến của Thiên Chúa là Cha và đồng thời, được Người triệu tập để hướng tới sự phát triển đích thực nhất và sự trao ban trọn vẹn chính bản thân mình. Chính vì thế mà lời loan báo của họ về ơn cứu độ không nhấn mạnh nhiều đến khả năng tự vượt lên (kể cả bằng công nghệ) các giới hạn tự nhiên hoặc văn hóa, cho bằng việc đón nhận với lòng xúc động và biết ơn ân ban của một tình yêu, điều làm cho sự phát triển căn tính cá nhân và xã hội trở nên khả thi, ở chỗ nó hoạt động thông qua đức ái (x. Gl 5, 6), đảm nhận một nhiệm vụ sáng tạo, để phục vụ tốt hơn cho công ích.[197] Theo cách này, họ góp phần đưa kế hoạch của Thiên Chúa đến chỗ hoàn tất theo một sự tương hỗ bất đối xứng của các ân ban.

1. Người Mẹ mang nhân tính trọn vẹn

163. Dưới ánh sáng của viễn cảnh thần học-mục vụ này, Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và Lên Trời trong lòng Thiên Chúa Cha với Đức Giêsu xuất hiện như một hình tượng tuyệt vời của một con người mà trong đó các căng thẳng hồn/xác, nam/nữ và cá nhân/cộng đồng thể hiện biên độ của chúng theo một sự thống nhất không phá hủy mà còn làm tăng cường sức mạnh của từng yếu tố hội nhập. Sự vâng phục của Mẹ Maria trước tiếng gọi của Chúa được chứng thực như sự sẵn sàng trọn hảo, trong toàn bộ hữu thể cá nhân, tinh thần và thể xác của Mẹ; được chứng thực như sự phong phú trình khiết và hiền mẫu cho việc xây dựng dân mới trong lịch sử nhân loại; cũng được chứng thực như một hệ hình (*paradigma*) của sự hội nhập nhân vị hóa vào trong cộng đoàn các môn đệ (x. Ga 19, 25-26). Thật vậy, nơi Mẹ Maria, Giáo hội chiêm ngắm điều mà tất cả chúng ta hy vọng trở

thành: hình ảnh của một con người trong sự viên mãn của nó.[198] Trong những hoàn cảnh của cuộc đời mình, Mẹ Maria thực hiện một sự tổng hợp kết hợp tiếng gọi của tình yêu và lời đáp trả tự do; ơn gọi cá nhân và sứ mạng xã hội; căn tính làm con và sự hiệp thông huynh đệ; lời loan báo của Thiên Chúa và việc phục vụ những người khác; sự vâng phục có trách nhiệm và sự phục vụ quảng đại; việc đón nhận ân ban và sự trao ban nhưng không; niềm vui của bài ca và sự suy niệm thanh bình về cuộc sống, sự thuộc về dân tộc mình và sự cởi mở với mọi thể hệ; việc chấp nhận giới hạn của chính mình và niềm hạnh phúc của đức tin; tiếng “xin vâng” để thánh ý Thiên Chúa được thực hiện (x. Lc 1, 26-38) và sự ân cần để mọi người làm theo những gì Đức Giêsu sẽ bảo họ (x. Ga 2, 5). Mẹ Maria đã đón nhận cuộc sống của mình như một ơn gọi và như thế đã hiện thực hóa căn tính cá nhân của mình trong việc hoàn thành sứ mạng được giao phó cho Mẹ, để kế hoạch tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi dành cho toàn thể nhân loại được hoàn tất.

2. Thách thức của người nghèo

164. Sự phát triển công nghệ không thể ngăn cản mà chúng ta đang xem xét trong văn bản này và vốn đặc biệt ưu ái những người đã có nhiều quyền lực, đặt ra thách thức phải hướng cái nhìn về phía những người nghèo nhất. Nếu sự phát triển này, như chúng ta đã thấy, cùng với các hệ tư tưởng đi kèm với nó, bao hàm những rủi ro nghiêm trọng, thì những rủi ro này sẽ còn lớn hơn đối với những người yếu đuối và không có khả năng tự vệ nhất, tức là đối với những người không có giá trị gì vì họ không phục vụ cho các bánh răng của những kẻ có thế lực nhất. Họ có nguy cơ trở thành vật liệu thải loại, “thiệt hại ngoài dự kiến” (*danni collaterali*), bị quét sạch không thương tiếc. Ngược lại, với tư cách là Kitô hữu, chúng ta được kêu gọi để nhìn họ bằng con mắt của Chúa Kitô, Đáng nói với mỗi người trong số họ: “Ta đã yêu thương con” (Kh 3, 9). Như Đức Giáo hoàng Lêô XIV giải thích, Chúa Kitô “bằng tình yêu trao ban đến cùng của Người, đã tỏ cho thấy phẩm giá của mọi con người”.[199] Và điều này kích thích chúng ta “nhận thức được mối liên hệ chặt chẽ tồn tại giữa tình yêu của Chúa Kitô và lời kêu gọi của Người thúc đẩy chúng ta đến gần với người nghèo”.[200] Từ đó nảy sinh bốn phận phải đặc biệt chú ý – như những người lính canh khiêm tốn – đến những hậu quả mà những sự phát triển mới của xã hội có thể gây ra đối với cuộc sống của những người rốt cùng. Dù vậy, chúng ta phải phản ứng bằng một lời ngôn sứ và sự dấn thân quảng đại. Tính chân thực của đức tin và giá trị nhân bản của cuộc đời chúng ta được đặt vào sự đánh cược ở chính nơi đây.

Chú thích

[110] Xem Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita* (Phẩm giá vô biên), ngày 2/4/2024, số 9. [...] Về ngôi vị con người, xem Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo, số 124-148.

[111] E. Morin, *Il metodo 5: l'identità umana*; Z. Bauman, *Intervista sull'identità*.

[112] Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 11.

[113] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 26.

- [114] X. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 17-21.
- [115] Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 53.
- [116] X. Phanxicô, Tông huấn *Amoris laetitia*, số 193; Tông huấn *Christus vivit*, số 181.
- [117] X. Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 1.
- [118] Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 22.
- [119] Sđđ, số 31.
- [120] X. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Phục vụ Phát triển Con người Toàn diện, *Oeconomicae et pecuniariae quaestiones*, số 10.
- [121] X. Phanxicô, Thông điệp *Dilexit nos*, số 15-19.
- [122] X. Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học (Summa Theologiae)*, I-II, q. 110, a. 3; q. 112, a. 1.
- [123] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Lumen gentium*, số 13.
- [124] Về triết học-thần học của Edith Stein về ơn gọi (*Berufung*). P. Ricoeur, *Soi-même comme un autre*.
- [125] X. Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 68.
- [126] Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 60.
- [127] Phanxicô, Tông huấn *Amoris laetitia*, số 56.
- [128] Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 155.
- [129] Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 60.
- [130] X. A. MacIntyre, *Dependent Rational Animals*.
- [131] Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 53.
- [132] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 24.
- [133] Phanxicô, Thông điệp *Fratelli tutti*, số 87.
- [134] X. Sđđ, số 111; và 95.
- [135] Sđđ, số 218.
- [136] Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 29.
- [137] X. Sđđ, số 11. X. Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo, số 130.
- [138] Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 18.
- [139] X. Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptoris Mater*, số 30-31.
- [140] X. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 20.
- [141] X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 79, 83.
- [142] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 14.
- [143] X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 81. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 9.
- [144] X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 82.

- [145] X. Tông huấn *Laudate Deum*, số 67.
- [146] X. Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng, *Con người là chi? (Tv 8,5). Một lộ trình nhân học Kinh Thánh*, 2019.
- [147] Ủy ban Thần học Quốc tế, *Hiệp thông và Phục vụ. Ngôi vị con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa*, 2004, số 66.
- [148] Phanxicô, Tông huấn *Laudate Deum*, số 26-27.
- [149] R. Guardini, *Der Gegensatz: Versuche zu einer Philosophie des Lebendig-Konkreten*.
- [150] X. J. Bergoglio – Giáo hoàng Phanxicô, *Nei tuoi occhi è la mia parola*.
- [151] Để có phần mô tả về những phân cực này, xem Ủy ban Thần học Quốc tế, *Hiệp thông và Phục vụ*, 2004, số 25-51.
- [152] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 14.
- [153] Phanxicô, Thông điệp *Dilexit nos*, số 21.
- [154] Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 81; X. Gioan Phaolô II, Thư gửi các gia đình *Gratissimam sane*, số 9.
- [155] Gioan Phaolô II, *Sứ điệp gửi Hội đồng Tòa Thánh về Khoa học*, 1996.
- [156] X. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Hiệp thông và Phục vụ*, số 64.
- [157] Phanxicô, *Tiếp kiến chung*, 22/4/2015.
- [158] Phanxicô, *Tiếp kiến chung*, 15/4/2015.
- [159] X. Gioan Phaolô II, Tông thư *Mulieris dignitatem*, số 6.
- [160] X. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii gaudium*, số 221-237.
- [161] X. Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo, số 130.
- [162] Âutinh, *Tự Thuật (Confessionis)* I, 1.1.
- [163] D. Alighieri, *Thần Khúc (La Divina Commedia)*. Hỏa ngục, Khúc XXVI, 118-120.
- [164] X. Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng, *Con người là chi?*, 2019, ch. IV.
- [165] Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, số 15.
- [166] Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng, *Con người là chi?*, 2019, số 12.
- [167] X. Sđđ, số 273.
- [168] Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas infinita*, số 18.
- [169] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 14.
- [170] X. Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo, số 451-452.
- [171] Gioan Phaolô II, Tông huấn *Reconciliatio et paenitentia*, số 15.
- [172] X. Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng, *Con người là chi?*, 2019, số 240-241.
- [173] Về Chúa Thánh Thần như là “ngôi vị tình yêu” và “ngôi vị ân ban”, xem Gioan Phaolô II, Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, số 10.
- [174] X. *Dei Filius*, chương II: DH 3004.

- [175] X. Âutinh, *De Trinitate* VII, 6. 12.
- [176] Biển Đức XVI, *Tiếp kiến chung*, 9/1/2013.
- [177] Lêô XIV, *Diễn từ gửi các Giáo hội Đông phương*, 14/5/2025.
- [178] Ủy ban Thần học Quốc tế, *Thần học, Kitô học, Nhân học*, 1981, 4.2.3.
- [179] Sđd, 4.3.
- [180] Sđd, 4.2.2.
- [181] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 22.
- [182] X. Irênê, *Adversus Haereses* IV, 38, 3-4.
- [183] X. Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo, số 460.
- [184] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, số 3-4.
- [185] Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 22.
- [186] X. H. de Lubac, *La postérité spirituelle de Joachim de Flore*.
- [187] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 12.
- [188] Biển Đức XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, số 53.
- [189] X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli tutti*, số 272.
- [190] X. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Hiệp thông và Phục vụ*, 2004, số 40-42.
- [191] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Lumen gentium*, số 3.
- [192] X. Biển Đức XVI, Tông huấn *Sacramentum caritatis*, số 12.
- [193] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 39; Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 236.
- [194] X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato si'*, số 237.
- [195] X. Ambrôsiô, *Exameron* IX, 76.
- [196] X. Tôma Aquinô, *Tổng Luận Thần Học*, I-II, q. 112, a. 1.
- [197] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, số 39, 45.
- [198] X. Công đồng Vaticanô II, Hiến chế *Sacrosanctum concilium*, số 103.
- [199] Lêô XIV, Tông huấn *Dilexit te*, 4/10/2025, số 2.
- [200] Sđd, số 3.
- [00322-IT.01] [Nguyên bản: Tiếng Ý] [B0171-XX.02]